

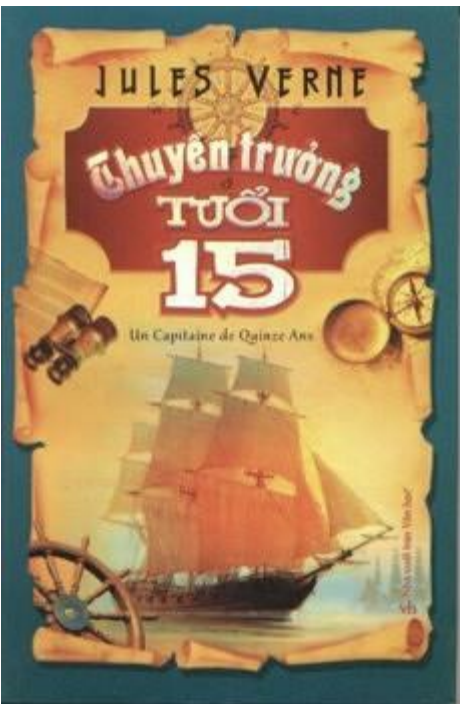
JULES VERNE

Chuyến trường
TUỔI
15

Un Capitaine de Quinze Ans



Chuyến trường Tuổi 15



PHẦN THỨ NHẤT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Chương 1

THUYỀN HẢI ÂU

Ngày hai tháng hai, thuyền Hải Âu đang ở vào nam vĩ tuyến 43037, và tây kinh tuyến 165019 trên Thái Bình Dương.

Thuyền này thuộc hãng Uynxton có trụ sở tại San Francisco chuyên dùng để đánh cá trên biển Nam cực, trọng tải bốn trăm tấn. Uynxton giao quyền chỉ huy tàu cho Huơ từ mấy năm nay. Hải âu là một trong những thuyền nhỏ nhất, nhưng cũng là một con thuyền ưu việt nhất của đoàn thuyền đánh cá Uynxton. Theo mùa cá, nó đã từng vượt eo biển Berinh đến tận các biển bắc cực và qua mũi biển Hon đến tận Nam băng dương. Nó chạy rất tuyệt vời.

Thuyền có năm thủy thủ và một chú bé học nghề làm việc dưới quyền thuyền trưởng Huvo. Để đánh cá voi thì số thủy thủ này rõ ràng là không đủ, nhưng noi gương tiết kiệm của các chủ thuyền khác, ông Uynxton chỉ dùng đủ số người tối thiểu để theo thuyền thôi. Còn khi đến New Zealand, thuyền trưởng sẽ tùy ý thuê thêm người đánh cá vì ở đây có nhiều ngư phủ lành nghề.

Thuyền Hải âu vừa kết thúc chuyến đánh cá voi ở vùng biển giáo Nam Cực. Năm nay thuyền thu hoạch cá voi rất ít vì gần đây người ta đua nhau săn bắt chúng nên giống cá này hiếm dần đi. Mùa cá năm nay thật bất lợi cho thuyền Hải Âu. Đầu tháng giêng, nghĩa là vào giữa mùa hè miền nam cực, đang giữa mùa cá, mà thuyền trưởng đành phải cho thuyền quay về. Hải Âu quay mũi về hướng Tây bắc, đi New Zealand để trả người đánh cá thuê về hải cảng Úc.

Vì thuyền còn nhẹ, ít ra cũng còn cần thêm hai trăm thùng dầu cá voi nữa mới đủ trọng tải, nên thủy thủ yêu cầu thuyền trưởng thuê thêm một số người đánh cá mới để quay trở lại đánh cá tiếp. Nhưng không tài nào tìm nổi nhân công vì họ đã đi làm thuê ở các hãng đánh cá khác rồi. Huvo quyết định trở về San Francisco. Đúng vào lúc đó, một nhóm khách xin đi nhờ mà ông không sao từ chối được. Đó là bà Uynxton, vợ ông chủ hãng của Hải Âu, cùng đưa con trai năm tuổi tên là Giắc và ông anh họ Bindac hiện đang tạm trú ở Úc. Mới đây, nhân việc doanh thương, ông Uynxton cho cả vợ con và ông anh họ cùng đi New Zealand chơi. Gần đến ngày về thì Giac bị ốm, trong lúc ông Uynxton có việc khẩn cấp phải rời Úc nên đành để vợ con và người anh họ ở lại đợi ông. Bà tháng trôi qua, ông vẫn bận việc chưa quay lại mà Giac đã

khỏe. Thấy thuyền của hãng nhà cập bến, bà Uynxton muốn về nhà trước chồng.

Bà Uynxton khoảng ba mươi tuổi, là một phụ nữ can đảm, quen đi biển và không sợ sóng gió. Hơn nữa, chiếc Hải Âu này vốn có tiếng là con thuyền tốt nhất trong các thuyền cá Hoa Kỳ nên bà thấy không phải e ngại gì. Còn Bindac là một người tử tế, thật thà, trạc năm mươi tuổi. Vì lớn tuổi nên ông không đi đâu một mình. Bindac cao lều khều, mặt xương xẩu, đầu to và hói. Cứ nhìn bề ngoài, người ta cũng đoán biết ngay ông là một nhà thông thái đeo kính gọng vàng, tốt bụng. Những người như ông suốt đời sẽ là những chàng trai ngọc ngà để rồi chết già như những cụ trăm tuổi và dù cho đến tận đời vẫn còn ngây thơ như trẻ nít. Mọi người đều thương ông vì ông rất đôn hậu. Bà Uynxton cũng chiều ông như chiều một đứa trẻ lớn để làm bạn với con bà. Tuy nhiên ông Bindac không phải là một kẻ vô công rồi nghề. Điều say mê nhất của ông là sinh học. Nói đến sinh học, người ta nghĩ ngay đến một môn học bao la, nhưng ông Bindac chỉ là một nhà côn trùng học bình thường mà thôi.

Vì say mê khảo cứu cây trồng nên ông đã theo ông bà Uynxton đi New Zealand. Ở đây, bộ sưu tập của ông đã được tặng thêm một số tiêu bản hiếm. Ai cũng biết ông đang nóng lòng muốn về ngay để xếp các vật báu đó vào tủ sưu tập ở San Francisco. Vì thế, ông rất mừng khi thấy bà Uynxton ngỏ ý và tất nhiên ông sẽ được về theo.

Hải Âu còn nghỉ thêm ở bến ba ngày. Bà Uynxton vội vã sửa soạn hành lý để kịp ngày nhổ neo. Ngày 22 tháng giêng, bà xuống thuyền Hải Âu cùng với con trai, ông Bindac và u già Nang – một phụ nữ da đen. Ông Bindac xách

kè kè bên mình một chiếc hộp bằng sắt tây đựng tất cả các mẫu vật mà ông sưu tầm được.

Trong lúc thủy thủ sửa soạn cho thuyền rời bến, bà Uyxton cùng người nhà ngồi trên boong thuyền. thuyền trưởng Huvo đến chỗ bà ngồi và nói.

- Thưa bà, như bà đã rõ, bà muốn đi thuyền này, do đó trách nhiệm thuộc về bà.

Bà Uynston hỏi lại:

- Sao ông lại nói thế, ông Huvo?

- Vì tôi không nhận được một mệnh lệnh nào của ông nhà về việc này.

Ngoài ra thuyền này không bảo đảm một chuyến đi êm đẹp xứng đáng với bà, như một chiếc tàu dành riêng cho hành khách.

- Thưa ông, ông có tin rằng nếu nhà tôi ở đây, ông ấy sẽ do dự và không muốn đi thuyền này cùng với vợ con không?

- Thưa bà, không. Ông nhà sẽ không do dự gì. Nhưng vừa rồi tôi nói như thế để khỏi chịu trách nhiệm về việc bà đi và cũng để nhắc bà là thuyền này không đủ tiện nghi.

- Nếu chỉ là vấn đề tiện nghi thì ông khỏi lo. Tôi không như những hành khách khó tính hay kêu ca về phòng ở và đòi có những tiện nghi đầy đủ.

Nói xong bà nhìn Giac một lúc, kéo lại gần rồi nói với ông Huvo:

- Thưa ông, ông cho khởi hành đi.

Thuyền trưởng liền ra lệnh nhổ neo. Cánh buồm xoay, con thuyền rời bến. Đi được ba ngày, Hải Âu bị ngược gió phải tránh về bên trái để tiến dần.

Vì thế, đến ngày hai tháng hai, thuyền trưởng nhận thấy Hải âu hiện ở trên cao hơn một vĩ tuyến, và ở vào một vị trí như người ta muốn vòng qua mũi biển Hon.

Chương 2

ĐÍCH SƠN

Mặc dầu thuyền bị chậm nhưng trời im biển lặng, con thuyền vượt biển bình thường.

Bà Uynxton rất được trọng đãi. Ông Huvo nhường cho bà căn phòng thuyền trưởng ở cuối thuyền, tuy hẹp nhưng rất sạch sẽ. bà ở đây với Giac và u già Năng. Ông Huvo cũng sắp đặt cho ông Bindac ở một phòng nhỏ bên cạnh. Còn ông Huvo dọn đến căn phòng dành cho thuyền phó vẫn bỏ không.

Đến bữa thì ông Huvo và ông Bindac dùng cơm cùng bà Uynxton tại phòng.

Thủy thủ trong thuyền đều là những người tốt và khỏe mạnh. Họ quen nhau từ lâu vì cùng ở vùng duyên hải, cùng là đồng nghiệp nên họ ăn ở với nhau rất là thuận hòa.

Trong thuyền còn có một người Bồ Đào Nha làm đầu bếp, tên là Nego, nói tiếng Anh rất thạo. Nego là một người lầm lì, ít nói, nhưng nấu ăn rất khá, ít khi người ta trông thấy hắn vì ban ngày hắn ở lì trong bếp. Đêm đến, khi lò lửa đã tàn, hắn mới rời bếp để về buồng ngủ đặt ở góc trong cùng khu thủy thủ.

Như trên đã nói, đoàn thủy thủ của thuyền Hải âu gồm có năm người và một chú bé học nghề. Chú mười lăm tuổi. Người ta không biết cha mẹ chú là ai vì chú bị bỏ rơi ngay từ lúc mới lọt lòng và được một nhà từ thiện đem về nuôi. Tên chú là Đíchson.

Đíchson rất mạnh khỏe, gương mặt thông minh và quả cảm, đó không chỉ là khuôn mặt của một người “có gan” mà còn là khuôn mặt của một kẻ “dám làm”.

Lên tám, Đíchson được theo thuyền đi Nam Cực. Em quen với nghề đi biển từ đó. Dần dần, em được các sĩ quan dạy chữ và nghề đi biển.

Về sau Đíchson làm thủy thủ cho một thương thuyền. Tình cờ em được thuyền trưởng Huvo chú ý đến. Ông giới thiệu em với ông Uynxton, chủ hãng. Thấy em khôi ngô lại mồ côi, ông Uynxton thương và đem em về nuôi.

Được tin bà Uynxton sắp về bằng thuyền Hải âu, Đíchson sung sướng vô cùng. Đã mấy năm trời, bà là người mẹ hiền của em và Đíchson coi Giắc như một đứa em nhỏ.

Gió đông dai dẳng mãi, thuyền trưởng Huvo không lúc nào được rảnh tay. Ông không làm sao điều khiển cho thuyền chạy được theo một đường chính xác. Bà Uynxton về nhà bị chậm trễ khiến ông luôn luôn lo ngại, mặc dù ông không có trách nhiệm gì về việc này.

Cuộc hành trình vẫn tiếp diễn, đều đều, tẻ ngắt. Bỗng một chuyện xảy đến vào ngày hai tháng hai trên kinh tuyến và vĩ tuyến này. Khoảng chín giờ sáng hôm đó, trời quang mây tạnh, Đíchson và Giắc đứng chơi với nhau trên bao lơn cạnh cột buồm, ở đây các em có thể nhìn khắp con thuyền Hải Âu và trông thấy cả một vùng biển rộng, xa tít tắp.

Thuyền Hải âu vẫn quay bên trái và chạy ngược gió rất nhịp nhàng, Đíchson cắt nghĩa cho Giắc biết thuyền đã được bỏ vật nặng vào đáy khoang cho khỏi trông chừng nên giữ được thăng bằng, dù sóng còn có đánh mạnh

vào mạn bên phải cũng không lật được. Chợt Giắc ngắt chuyện và nói ta:

- Có cái gì ở đằng kia hay sao ấy?
- Em nhìn thấy vậy gì chẳng? – Díchsơn quay hỏi Giắc.

Giắc chỉ một điểm trên biển và nói:

- Vâng, chỗ kia!...

Díchsơn chú ý nhìn đềm đó rồi kêu to:

- Một xác thuyền.

Chương 3

THÂN TÀU BỊ ĐẮM

Nghe tiếng Díchsơn kêu, tất cả thủy thủ đều đổ xô lên boong, duy có

Nego vẫn ở yên trong bếp. Mọi người chăm chú nhìn một vật nổi ở xa, lơ lờ giữa lớp sóng bạc, cách thuyền Hải Âu chừng ba dặm.

- Không biết đó là vật gì? – Một thủy thủ nói.
- Có lẽ là một cái bè nát – người thứ hai nói.
- Trên bè liệu còn có người nào sống sót không? – bà Uynxton hỏi.
- Ta phải đến gần mới biết được. Nhưng có lẽ đó không phải là một cái bè mà là một vỏ tàu bị nghiêng – ông Huvo đáp, rồi ra lệnh lái thuyền về phía đó.

Mười lăm phút sau, con thuyền chỉ còn cách thân tàu đắm chưa đầy nửa dặm.

Thân bên phải của chiếc tàu có một lỗ hổng lớn. Díchsơn nói:

- Chắc chiếc tàu này bị đâm rồi.
- Đúng thế - ông Huvo xác nhận.
- Cầu cho những người trong tàu bị nạn đều được cứu thoát – bà Uynxton nói.

- Thừa bà, tôi cũng mong họ kịp dùng những thuyền phao để thoát thân nếu tàu gây tai nạn bỏ chạy. Đôi khi cũng xảy ra những sự việc như thế, thật là đáng trách – ông Huvo đáp.

- Thật thế ư? Thế thì vô nhân đạo quá!

- Thừa bà đúng thế. Chúng tôi đã được biết nhiều trường hợp như vậy.

Còn thủy thủ của tàu này có lẽ đã thoát được hết vì tôi không thấy còn chiếc thuyền phao nào cả.

- Có thể còn những người chạy không kịp chăng?

- Chắc là không còn, vì nếu còn thì khi trông thấy chúng ta đến gần, họ phải ra hiệu chứ?

Lúc đó Hải Âu chỉ còn cách chỗ tàu đắm độ vài trăm mét thôi.

Bồ Đíchson ra hiệu cho mọi người im lặng và nói:

- Nghe này! Nghe này!

Mọi người đều lắng tai.

- Hình như có tiếng chó sủa.

Đúng vậy, có tiếng chó sủa trên tàu.

- Dù chỉ là một con chó, chúng ta cũng nên đến cứu – bà Uynxton nói.

Tiếng chó mỗi lúc một rõ dần. Khi Hải Âu còn cách chiếc tàu đắm

khoảng một trăm thước, thì thấy một con chó cao lớn hiện ra ở bao lơn tàu

và sủa thảm thiết. Ông Huvo ra lệnh cho thuyền đứng lại và thả một cano

nhỏ xuống biển. Rồi ông và Đíchson cùng hai thủy thủ nữa xuống cano. Con

chó vẫn kêu, có lúc nó bám vào bao lơn, có lúc bỏ ra và quay về phía sau. Nó

không còn sủa để báo cho những người đến nữa. Có lẽ, nó sủa để báo cho

những người sống sót bên trong tàu chăng? Chiếc cano đã đi đến cạnh vỏ tàu

chìm. Con chó cứ lồm lồm lên, nhìn vào thuyền Hải Âu và sửa dũ dội như tức giận cái gì. Mọi người quay lại thì thấy Nego vừa ở bếp đi ra phía mũi thuyền. Con chó biết Nego và nhận ra hấn chẳng? Chẳng có lẽ thế? Sau khi nhìn con chó, Nego không tỏ vẻ gì ngạc nhiên, hấn hơi chau mày một chút rồi trở vào.

Trong khi đó cano đi vòng phía sau tàu và nhìn thấy cái biển nhỏ mang tên “Andát”.

Đằng trước tàu có một lỗ thủng lớn do tàu khác đâm vào, lỗ này cao hơn mặt nước chừng một thước rưỡi, nên chiếc tàu không bị chìm hẳn. Trên sàn tàu không có một người nào cả. Con chó cứ chui vào cửa cầu thang rồi chui ra, miêng không ngớt kêu rên.

Díchson nhận xét:

- Không phải chỉ có một mình con chó ở trong tàu!
- Đúng thế!

Rồi thuyền trưởng cho cano lần theo sườn trái của tàu bị chìm và nói;

- Nếu còn ai sống sót sau khi tàu bị nạn thì chắc họ cũng chết rồi vì kho lương thực đã bị ngập nước. Có lẽ chúng ta chỉ còn nhìn thấy xác của họ mà thôi.

Díchson đáp:

- Không. Có lẽ con chó còn muốn mách với ta điều gì. Chắc trong tàu còn vài mạng sống nữa.

Vừa lúc đó, con chó nhảy luôn xuống biển và bơi đến cano. Trông nó có vẻ kiệt sức lắm rồi. Người ta vớt nó lên. Cano lùi ra vài sải, tìm chỗ thuận tiện để áp vào tàu Andát. Con chó tưởng người ta rời hấn tàu này, nó liền lấy

răng cắn áo Đíchson như muốn kéo lại và sửa thê thảm hơn trước. Ai này đều hiểu nó muốn gì. Cano liền lái vào chỗ cọc neo của sườn bên trái. Đến nơi, hai thủy thủ cột cano vào tàu. Thuyền trưởng Huvo và Đíchson bước lên sàn tàu và đến chỗ cửa cầu thang, con chó theo sau. Hai người lần xuống hầm tàu.

Thuyền trưởng nói:

- Dưới này không có ai cả.

Con chó ở trên sàn tàu cửa sửa hoài như để gọi hai người lên. Cả hai lại quay lên trên sàn tàu. Con chó chạy lại và đưa hai người đến cái lều cuối sàn. Nhờ ánh sáng lọt qua những bức phen thưa, ông Huvo và Đíchson trông thấy năm người, giống như năm xác chết trên sàn. Ông Huvo nhìn kỹ thì nhận ra những nạn nhân đó là người da đen. Đíchson đến sờ từng người rồi nói:

- Họ còn thở.

Ông Huvo ra lệnh:

- Mang họ sang thuyền của ta.

Hai thủy thủ liền khiêng họ ra khỏi lều và khó khăn lắm mới đưa được họ xuống cano, trong lúc họ vẫn mê man. Cano quay về thuyền. Năm nạn nhân đều được đưa lên thuyền để cấp cứu. Con chó không rời họ. Thấy những người đó lịm đi, bà Uynxton tưởng họ chết rồi nên rất thương cảm.

- Họ chưa chết đâu. Chúng tôi sẽ cứu họ - ông Huvo nói, xong ông gọi – Nego!

Nghe thấy hai tiếng Nego, con chó lại lông lên, kêu dữ dội. Không thấy Nego đến, ông Huvo lại gọi lần nữa:

- Nego!

Con chó lại nhe răng gầm gừ. Khi Nego vừa thò mặt lên sàn thuyền, còn chó liền chạy bổ đến, chực nhảy lên cắn họng Nego. May nhờ có cái gấp than bằng sắt cầm ở tay, hắn mới đẩy lui được con chó. Thuyền trưởng thấy thế liền hỏi Nego:

- Anh có biết con chó này không?
- Tôi! Tôi chưa từng thấy nó bao giờ?
- Thực là một chuyện lạ - Đíchson lầm bầm.

Chương

NHỮNG NGƯỜI SỐNG SỐT

Người nhiều tuổi nhất trong số những người da đen bị nạn là một ông già trạc sáu mươi tuổi. Ông là người hồi tỉnh trước tiên. Ông nói và trả lời ằng tiếng Anh. Thuyền trưởng Huvo hỏi:

- Tàu của ông bị đâm phải không?
 - Vâng. Tàu Chúng tôi bị đâm đã mười hôm nay trong một đêm trời tối như mực. Lúc đó, chúng tôi đang ngủ... - ông già đáp.
 - Mọi người trong tàu ra sao?
 - Thừa thuyền trưởng, khi chúng tôi lên được sàn tàu thì chẳng còn một ai cả.
 - Toán thủy thủ chắc đã kịp thời nhảy sang tàu gây tai nạn rồi chẳng?
 - Có lẽ thế. Và tôi cũng mong họ được như vậy.
 - Sau khi đâm tàu Andát rồi tàu đó không trở lại cứu bọn ông à?
 - Không ạ.
 - Hay là chính tàu đó cũng bị đắm luôn?
 - Nó không bị đắm, vì chúng tôi nhìn thấy nó chạy trốn trong đêm tối – ông già lắc đầu đáp.
 - Tàu Andát từ đâu qua đây?
 - Từ Melbourne.
 - Các ông không phải là nô lệ chứ?
- Ông già ngừng cao đầu lên, trả lời đồng dục:
- Thừa thuyền trưởng, không!

Theo lời ông già thì những người da đen này đã được tuyển mộ làm công nhân cho một người Anh có cơ sở khai thác lớn ở Melbourne. Họ đã làm việc ở đó được ba năm. Hết hạn hợp đồng, họ trở về. Họ từ Melbourne ra đi được mười bảy ngày thì đêm hôm đó tàu họ bị một tàu đâm phải. Đang ngủ, bỗng họ thấy tàu bị xô chuyển kinh khủng, họ choàng dậy và khi lần lên được sàn tàu, họ thấy các cột buồm đã gãy cả và tàu nằm nghiêng về bên phải nhưng không chìm, nước biển tràn vào hầm tàu. Riêng thuyền trưởng và thủy thủ tàu này đều biến mất, chắc người thì bị lặn xuống biển, người thì bám được vào chiếc tàu gây nạn. Chiếc tàu vô nhân đạo này trốn biệt. Còn trơ lại năm người da đen trên chiếc tàu nửa nổi nửa chìm, lên đênh trên mặt biển, cách đất liền chừng một ngàn hai trăm dặm.

Người da đen già nhất tên là Tôm. Với tuổi cao, tính cương nghị, và những già dặn trong cuộc sống lao động, ông già đương nhiên thành trưởng toán trong nhóm bốn người cùng đi làm thuê với ông. Những người này đều là những trai tráng từ hai lăm đến ba mươi tuổi, gồm Pat (con trai ông già), Ôttanh, Antôn và Ecquyn. Người nào trông cũng khỏe khoắn, mạnh mẽ.

Mười ngày ở trong chiếc tàu bị thủng, họ ăn thức ăn còn lại trong nhà bếp và không sao lấy được lương thực dự trữ vì kho đã bị ngập nước. Nước uống cũng cạn. Khát quá, họ lả đi, nằm bất tỉnh nhân sự thì may sao thuyền Hải Âu đã đến cứu kịp thời.

Còn một mạng sống sót nữa của tàu Andát, nếu biết nói có lẽ nó cũng thành thực kể lại như thế: đó là con chó. Mỗi khi thấy mặt Nego, nó tỏ thái độ tức giận, cắn hờn, thật là một điều khó hiểu. Tên nó là Đinhgô.

Đinhgô thuộc giống chó lớn Hà Lan dùng để giữ nhà. Không phải

thuyền trưởng tàu Andát mua nó ở Úc. Hai năm trước, Đingô đói khát, đi lang thang trên bờ biển phía tây châu Phi, gần cửa sông Congo, thuyền trưởng Andát trông thấy đem về nuôi. Nó không thích người lạ và lúc nào cũng buồn rầu nhớ chủ cũ. Có lẽ một biến cố gì đó đã chia rẽ chủ nó với nó, nên nó liều mình đi kiếm chủ khắp miền duyên hải hoang vu. S.V., hai chữ này ghi trên vòng cổ nó, đó là tất cả những gì gắn con vật với quá khứ của nó và cũng là một điều bí ẩn mà người ta không sao khám phá được.

Mặc dù Đingô không thích gần gũi với người, nhưng không dữ tợn, lúc nào đôi mắt nó cũng buồn. Theo lời già Tôm, thì hình như Đingô muốn lánh xa những người da đen, mặc dù những người này không hề động đến nó. Có lẽ khi ở trên bờ biển châu Phi, nó đã bị dân bản xứ hành hạ.

Đó là tất cả những nhân vật còn lại của tàu Andát. Chỉ một trận sóng lớn nổi lên là chiếc tàu Andát sẽ bị nhận chìm, mang theo những xác chết xuống đáy biển, nếu thuyền Hải Âu không đến kịp thời. Nhờ thuyền ngược gió mà thuyền trưởng Huvo đã làm được một việc từ thiện có ý nghĩa.

Chương 5

S.V.

Thuyền Hải Âu lại tiến thẳng về phía đông. Hôm đó là ngày hai tháng hai. Đến chiều, nhìn lại thì tàu Andát đã khuất dạng. Công việc đầu tiên của thuyền trưởng Huvo là sắp xếp chỗ ở cho năm người da đen. Nơi ở dành cho thủy thủ đã chật, người ta phải dọn chỗ dưới buồng lái cho họ. Sinh hoạt của thuyền bị xáo động một chút do chuyện bất ngờ, nay đã trở lại bình thường.

Năm người ở nhờ lúc nào cũng mong có việc làm để giúp ích cho thuyền. Nhưng sóng yên gió thuận, khi buồm đã đặt đúng hướng rồi thì

không còn việc gì nữa. tuy nhiên thỉnh thoảng phải xoay buồm thì họ làm rất
đắc lực, nhất là Ecquyn cao đến thước tám, làm khoe bằng ba bốn người. Khi
anh không lờ này mó vào việc gì thì phải biết!

Em Giắc thích ngắm Ecquyn làm việc. Em không sợ và để cho Ecquyn bế lên
nhẹ như người ta cầm con búp bê bằng bông và em thích chí, cười như nắc
nẻ. Trước có Đíchson, nay em có thêm Ecquyn và có một bạn thứ ba nữa, đó
là Đinhgô.

Đinhgô không thích gần người, nhưng Giắc lại khéo làm cho chó quyen
luyện, nó thích đùa với Giắc bởi Giắc cũng thích chơi với nó, Đinhgô là giống
chó mền trẻ. Tuy nhiên bà Uynxton không để con đùa nghịch suốt ngày. Bà
dạy Giắc tập đọc và viết. Còn Đíchson dạy em đếm và làm những bài toán
nhỏ vui. Giắc tập đọc, không phải bằng sách dạy vần mà bằng những chữ in
rời trên những miếng gỗ nhỏ hình lập phương. Em chọn những chữ đó để
chắp thành tiếng và rất thích cách học này.

Một hôm, có một chuyện bất ngờ xảy ra làm cho mọi người rất đổi
ngạc nhiên. Buổi sáng, ngày chín tháng hai, trong khi Giắc đang nằm trên sàn
thuyền, chơi chắp chữ với những miếng gỗ, còn Đinhgô cứ lượn quanh chỗ
em chơi. Giắc mãi tìm chữ không chú ý. Bỗng Đinhgô đứng lại, hai mắt trừng
trừng, chân phải giơ lên, cái đuôi giần giật. Rồi bất thành linh nó nhảy vào
giữa đám chữ rời, lấy răng cắn một miếng gỗ tha đi. Nó đem đến một chỗ
cách em Giắc vài bước và để xuống sàn. Miếng gỗ mang chữ S hoa. Giắc sợ
con chó nuốt mất chữ S của mình liền gọi:

- Đinhgô! Trả đây! Đinhgô!

Nhưng Đinhgô không trả. Nó lại đến ngoạm thêm một miếng gỗ nữa,

đem đặt cạnh miếng gỗ trước. Miếng gỗ thứ hai mang chữ V. hoa. Bị con chó phá mãi, Giắc kêu lên. Bà Uynxton, ông Huvo và Dichson đang đi chơi trên sàn thuyền, nghe tiếng kêu liền chạy đến. Giắc liền kể rằng con Đingô biết chữ! Nó biết đọc!

Dichson cúi xuống định lấy lại hai chữ đó thì con chó nhe nanh chổng cựa. Nhưng Dichson xoa đầu con chó và lấy lại bỏ vào bộ chữ của em Giắc. Đingô chạy theo và nhảy vào ngoặc cả hai chữ đó mang ra. Lần này nó sắp hai chữ S.V. ở trước mặt và lấy hai chân đề lên. Nó chỉ cần giữ hai chữ đó thôi, còn các chữ khác nó không cần biết đến.

Bà Uynxton thấy vậy nói:

- Lạ quá! Sao nó biết hai chữ S và V?

- S và V chính là hai chữ ghi ở vòng cổ nó – ông Huvo nói, xong quay sang chỗ già Tôm hỏi – Ông nói là con chó này mới được thuyền trưởng Andát nuôi phải không?

- Vâng, được chừng hai năm thôi – già Tôm đáp.

- Ông cũng nói là thuyền trưởng Andát đã gặp nó ở bờ biển Phi Châu và đem về nuôi, phải không?

- Thưa thuyền trưởng, vâng. Ở gần cửa sông Congo, tôi thường thấy thuyền trưởng Andát nói thế.

- Như vậy người ta không bao giờ biết được chủ nó là ai và tại sao nó bị bỏ rơi.

- Một con chó lạc cũng như một đứa trẻ lạc, không có giấy tờ, sẽ không tìm ra gốc gác.

Thuyền trưởng Huvo đứng lặng, cõ vể suy nghĩ.

Bà Uynxton hỏi ông Huvo.

- Hai chữ đó có gợi cho ông một hình ảnh cũ nào không?

- Thưa bà, có. Một hình ảnh cũ hay là một chuyện gần phù hợp với hai chữ đó.

- Chuyện gì?

- Hai chữ đó có thể có nghĩa và làm cho tôi tưởng nhớ đến số phận một du khách gan dạ...

- Ông muốn nói...?

- Thưa bà, năm 1871, cách đây hai năm, một du khách người Pháp theo lời khuyên của hội Địa lý Paris quyết định thực hiện một cuộc hành trình xuyên qua Phi Châu từ Tây sang Đông. Điểm khởi hành là cửa sông Congo, điểm phải tới là mũi đến Dengago ở cửa sông Rovuma, và du khách phải xuôi thuyền theo dòng sông đó. Du khách ấy tên là Samen Vecnong.

Bà Uynxton nhắc lại:

- Samen Vecnong!

- Thưa bà, vâng. Hai tiếng đó bắt đầu đúng bằng hai con chữ mà con Đìnhgô đã chọn trong bộ chữ rời, hai chữ đã được ghi vào vòng cổ nó.

- Có lẽ đúng. Về sau người du khách đó ra sao?

- Người du khách đó ra đi và sau đó người ta không nhận được tin tức gì về ông ta nữa?

Địchson cũng hỏi:

- Không có tin gì nữa ư?

- Tuyệt nhiên không.

- Vậy thì ông kết luận thế nào? – bà Uynxton hỏi.

- Tôi cho rằng ông Samen Vecnong đã không đi tới đích được. Có lẽ ông ta bị dân bản xứ bắt giam hoặc ông ta đã chết ở dọc đường.

- Còn con chó?

- Con chó chắc là của ông Samen Vecnong. Số phận nó còn may hơn chủ là nó đã trở lại bờ biển ở cửa sông Congo, và chính ở nơi đây, sau mọi chuyện xảy ra, nó đã được thuyền trưởng Andát đem về nuôi.

Bà Uynxton hỏi:

- Ông biết chắc người du khách Pháp có đem một con chó đi theo?

- Thưa bà, tôi đoán thế. Nhưng điều chắc chắn nhất là con chó biết hai chữ tên tắt của người du khách Pháp đó. Bây giờ hỏi rằng con chó đã biết phân biệt hai chữ ấy trong trường hợp nào thì tôi không thể giải thích được.

Nhưng tôi xin nhắc lại rằng con Đingô quen hai chữ đó lắm. Kìa! Nó đang lấy chân đẩy hai chữ đó ra như gọi chúng ta chú ý đến.

Tình cờ Nego đi qua đó. Hấn kinh ngạc thấy con chó đang ngồi rình trước hai chữ S.V. Hấn định rút lui thì Đingô nhìn thấy hấn, liền quay lại sửa liên hồi với vẻ rất căm thù. Nego liền giơ tay dọa nó rồi trở về phòng. Ông Huvo nhìn hết tấn kịch đó và suy nghĩ:

- Trong việc này chắc có một sự bí ẩn gì đây.

Chương 6

NHÌN THẤY CÁ VOI

Chuyện ngẫu nhiên vừa qua đã là đề tài bàn luận nhiều lần giữa bà

Uynxton, ông Huvo và Dichson. Dichson nghi ngờ Nego về chuyện con chó.

Nhưng Nego xử sự rất đúng mực, không có điều gì đáng trách cả.

Trong khi đó, ở đầu thuyền người ta cũng nói đến Đingô, bởi Đingô

đổi với họ chỉ là một con chó thông minh, biết đọc và có khi biết viết, giỏi hơn cả bất cứ người thủy thủ nào trong thuyền.

Trên biển, gió đông bắc vẫn thổi đều đều, thỉnh thoảng gió lặng làm cho hải Âu không tiến lên được. Đến ngày 10 tháng 02, gió dịu dần. Tốc độ thuyền chậm hẳn đi. Quảng biển Thái Bình Dương này thường vắng vẻ, không thấy bóng một con tàu nào. Những thuyền cá còn lại ở biển Nam Cực đánh cá voi chưa về. Còn những thương thuyền xuyên Thái Bình Dương không mấy khi theo vĩ tuyến khá cao này để đi từ Úc sang châu Mỹ. Vì những lý do đó nên vùng biển này rất hiu quạnh.

Hôm đó, bà Uynxton đứng chơi ở mạn sau thuyền, chợt có một hiện tượng làm bà chú ý. Nước biển tự nhiên đỏ hồng như nhuộm máu, vẽ nên một vệt dài vô tận trên mặt biển. Lúc ấy Dichson đang chơi với Giắc cạnh bà Uynxton.

- Em thử nhìn màu nước Thái Bình Dương ở vùng này xem. Đó là màu rong biển chẳng? – bà nói với Dichson.

- Thừa bà, không phải, màu đỏ ấy là do hàng triệu con vật rất nhỏ sinh ra. Đó là giống tiết chi thường dùng làm mồi cho những loài cá biển.

Bà Uynxton nói:

- Những con tiết chi à? Có lẽ cũng là một giống hải trùng. Ông Bindac chắc sẽ thích thú lấy vào bộ sưu tập.

Rồi bà gọi ông Bindac. Ông ở dưới mui vãi thò ra, cùng lúc ông Huvo cũng đến. bà Uynxton nói:

- Bác có thấy một dải nước đỏ mênh mông kia không?

Bindac chưa kịp trả lời thì ông Huvo giải thích:

- Đó là đồ ăn của giống cá voi đây ông ạ. Thật là một dịp tốt để ông nghiên cứu về một giống tiết chi hiếm có.

Ông Bindac ngó người ra, kêu:

- Ô!

- Thế thì nhà côn trùng học còn xoàng lắm.

- Côn trùng học, đúng. Nhưng thưa thuyền trưởng, tôi chỉ chú trọng về những côn trùng sáu chân thôi.

Ông Huvo vừa cười vừa nói:

- Nghĩa là những con tiết chi này không cần thiết cho ông, phải lắm, nhưng nếu ông có cái dạ dày cá voi thì giống đó lại cần, nó ngon lắm ông ạ!

Rồi ông quay sang nói với bà Uynxton:

- Thưa bà, về mùa đánh cá voi, khi thấy nước biển đỏ như thế này là dân đánh cá chúng tôi chuẩn bị ngay lao, móc và dây, vì thế nào cũng có cá voi ở quanh đó.

Ngay lúc đó, như để chứng minh lời nói của thuyền trưởng, có tiếng một thủy thủ ở mũi thuyền.

- A! Có một con cá voi ở mạn thuyền bên trái.

Mắt ông Huvo sáng lên. Ông hỏi:

- Cá voi à?

Cái bản năng của người đánh cá làm cho ông cuống quýt, ông chạy vội ra mạn thuyền. Bà Uynxton, Dichson và Bindac cũng theo sau.

Thực vậy, cách đó chừng bốn dặm, một đám nước sủi lên chứng tỏ có một con cá voi lớn đang quần ở đó. Những người đánh cá lành nghề đã nghiệm như thế, không thể sai được.

Vì thuyền còn cách xa chỗ con vật nhiều quá nên không sao nhận được con vật đó thuộc loại cá voi nào.

Thuyền trưởng Huvo cố nhìn vài dấu hiệu để đoán xem nó thuộc loại cá voi gì.

Chợt ông nói:

- Không phải là một con cá voi thường, Dichson ạ. Em có nhận thấy thế không?

Dichson đáp:

- Thừa thuyền trưởng, đúng. Không phải là cá thường. Chúng ta sẽ phải đương đầu với một con kinh ngư. Thuyền trưởng có trông thấy những tia nước phun lên không? Không phải là những hạt nhỏ như bụi mà là cả một cột nước vọt lên. Nó là một giống kinh ngư đặc biệt.

- Em nói đúng đấy, nó đang quẫy làm nước bắn lên tung tóe.

- Con kinh ngư to lắm đấy.

- Vâng, nó có thể dài hơn hai mươi mét.

Một thủy thủ xen vào:

- Thuyền này thừa sức chở năm bảy con cá như thế.

- Vài giờ nữa, ta sẽ có thêm một trăm thùng dầu mà thuyền ta đang thiếu.

- Tôi cũng mong thế - thuyền trưởng nói.

Dichson nhận xét:

- Thừa thuyền trưởng, sẵn giống kinh ngư to lớn này lắm khi cũng rất mệt.

- Nhất định rồi! Cái đuôi của nó rất kinh khủng. phải coi chừng, nó chỉ quật đuôi một cái là chiếc xuống chắc chắn mấy cũng ta tành. Nhưng đi câu thì phải sửa soạn mới.

Một thủy thủ thốt lên:

- Tóm được một chú kình ngư thì hay quá!

- Mấy khi gặp nhau, anh em phải hỏi thăm sức khỏe chú kình ngư chứ? –
người khác nói theo.

Rõ ràng là niềm hy vọng hạ con kình ngư kia đã làm cho đoàn người đánh cá phấn khởi và hăng hái. Họ như thấy cả một kho thùng dầu cá voi đang lập lòe trôi vào tay họ. Mấy thủy thủ nóng lòng trèo lên cột buồm nhìn con kình ngư và cười thích thú. Thuyền trưởng Huvo không nói nữa, ông có vẻ suy nghĩ.

Cuộc gặp gỡ với con kình ngư này như có một sức hút ghê gớm. Nó hấp dẫn con thuyền Hải âu cùng đoàn thủy thủ rất mạnh, không thể dứt ra được.

Chương 7

SỬA SOẠN

Bà Uynxton hỏi ông Huvo xem săn một con cá voi to lớn như thế có nguy hiểm gì cho thủy thủ của ông và chính ông không. Thuyền trưởng Huvo đáp:

- Thừa bà, không sao. Chúng tôi đã nhiều lần săn cá voi với một chiếc xuồng, nhưng lần nào tôi cũng đánh được. Xin bà cứ yên tâm, sẽ không có gì nguy hiểm cho chúng tôi và mọi người trong thuyền đâu.

Bà Uynxton yên tâm, không nói thêm gì nữa. Ông Huvo liền bố trí mọi thứ cần thiết để bắt con cá voi. Bình thường thuyền Hải Âu chỉ có thể trang bị cho năm thủy thủ một xuồng đánh cá. Ông già Tôm và các bạn của ông cũng xin đi, nhưng không được, vì điều khiển một thuyền đánh cá cần phải có những người thông thạo. Thiếu một mái chèo có thể gây tác hại cho thuyền trong lúc tấn công. Và lại ông Huvo không muốn bỏ thuyền mà không để lại một người tin cẩn đề phòng bị mọi sự bất trắc. Vì thế, ông phải chọn những

thủy thủ khỏe mạnh để trang bị cho thuyền cá và giao cho Dichson trông nom Hải Âu.

Ông gọi Dichson đến và bảo:

- Em ở lại trông thuyền trong khi ta đi đánh cá. Ta vắng mặt cũng không lâu đâu.

- Thưa thuyền trưởng, cháu xin vâng lời.

Chính Dichson cũng muốn xem đánh cá, nhưng chú cũng hiểu rằng việc đánh cá cần đến những cánh tay khỏe và khi vắng thuyền trưởng chỉ có chú là người có thể thay thế ông được thôi. Chú biết thế, nên đành ở lại, không dám đòi đi.

Toán thủy thủ năm người của thuyền Hải Âu trở thành ngư phủ của xuồng đánh cá. Đội trưởng là một ngư phủ lành nghề. Bốn thủy thủ chia nhau ngồi hai bên chèo thuyền. Đội trưởng ngồi phía sau giữ tay lái, ông Huvo đứng ở mũi xuồng điều khiển. Ông có nhiệm vụ phóng lao, tháo cuốc dây theo lao và đâm ngọn giáo cuối cùng khi con cá voi nổi lên.

Ông Huvo dùng những phương tiện thường như giáo, móc... để đánh kinh ngư. Thời tiết ôn hòa, thuận lợi cho việc săn cá; biển yên sóng lặng nên dùng xuồng nhỏ được. Chiếc xuồng ở sườn bên phải được hạ xuống. Bốn thủy thủ và đội trưởng bước sang xuồng. Còn một chỗ trống ở mũi xuồng, đó là chỗ của thuyền trưởng Huvo.

Trước khi thủy thủ sang xuồng, họ đã cho thuyền Hải Âu đứng yên, sắp cho những cánh buồm trái hướng nhau cho gió không di chuyển được thuyền.

Ông Huvo nhìn thuyền Hải Âu một lượt, xem lại thế buồm đã đặt đúng chưa, dây buồm buộc đã chặt chưa và các việc đã chuẩn bị xong chưa. Rồi ông gọi

Dichson đến căn dặn.

- Dichson, ta để em ở lại một mình. Phải xem xét tất cả. Em có thể nhờ già Tôm và các bạn của ông giúp một tay. Em hãy chỉ bảo kỹ càng, ta tin rằng họ sẽ làm được.

Già Tôm nói:

- Thưa thuyền trưởng, thuyền trưởng và cậu Dichson có thể tin vào chúng tôi.

Ông Huvo lại nói:

- Dichson. Hôm nay trời đẹp, gió yên, không có dấu hiệu gì xấu cả. Dù có chuyện gì em cũng không nên thả xuống và rời thuyền Hải Âu. Em nhớ không nào?

- Thưa vâng.

- Khi nào cần thuyền hải âu đến chỗ ta, ta sẽ buột lá cờ vào đầu sào ra hiệu cho em biết.

- Thưa thuyền trưởng, xin thuyền trưởng cửa yên tâm, cháu sẽ theo dõi xuống của thuyền trưởng ạ.

- Rất tốt. Em ở lại. Phải can đảm và gan dạ nhé, bây giờ em là phó thuyền trưởng rồi đấy. Em hãy tự bảo vệ vinh dự đó. Bằng tuổi em, chưa có người nào giữ nhiệm vụ đó bao giờ!

Dichson đứng im, mặt đỏ lên và mỉm cười. Ông Huvo hiểu nét mặt và nụ cười của em. Ông nghĩ: “Khiêm tốn hơn người”. Trước khi bước xuống thang dây, ông Huvo không quên chào bà Uynxton.

- Chúc ông gặp nhiều may mắn.

- Cảm ơn bà.

Rồi ông ngoảnh lại bảo già Tôm.

- Tôi sẽ nhờ ông và các bạn ông mỗ giúp cá voi đấy! Chúng tôi sẽ kéo nó về đây không lâu đâu.

Già Tôm đáp:

- Vâng, thưa thuyền trưởng. Chúng tôi xin chuẩn bị.

Giữa lúc đó, con cá voi bơi trong một vùng nước đỏ hồng. Những tia nước thấp thoáng ở xa trông như đám khói. Nó không nghĩ đến việc thoát thân vì giống cá này người ta thường gọi là “cá voi chiến đấu”.

Đã đến lúc khởi hành. Ông Huvo trèo qua bao lơn thuyền, leo thang dây xuống xuống. Xuống tách ra khỏi mạn thuyền rồi bốn mái chèo cùng khuấy nước, bắt đầu rời thuyền Hải Âu.

Thuyền trưởng Huvo dặn Dichson lần chót:

- Trông thuyền nhé Dichson! Trông thuyền nhé!

- Xin thuyền trưởng tin ở cháu.

- Vừa chú ý thuyền, vừa chú ý vào xuống, nghe không? Đừng quên nhé!

- Thuyền trưởng hãy yên tâm, cháu sẽ làm đúng như thế.

Nói xong, Dichson quay vào chỗ tay lái. Chiếc xuống nhẹ nhàng lướt đi và cách xa thuyền Hải Âu một đoạn, rồi lát sau, chiếc xuống chỉ còn là một vệt đen trên mặt biển.

Chương 8

CÁ VOI

Thuyền trưởng Huvo là một người đánh cá dày kinh nghiệm nên rất thận trọng. Bắt một con cá voi không phải là việc dễ dàng. Mọi việc đều phải chuẩn bị kỹ càng.

Ông Huvo bảo người đội trưởng:

- Anh cẩn thận tay lái nhé. Chúng ta phải đánh úp con cá voi và chỉ lộ ra khi nào nó vừa cách tầm lao thôi.

- Vâng. Tôi sẽ đi vòng vùng nước đỏ này để cho xuồng ở cuối gió – đội trưởng đáp.

- Được! Các anh chèo nhẹ nhàng nhé.

Cọc chèo đều lót rơm để không gây tiếng động. Đội trưởng điều khiển xuồng rất khéo nên chẳng mấy lúc đã đến dải nước đỏ. Con cá voi không nhúc nhích, hình như nó không biết có xuồng lạ đi vòng qua chỗ nó. Ông Huvo quay lại nhìn và thấy xuồng mình cách thuyền Hải Âu đã xa. Lúc đó con cá voi ở vào khoảng giữa: đằng trước ở phía xa là thuyền; và đằng sau là xuồng đang tiến tới. Giờ đã là lúc cho xuồng đến gần con cá. Xuồng bơi rất yên lặng. Ông Huvo đợi cho xuồng tới bên sườn con cá và phóng lao trước khi nó thấy động.

Ông Huvo nói nhỏ:

- Các anh bơi chần chậm chứ!

Đội trưởng nói:

- Hình như con cá này đã cảm thấy chuyện gì, nó thờ yếu hơn lúc nãy.

Ông Huvo ra lệnh:

- Im lặng!

Năm phút sau, xuồng chỉ cách con cá chừng hai trăm thước. Đội trưởng liền đứng lên, thận trọng lái xuồng vào sườn bên trái con vậ, hết sức tránh xe đuôi nó vì chỉ một cái quạt là xuồng vỡ tan tành. Ông Huvo đứng ở đầu xuồng, hai chân hơi dẹt ra cho vững, tay cầm sẵn khí giới để tấn công. Bên

cạnh ông Huvo, cuộc dây thừng thứ nhất đã được xếp sẵn trong một cái thùng loe miệng. Một đầu dây thừng đã được buộc chặt vào cây lao móc. Còn bốn dây nữa sẽ được lần lượt nối vào cuộn thứ nhất nếu con cá càng lặn sâu xuống biển.

Ông Huvo hỏi:

- Các anh chuẩn bị xong chưa?

Đội trưởng tay giữ vững mái chèo, đáp:

- Xong!

- Tạt vào! Tạt vào!

Thủy thủ tuân lệnh cho xuống đến gần, chỉ cách con cá độ ba thước. Con cá nằm im như ngủ. Ông Huvo suy nghĩ: “Ít khi thấy giống cá này nằm im, thực là chuyện lạ. Nhất định không phải nó ngủ. Chắc có cái gì đây”. Nhưng giờ phút này không phải là lúc để suy tính, mà là giờ phút tấn công. Ông Huvo mắt nhắm con cá, một tay cầm giữ cây lao có móc vung lên mấy vòng để lấy đà rồi phóng vụt một cái. Xong, ông nói luôn:

- Lùi mau! Lùi mau!

Thủy thủ liền cho xuống rút lui rất nhanh để tránh đuôi cá. Ngay lúc đó, đội trưởng kêu lên:

- Có cá con!

Lúc này mọi người mới biết nguyên nhân vì sao con cá voi đã nằm im rất lâu trên mặt nước. Thật vậy, con kinh ngư bất chợt bị móc đâm vào sườn, nó lặn một vòng, để lộ con cá con đang bú. Ông Huvo biết ngay: gặp trường hợp này, việc bắt con cá voi sẽ trở nên gây go. Cá mẹ sẽ chống cự mãnh liệt hơn để cứu thân nó và nhất là để che chở cho con nhỏ của nó. Nói là “nhỏ” nhưng

nó cũng đã dài đến sáu thước.

Trong khi ông Huvo và nhóm thủy thủ đang chuẩn bị đối phó nếu con cá mẹ xông vào, thì lại thấy nó lặn sâu xuống biển.

Trước khi nó lặn, ông Huvo và đội trưởng đã kịp trông rõ toàn thân nó, thực là một con cá voi khổng lồ, từ đầu đến đuôi dài hơn hai mươi bốn thước. Mở đầu đã đánh trúng là bước đầu thắng lợi rồi, nếu vì lý do gì mà phải bỏ dỡ, thực đáng tiếc vì đó là một con mồi rất bở. Con cá voi kéo thẳng dây lặn thật sâu. Bỗng nó vọt lên mặt biển rồi rẽ nước lao như bay.

Chiếc xuồng bắt đầu chạy đuổi theo, hay nói đúng hơn là bị lôi đi. Lúc đó cái mái chèo đều được gác lên, chiếc xuồng chạy vùn vụt như một mũi tên trên sóng biển.

Đội trưởng bình tĩnh giữ tay lái không chút nao núng mặc dầu xuồng ngả nghiêng kinh khủng. Ông Huvo mắt đắm đắm nhìn con cá, miệng luôn luôn nói:

- Lái cẩn thận! Lái cẩn thận!

Xuồng không sao theo kịp con vật nên dây của cây móc cuộn ở trong thùng bị kéo ra quá nhanh, cọ vào cạp xuồng nóng bỏng như sắp nẩy lửa. Ông Huvo phải đổ nước vào thùng cho ướt dây. Con kinh ngư chạy đã lâu àm không thấy nó ngừng hoặc chậm lại. Ông Huvo phải nối cuộn dây thứ hai vào cuối dây của cuộn thứ nhất đã bị cá voi kéo đi gần hết. Con vật không giảm tốc độ nên năm phút sau ông lại nối thêm cuộn dây thứ ba. Lần này thì dây từ từ chìm xuống biển. Có lẽ móc đâm không trúng vào chỗ hiểm của con vật nên nó còn khỏe, không nổi trên mặt nước mà lặn sâu. Đầu dây chéch dần xuống biển chứng tỏ con cá lặn mỗi lúc một sâu. Ông Huvo phải nối thêm cuộn dây

thứ tư. Ông nói:

- Thực là một con quái vật! Ta chưa nhìn thấy thế này bao giờ!

Sau cùng cuộn dây thứ năm được dùng đến. Nhưng con vật lôi được nửa cuộn thì thấy sức yếu dần đi.

Ông Huvo nói:

- Tốt lắm! Dây bớt căng. Con vật đã mệt rồi.

Trong lúc đó, thuyền Hải Âu ở cách xa ông Huvo chừng năm dặm.

Ông Huvo treo lá cờ lên một ngọn sào làm hiệu cho Dichson. Lập tức

Dichson, già Tôm và các bạn bắt đầu xoay buồm để đi. Lúc đó, gió yếu và thổi từng cơn ngắn. Thuyền Hải Âu còn phải mất nhiều giờ mới đến được chỗ đánh cá.

Như ông Huvop đã đoán trước, quả nhiên con cá voi nổi lên mặt nước với cây móc gắn bên sườn. nó bơi lập lờ tại chỗ, có lẽ để đợi con nó chứ bơi điên cuồng thì cá con theo sao kịp. ông Huvo cho xuống lại gần. hai thủy thủ gác mái chèo, mỗi người cầm một ngọn giáo đứng đợi. Đội trưởng chuẩn bị lách xuống một khi con vật xông đến.

Ông Huvo nói:

- Anh em phải ngắm kỹ! Đừng phóng huyệt! Chuẩn bị chưa?

Đội trưởng đáp:

- Xong!

Xuống lại vào gần nữa. Con kinh ngư đang xoay mình tại chỗ. Chợt nó quẫy đuôi và lùi xa chừng chín mét.

Ông Huvo kêu to:

- Coi chừng! Nó lấy đà để tấn công đấy Nè đi! Nè đi!

Quả nhiên, con vật quay đầu về phía xuống, hai cánh vẫy to lớn đập mạnh xuống nước và lao tới. Đội trưởng cho xuống tránh, con vật đâm trượt qua mạn xuống.

Trong khi con vật bơi qua, ông Huvo và hai thủy thủ phóng giáo vào đún những chỗ hiểm của con vật. Nó ngừng bơi, phun lên hai cột nước hòa máu.

Rồi nó lại nhảy chồm vào xuống. Đội trưởng lái bật xuống sang bên cạnh, tránh được đòn trực tiếp nguy hiểm đó.

Đợt giáo mới lại gây thêm cho con vật ba vết thương sâu nữa. Nhưng khi lướt qua, nó quật mạnh quá làm sóng dậy lên., Xuống nghiêng ngả và bị nước tràn vào. Ông Huvo ra lệnh:

- Múc nước ra đi!

Hai thủy thủ hăm mái chèo, vôi vàng lấy gầu múc nước đổ ra. Trong khi đó, ông Huvo lấy dao cắt dây thừng đi. Bị trọng thương, con vật trở nên hung dữ, không chịu nằm im. Bây giờ đến lượt nó phản công. Sức tấn công của con kinh ngư giẫy chết rất khủng khiếp.

Lần thứ ba, nó quay đầu “đầu đối với đầu” nhảy xổ vào xuống. Lúc đó, xuống ngập nước đến một nửa không sao hoạt động nhanh nhẹn được. tình hình này, làm sao tránh được những đòn trực tiếp của con vật? Nếu không chiến đấu được nữa, chiếc xuống liệu có rút lui được chăng? Dù xuống đi nhanh mấy, chỉ vài cái nhảy là con vật bắt kịp. vậy bây giờ chỉ có cách là không chiến đấu nữa mà kiên quyết cầm cự thôi.

Ông Huvo đã tính không sai. Trước lần tấn công thứ ba của con vật, xuống không sao đỡ nổi. Con vật xông vào, xuống né ra. Nó liền quật cái vây lớn ở lưng vào xuống. Đội trưởng đang đứng giữ lái ngã nhào vào ghế, ba ngón

giáo phóng ra đều trượt cả.

Ông Huvo cũng bị lão đảo, liền gọi to:

- Anh đội trưởng!

Đội trưởng vừa bò dậy vừa đáp:

- Dạ!

- Có việc gì không?

- Mái chèo bị gãy rồi.

- Thay cái khác.

- Xong rồi!

Trong lúc đó, một đám nước sủi lên cách xuồng không xa. Rồi con cá con hiện lên. Cá mẹ trông thấy liền phòng lại bảo vệ cho con, cuộc chiến đấu lại càng mãnh liệt. Con kinh ngư sẽ chiến đấu cho hai mạng. Ông Huvo nhìn về phía thuyền hải Âu, tay phát cờ lia lịa. Cánh buồm phấp phồng, thuyền từ từ tiến trên mặt biển yên lặng. Vì không có cánh máy quạt, nên thuyền không chạy nhanh được. Thấy cờ hiệu báo nguy, Dichson cho hạ một ca nô xuống biển, phòng khi thuyền trưởng Huvo và các thủy thủ cần đến.

Lúc đó, con cá mẹ áp con dưới bụng, đuổi theo xuồng và quyết định đánh giáp lá cà.

Ông Huvo kêu lên lần cuối cùng:

- Coi chừng! Anh đội trưởng coi chừng!

Đội trưởng cho quay xuồng, nhưng không kịp. Nhóm thủy thủ biết là nguy đến nơi liền đứng cả dậy, kêu vác lên. Có lẽ thuyền Hải Âu ở xa cũng nghe thấy những tiếng kêu thất vọng đó. Còn cá voi luôn xuồng đáy, lấy đuôi quất lên mãnh liệt. Chiếc xuồng bị hất tung lên vỡ làm ba mảnh rơi xuống giữa

hai ngọn sóng lớn đập vào. Các nạn nhân tuy bị trọng thương nhưng còn có sức bơi hoặc bám vào những mảnh vụn nổi. Ông Huvo đang bơi và đội trưởng cũng bám vào được một mảnh ván... Nhưng con cá voi, trong cơn giận dữ, quya trở lại trút hết tàn lực của một con vật sắp chết, lấy đuôi quật tan đám gỗ vụn trong đó các nạn nhân đang ngoi ngóp.

Đám sóng nổi lên một lúc rồi tan rã. Mười lăm phút sau, khi Dichson và các bạn da đen lật đật chèo ca nô đến nơi vừa xảy ra thảm họa thì chẳng thấy mạng sống nào nữa. Chỉ còn những mảnh vụn của chiếc xuồng lênh bênh trên mặt nước pha máu đỏ ngầu.

Chương 9

THUYỀN TRƯỞNG ĐÍCHSON

Tả làm sao được nỗi xúc động và kinh hoàng của những người còn lại trên thuyền Hải Âu khi đứng trước cảnh tan nát thảm khốc bày ra trước mắt. Họ xót xa nghĩ đến thuyền trưởng Huvo, một người gan dạ, chăm chỉ và những tay thủy thủ hăng hái, tận tâm đã bỏ mình vì nghề nghiệp. bà Uynxton quỳ xuống trên sàn thuyền, hai tay giơ lên trời nói:

- Chúng ta hãy cầu nguyện cho những người đã mất!

Giấc vừa chạy lại quỳ theo mẹ, vừa khóc vì em cũng hiểu cả. Dichson, u già Năng, ông Tôm và bốn người da đen đều cúi đầu, đứng sau bà. Bà đọc kinh cầu nguyện. Họ thành kính nguyện cầu cho linh hồn những người bạn xấu số.

Hiện giờ họ không còn thuyền trưởng để chỉ huy, không còn thủy thủ để chèo con thuyền. Họ ở lòng Thái Bình Dương, xa đất liền hàng mấy trăm dặm, trên một con thuyền nhỏ chơ vơ giữa sóng gió. Trong thuyền còn có

một người nào biết nghề thủy thủ nữa chẳng? Chỉ có một người: đó là

Đichson. Vừa lúc đó Nego hiện ra trên sán thuyền. hấn tiến đến trước

Đichson. Chú hỏi:

- Anh muốn hỏi tôi à?

Nego lãnh đạm trả lời:

- Tôi hỏi thuyền trưởng Huvo hoặc đội trưởng.

Đichson nói:

- Anh đã biết là hai người đó chết cả rồi!

- Thế ai chỉ huy ở đây bây giờ? – Nego hỏi, giọng mai mỉa.

Đichson nói thẳng:

- Tôi!

Nego nhún vai nói:

- Anh? Một thuyền trưởng mười lăm tuổi?

Đichson bước lại sát mặt hấn, nói:

- Phải! Một thuyền trưởng mười lăm tuổi!

Nego giật lùi hai bước.

Thấy thế, bà Uynxton bảo Nego:

- Anh nên nhớ chỉ có một thuyền trưởng ở đây thôi... Thuyền trưởng

Đichson, người mà trước khi rời thuyền này, thuyền trưởng Huvo đã giao phó mọi việc và đã cử làm phó thuyền trưởng rồi! Đichson sẽ điều khiển được con thuyền!

Nego cúi người xuống, miệng lẩm bầm những gì không ai nghe rõ, rồi trở về chỗ cũ. Khi đó, gió biển thổi đều, thuyền hải Âu đã đi khỏi dải nước hồng.

Đichson xem lại các cánh buồm, rồi xem xét thuyền. Chú cảm thấy trách

nhiệm nặng nề đè lên vai. Mọi con mắt đều hướng về chú với một niềm tin thiết tha. Chú thấy vững lòng và thêm tin tưởng ở mọi người.

Tuy chú biết cầm lái, đặt buồm và nhờ những người da đen xoay buồm tùy hướng. Nhưng tất nhiên chú không biết dùng những phép toán để xác định vị trí của thuyền. Nếu được học trong bốn hoặc năm năm nữa, chú sẽ thông thạo nghề hàng hải tốt đẹp và khó khăn này.

Bây giờ Đíchson chỉ có cách độc nhất để tính đường đi là dụng cụ đo tốc độ và la bàn. tuy nhiên, chú không hề nao núng. Bà Uynxton hiểu rõ tâm tư của chú lúc đó, bà nói:

- Cảm ơn em. Thuyền trưởng Huvo và các thủy thủ không còn nữa. vận mệnh con thuyền này bây giờ ở trong tay em. Em hãy cứu con thuyền và những hành khách.

Đíchson đáp:

- Thưa bà, đó là nhiệm vụ của cháu.

- Già Tôm và các bạn của ông đều là những người tốt, em có thể nhờ vả được.

- Thưa bà, cháu cũng biết thế. Cháu sẽ hướng dẫn cho các bạn cùng làm việc.

Bà Uynxton hỏi:

- Bây giờ em có biết thuyền Hải Âu hiện ở chỗ nào trên biển không?

- Thưa bà, rất dễ. Cháu chỉ việc xem bản đồ của thuyền là biết, vì hôm qua cố thuyền trưởng đã ghi rồi.

Thực vậy, đó là điều phải làm trước tiên. Đíchson chạy vào phòng cổ thuyền trưởng, lấy ra một tấm bản đồ trong đó đã có dấu ghi, Đíchson chỉ cho bà Uynxton biết Hải âu hiện ở trên vĩ tuyến 143 độ 35 tiếp kinh tuyến 146 độ

13 vì trong hai tư giờ vừa qua, thuyền không tiến được mấy.

Đích sơn mời già Tôm và các bạn da đen đến rồi hỏi:

- Các bạn, thuyền chúng ta không còn thủy thủ nào ngoài các bạn. tôi không thể lái thuyền được nếu không nhờ các bạn giúp sức. Các bạn không phải là những thủy thủ nhà nghề nhưng các bạn có những cánh tay khỏe. các bạn hãy hiến những cánh tay đó cho thuyền Hải Âu. Chúng ta sẽ cùn gđiều khiển con thuyền.

Già Tôm nói:

- Thưa cậu, chúng tôi sẽ là những thủy thủ của cậu. Việc gì người ta làm được, chúng tôi cũng có thể làm được. Chúng tôi sẵn sàng.

Bà Uynxton nói:

- Già Tôm nói phải quá.

Đích sơn cũng nói:

- Già nói phải lắm. Tôi sẽ chỉ cho già và các bạn công việc phải làm. Còn tôi, tôi phải cầm lái cho đến khi nào mệt mới nghỉ. Chỉ ngủ một vài giờ là tôi lại sức ngay. Trong những giờ đó, tôi cần một người để thay tôi. Già Tôm ạ, tôi sẽ chỉ dẫn cho già cách cầm lái bằng la bàn.

Già Tôm đáp:

- Thưa cậu, khi nào cần xin cậu cứ gọi tôi.

Đích sơn nói:

- Thế thì già lại gần tôi, bên cán bánh lái. Già sẽ ở lại đây cho đến tối. nếu tôi mệt, già có thể thay tôi trong một vài giờ.

Muốn tập cho các thủy thủ mới quen việc, Đích sơn bảo già Tôm và các bạn da đen.

- Các bạn! Bây giờ chúng ta xoay buồm cho thuyền đi thuận gió. Tôi sẽ chỉ cho các bạn làm.

Già Tôm đáp:

- Xin tuân lệnh, thưa thuyền trưởng Díchsơn, xin tuân lệnh!

Chương 10

BỐN NGÀY SAU

Díchsơn bây giờ là thuyền trưởng thuyền Hải Âu. Không để phí thời giờ, cậu bắt tay vào việc ngay. Chú huy động các bạn da đen điều khiển các cột buồm để thuyền đi xiên gió.

Díchsơn vừa cầm lái vừa gọi già Tôm.

- Bây giờ bắt đầu từ cột buồm tiền. Già “buông” đi!

Già Tôm không hiểu “buông” là gì, liền hỏi lại:

- Buông là gì?

- Là tháo dây buộc, thả cánh buồm xuống! Anh Pát cũng làm thế đi!... Được rồi! Bây giờ kéo đi! Kéo thật căng!

Pát nói:

- Như thế này phải không?

- Phải, tốt lắm. Còn anh Ecquyn, đầu kia... kéo thật mạnh!

Bảo Ecquyn làm “thật mạnh” có lẽ hơi quá vì anh không lò ẩy mó vào đâu thì chỉ có vờ vói gậy.

Thấy Ecquyn làm mạnh tay quá, Díchsơn vội kêu lên.

- Thôi! Nhẹ tay chứ, được rồi. Còn anh Antôn, anh Ôttanh ra mũi thuyền giương cánh buồm tam giác lên và buộc đầu dây vào móc.

Một dàn buồm của thuyền biển có nhiều cột buồm: cột buồm đại, cột buồm

tiên, cột buồm hậu. Mỗi cột lại có nhiều tầng buồm. Rồi lại có những buồm chéo mắc từ cột buồm nọ sang cột buồm kia, trông thực rối mắt. Vì thế mỗi khi dùng buồm đi thuận gió, xiên gió, ngang gió thật là khó khăn và là cả một nghệ thuật.

Những việc khó thì Đíchson phải tự làm lấy. Chú nhờ già Tôm cầm lái giúp. Chú leo lên cột buồm thoăn thoắt như một con mèo. Chú mở cánh buồm này, buộc cánh buồm kia dễ như một trò chơi. Xong việc rồi chú bám vào một dây buồm tuột từ ngọn cột xuống sàn thuyền mạn bên phải, rất nhẹ nhàng. Thế là tất cả các bộ buồm trên thuyền đều được sử dụng. Đíchson nói với bà Uynxton:

- Thừa bà, bây giờ thuyền của ta thuận buồm và chạy đều rồi! Cầu trời cứ giữ gió này mãi.

Nói xong, chú đến cầm lái thay già Tôm.

Sinh hoạt của thuyền lại trở lại bình thường. Trong ngày hôm ấy, Đíchson làm việc luôn tay, sắp xếp các việc đâu vào đấy và dự phòng những việc bất thường. Những người da đen sẵn sàng làm việc. Nền nếp trong thuyền có thể nói là hoàn hảo, Nego cũng không tỏ ra chống đối gì cả. Gió thổi đều hòa cho đến tối, nên không phải xoay chuyển hướng buồm.

Như trên đã nói, trong tay Đíchson chỉ có hai thứ dụng cụ cần thiết: một cái la bàn chỉ hướng đi và một máy đo vận tốc để tính phỏng chừng quãng đường đã đi. Trong ngày hôm ấy, cứ nửa giờ Đíchson lại cho thả máy đo xuống biển và ghi chép những chỉ số do máy cung cấp để tính toán. Còn la bàn thì trong thuyền có hai cái. Một cái để trong hộp đặt ngay chỗ lái. Nhìn trên la bàn, người ta biết ngay là thuyền đang đi về hướng nào, nghĩa là biết

phương hướng con thuyền đang theo. Cái la bàn thứ hai thì treo úp dưới cái gióng ngang ở khuôn cửa sổ phòng cổ thuyền trưởng. Như vậy, ở trong phòng, lúc nào thuyền trưởng cũng có thể biết người cầm lái đi đúng đường hoặc sai đường.

Hai cái la bàn nói trên đều rất cần thiết nên Díchsơn dặn mọi người phải giữ gìn cẩn thận. Bỗng trong đêm 12 rạng ngày 13 tháng hai, tự nhiên cái la bàn ở cửa sổ tuột đinh rơi xuống vỡ tan. Mãi đến sáng người ta mới biết.

Díchsơn rất bức bối vì chỉ còn độc một cái la bàn ở bánh lái, nếu không may hỏng nữa thì biết lối nào mà đi. Díchsơn giữ gìn cái la bàn độc nhất rất cẩn thận.

Ngoài việc vỡ la bàn, mọi việc vẫn tiến triển một cách khả quan. Díchsơn thức đêm để cầm lái. Ban ngày, chú chỉ ngủ độ năm hay sáu tiếng đồng hồ, trong khi đó già Tôm và Pát thay thế. Díchsơn đã dạy họ lái. Những người da đen cũng sáng ý nên mỗi ngày một quen việc hơn. Già Tôm đương nhiên trở thành đội trưởng do các người da đen cử lên. Về việc thường trực, Díchsơn chia ra làm hai toán, toán thứ nhất gồm có Díchsơn, Antôn và Ecquyn, toán thứ hai là già Tôm, Pát và Ôttanh. Khi một người trong toán cầm lái thì hai người kia gác ở trước thuyền.

Mặc dầu quãng biển này vắng, đêm đến Díchsơn vẫn canh chừng cẩn mật.

Hai đèn hiệu được thắp: lửa xanh ở mạn bên phải và lửa đỏ ở mạn trái. Đêm này tiếp đêm khác, Díchsơn phải cầm lái nên đôi khi chú thấy mỏi mệt và chỉ thao tác theo bản năng. Vì thế trong đêm 13 rạng 14 tháng hai, thấy người mỏi mệt, Díchsơn nhờ già Tôm cầm lái giúp để đi nghỉ.

Trời u ám và tối đen, Ecquyn và Antôn đứng gác ở trước thuyền. Khoảng ba

giờ sáng, già Tôm, lúc ấy đang trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, thoáng trông thấy một bóng đen lướt qua sàn thuyền. Đó là Nego. Hắn đi về phía sau, tay cầm một vật gì nặng, rón rén đến bên bánh lái, đặt vật hắn cầm ở tay xuống dưới hộp la bàn. Hắn vừa nhắm mắt sáng của la bàn vừa xê dịch vật đó, rồi lui ra và biến mất. Đó là một miếng sắt có khả năng làm xê dịch kim nam châm của la bàn. Kim này đang chỉ về hướng bắc đã bị miếng sắt kéo về hướng đông bắc, nghĩa là cách xa điểm cũ 45 độ hay nửa góc vuông.

Lát sau, già Tôm bừng tỉnh dậy. Ông nhìn vào la bàn thấy thuyền mình vẫn chạy về hướng đông sao bây giờ lại chạy về hướng đông bắc, so với kim đã bị kéo xuống.

Tưởng khi mơ màng mình đã đi sai đường, già Tôm liền quay cán bánh lái lại cho thuyền quay mũi về hướng đông (so với kim sai). Ông tưởng vậy, nhưng thực ra ông đã quay mũi thuyền đang đi đúng hướng đông, để chạy về hướng đông nam, lệch 45 độ đường!

Chương 11

BẢO

Một tuần lễ sau sự việc trên, nghĩa là từ 14 đến 21 tháng hai, không xảy ra việc gì đáng tiếc. Gió tây bắc nổi lên dần, thuyền Hải âu đi khá nhanh, vận tốc trung bình tới 166 dặm trong 24 giờ.

Đích sơn yên trí rằng tàu Hải âu sắp đến vùng biển có nhiều tàu đi từ bán cầu nọ sang bán cầu kia. Nhưng thuyền càng đi càng thấy vắng tanh; không thấy một bóng chiếc thuyền nào qua lại.

Điều này không khỏi làm Đích sơn thắc mắc. Đã nhiều lần chú đi qua quãng biển Thái Bình Dương này. Tại vĩ tuyến và kinh tuyến này, ít khi không có

những tàu Anh hoặc tàu Mỹ đi từ mũi Hon lên xích đạo, hay đi từ xích đạo xuống cực Nam châu Mỹ.

Trong khi đó, tuyến Hải âu cứ xuống mãi phương Nam mà Đíchson không ngờ đến.

Trong ngày 20, sự biến đổi của phong vũ biểu làm cho Đíchson phải chú ý.

Thực vậy, cột thủy ngân tiếp tục xuống đều đều, điềm báo trời sắp mưa.

Nhưng không thấy mưa ngay, Đíchson đoán là thời tiết xấu sẽ kéo dài.

Đíchson kiểm soát lại các cột buồm cùng cánh buồm, sắp đặt việc đề phòng.

Hơn hai tiếng đồng hồ, Đíchson và mấy người da đen cuộn được hai cánh buồm trên của cột buồm đại. Đó là một việc rất nguy hiểm và mất nhiều thì giờ.

Suốt ba ngày 20, 21 và 22 tháng hai, hướng gió, sức gió không thay đổi mấy, nhưng trời chiều rất xấu và sắp nổi gió to. Đíchson lo lắng, không phút nào rời sàn thuyền và ngủ không yên. Cả buổi sáng ngày 23 tháng hai, gió biển dịu dần. Nhưng đến chiều gió lại nổi lên làm thuyền khó đi. Vào khoảng 4 giờ, Nego lặn mặt đã lâu, bây giờ lại xuất hiện ở sàn trước. Con Đinhgô có lẽ lúc đó nằm ngủ ở góc nào nên không thấy sửa như thường lệ. Nego đứng lẳng lặng nửa giờ ngắm vùng biển mà con thuyền đang rẽ sóng tiến lên. Rồi hắn nhìn lên trời bần gđôi mắt thản nhiên. Lúc đó trời chiều rất đáng lo ngại. Có thể Nego là người không biết sợ hoặc không hiểu những triệu chứng đe dọa của khí tượng nên bản thân không lo lắng gì cả. lát sau hắn ra hắn mũi thuyền, nhìn thật xa như muốn tìm một dấu hiệu gì ở đường chân trời. Xon hắn lại lặng lẽ trở về phòng, không nói và cũng không biểu lộ một thái độ gì. Từ ngày 24 tháng hai đến ngày mồng bốn tháng ba, nghĩa là trong mười

ngày liên tiếp, bầu không khí vẫn nặng nề, chưa thấy biến chuyển.

Với giàn buồm đã được hạ bớt, thuyền Hải Âu vẫn chạy nhanh, nên Díchsơn định hạ buồm nữa khi cần đến. Díchsơn ước lượng bờ biển chắc cũng không còn xa lắm. Vì thế cần phải nhìn kỹ. Những việc này không thể giao cho những người da đen giúp được, vì dù tinh mắt đến đâu, một người không quen nghề cũng không thể nhìn thấy ngay bờ biển nhất là trong khi có sương mù như thế này. Thế nên Dickson phải tự quan sát lấy. Thỉnh thoảng chú lại leo lên cột buồm để dễ nhìn nhưng không thấy dấu hiệu gì cả.

Díchsơn gọi già Tôm và ra lệnh đo vận tốc thuyền xem như thế nào. Già Tôm cầm máy đo đã được buộc vào một đầu dây, và ném ra ngoài. Máy đo mới kéo dây ra được chừng hai mươi lăm sải thì già Tôm thấy dây chùn lại. già kêu lên:

- Hồng to rồi!

- Gì thế? – Díchsơn hỏi.

- Đứt dây rồi!

- Đứt à? Thế là mất máy đo rồi.

Già Tôm buồn rầu nhìn sợi dây đứt. Máy đo mất, Díchsơn không còn gì để tính vận tốc thuyền được nữa. Tất cả dụng cụ cần thiết để đi biển, chỉ còn có một cái la bàn, nhưng lại là cái la bàn hồng mà Díchsơn không biết.

Tuy không tính được tốc độ và biết được quãng đường đã đi, nhưng nhìn luôn nước tóe sau thuyền, Díchsơn cũng biết là thuyền chạy rất nhanh.

Đến ngày 10 tháng ba, phong vũ biểu xuống tới 719 ly. Đó là triệu chứng của một trận cuồng phong, tốc độ có thể tới 60 dặm một giờ.

Một lần nữa Díchsơn phải khẩn cấp thay đổi thế buồm cho thuyền được an

toàn. Díchsơn sai hạ những cánh buồm cao xuống, cuộn những cánh buồm thấp lại, chỉ để một cánh buồm nhỏ ở mũi và một cánh buồm dưới của cột buồm đại mà thôi. Tôm và các người da đen đều phụ lực với Díchsơn, nhưng công việc rất phức tạp không thể làm nhanh được. Díchsơn, Ôttanh, Antôn và Pát trèo lên dàn buồm trong khi già Tôm cầm lái và Ecquyn đứng trên sàn chuẩn bị nhả dây buồm nếu được lệnh.

Mọi người đều làm cật lực, hai lá buồm đã được hạ xuống. Mặc dù giàn buồm đã được giảm đi, thuyền Hải Âu vẫn chạy nhanh quá độ.

Ngày 12, vừa bình minh, Díchsơn xem phong vũ biểu mà sớn cả người! Cột thủy ngân xuống tới gần 709 ly. Bão đến nơi rồi! Không thể để một cánh buồm nào trên thuyền được nữa. Gió mỗi lúc một mạnh thêm. Trong khi Díchsơn đang vội cuộn chiếc buồm của cột đại thì một luồng gió rất mạnh làm rách ta lá buồm, làm cho một đầu dây quán vào Ôttanh khiến anh bị thương nhẹ. Díchsơn buồn vô cùng, thuyền Hải Âu bị đẩy dữ dội nên có thể bị xô vào những mỏm đá ngầm mà chú đoán là ở gần đây. Díchsơn chạy ra sàn trước thuyền quan sát, nhưng không thấy hình bóng đất liền đâu, liền quay lại cầm lái.

Một lát sau, Nego ở đầu thò lên sàn thuyền, đứng tựa bao lơn nhìn ra. Hắn giơ cánh tay ra như để chỉ một điểm nào tận chân trời. Có lẽ hắn đã nhìn ra một dải đất cao nào trong đám sương mù? Hắn cười nham hiểm và không nói gì về điều hắn thoáng thấy, rồi thùng thình trở về phòng.

Chương 12

NHÌN PHÍA CHÂN TRỜI

Trận bão càng trở nên ghê gớm và kéo dài. Gió tây nam thổi mạnh, vận tốc

thuyền lên đến 90 dặm một giờ. Thật là một trận phong ba khủng khiếp.

Thuyền còn độc một lá buồm tam giác ở mũi giúp cho việc lái được dễ dàng, nhất là trong lúc sóng gió này. Lá buồm cần thiết đó cũng bị gió giật rách toạc bời và cuốn đi mất. Đíchson định thay thế bằng một lá buồm vải dày hơn, nhưng rồi cũng không dám làm vì gió mạnh quá. Thành ra thuyền Hải âu chạy không buồm, thế mà gió cũng đập vào vỏ thuyền, vào các cột buồm và những dây phụ tùng đẩy thuyền đi vùn vụt như bay. Đíchson không rời bánh lái. Chú dùng dây thắt ngang lưng rồi buột vào một cột gần đó để khỏi bị sóng tràn lên thuyền cuốn đi. Tôm và Pát cũng buộc mình vào dây như thế, đứng bên cạnh Đíchson để giúp đỡ. Ecquyn và Antôn cũng bám chặt vào cọc thuyền đứng trước thuyền.

Còn bà Uynxton, em Giắc, ông Bindác, u già Năng theo lệnh của thuyền trưởng phải ở trong phòng không được ra ngoài. Đíchson ngủ rất ít. Bà Uynxton khuyên chú cần phải nghỉ ngơi nếu không sinh ra ốm thì nguy cho tất cả mọi người.

Đêm 13 rạng 14 tháng ba, trong khi Đíchson mệt quá phải đi nằm thì lại xảy ra một chuyện mới nữa. Tôm và Pát đang ở đằng sau thuyền thì chợt thấy Nego đến gần và hình như muốn nói chuyện với họ. Thành linh một lớp sóng lớn làm cho thuyền trông tránh, nego ngã. Nếu không bám vội vào hộp la bàn thì có lẽ hẳn đã bị lặn xuống biển. Tôm sợ la bàn vỡ liền kêu to lên. Đíchson vừa chớp mắt, nghe thấy tiếng kêu vội chạy đến bánh lái. Lúc đó, Nego đã đứng dậy rồi, tay cầm một miếng sắt vừa rút ở đáy la bàn ra, hẳn vội giấu đi nên Đíchson không biết.

Bây giờ, Nego lại muốn cho la bàn chỉ hướng chính xác? Vì gió tây nam cầm

thiết cho hấn vào lúc này.

Đích sơn hỏi:

- Gì thế?

Tôm đáp:

- Chính thằng bếp khốn nạn này vừa ngã vào hộp la bàn xong.

Thấy thế, Đích sơn xám mặt lại, cúi xuống xem hộp la bàn. Nhờ ánh sáng đèn,

Đích sơn thấy kim nam châm vẫn nằm giữa vòng tròn và hộp vẫn còn nguyên

không bể. Chú yên tâm, nhưng có biết đâu, từ lúc miếng sắt được lấy ra, kim

nam châm lại trở về vị trí thường của nó, nghĩa là nó chỉ đúng hướng bắc.

Trong suốt một tuần lễ, gió bão liên miên không dứt. Phong vũ biểu vẫn

xuống. Từ 14 đến 26 tháng ba, không một lúc nào ngớt gió để giương một

vài cánh buồm. Thuyền vẫn lao về hướng đông bắc với một tốc độ không

kém 200 dặm trong hai tư tiếng. Thế mà vẫn chưa nhìn thấy đất đâu cả.

Miền đất mong mỏi này là Mỹ châu, một dải đất dài hơn mười ba ngàn cây

số như một bức thành nằm giữa Đại tây dương và Thái bình dương.

Đích sơn cứ thắc mắc sau bao nhiêu ngày vượt biển với một tốc độ nhanh

như thế mà sao thuyền vẫn chưa tới đích? Hay là mình đi lạc đường rồi

chăng? Đích sơn liền đem bản đồ ra xem, suy ngẫm mãi không sao khám phá

ra được điều bí ẩn do Nego gây nên. Chẳng những riêng mình Đích sơn

không hiểu mà bất cứ người nào trong trường hợp ấy cũng không hiểu

được.

Hôm sau, vào khoảng tám giờ sáng lại xảy ra một việc rất quan trọng.

Ecquyn đương ở trước thuyền, bỗng kêu lên.

- Đất! Đất liền!

Đíchson chạy đến hỏi:

- Đất à?

Ecquyn chỉ về phía trước, Đíchson nhìn thấy một nét nhọn lơ mờ nhô lên trong màn sương mỏng xa xa. Đôi mắt thủy thủ của chú không thể nhầm được. Đíchson nói:

- Đúng rồi!

Đíchson đứng nhìn một lúc nữa rồi trở về bánh lái với già Tôm. Đã thấy bóng của vùng bờ biển hằng mong đợi, đáng lẽ Đíchson mừng mới phải, nhưng người ta lại thấy chú tỏ vẻ lo sợ. Đíchson lo thuyền Hải âu đang chạy phăng phăng theo luồng bão rất có thể bị xô vào những mỏm đá ngầm ngoài bờ biển và vỡ tan tành. Hai giờ sau, một mũi đất dần dần hiện ra to bằng bề ngang con thuyền. Lúc đó, Nego lên sàn thuyền, nhìn bờ biển, gật gật đầu và làm bầm trong miệng câu gì không ai nghe rõ.

Đíchson dỗi nhìn đằng sau mũi đất xem đường vòng của bờ biển ở chỗ nào. Thuyền đi hai giờ nữa, mũi đất đã ở về phía bên trái, phía sau thuyền, mà vẫn chưa trông thấy bờ biển.

Trời rạng dần. Một dải bờ biển cao như bờ biển Mỹ châu, có rặng Andơ hùng vĩ chạy dọc, nếu đứng thì ở xa hai mươi dặm cũng trông thấy.

Đíchson lấy kính viễn vọng ra nhìn khắp chân trời ở phía đông. Không thấy gì cả. Chú thất vọng, liền xuống chỗ bà Uynxton báo tin:

- Thừa bà, đó là một hòn đảo!

Bà Uynxton hỏi:

- Hòn đảo à? Nhưng đó là hòn đảo nào?

Đíchson đáp:

- Để cháu xem bản đồ.

Đíchson chạy về phòng rồi đem một tấm bản đồ đến và nói:

- Thưa bà, vùng đất mà người ta nhìn thấy có lẽ là đảo Pác, vì không còn đảo nào khác ở quãng biển này.

- Thế đảo Pác cách châu Mỹ bao nhiêu?

- Ba mươi lăm độ ạ.

- Bằng bao nhiêu dặm?

- Chừng hai ngàn dặm.

- Thế thì thuyền ta không đi bước nào à? Vì ta vẫn còn ở xa lục địa.

Đíchson đáp:

- Thưa bà, cháu cũng không hiểu sao nữa! Cháu không thể cắt nghĩa được sự chậm trễ kỳ lạ này. Không lẽ la bàn lại chỉ sai? Nhưng hòn đảo này rất có thể là đảo Pác vì thuyền ta bị bão thổi dạt lên hướng Đông Bắc. Dù sao cũng là đã xác định được vị trí của con thuyền (gần đảo Pác) vì thế là thuyền chúng ta cũng không đến nỗi lạc lõng trên mặt Thái bình dương mênh mông này.

Đảo Pác ở trên nam vĩ tuyến hai bảy độ tiếp đông kinh tuyến 112 độ. Thuyền Hải âu sở dĩ bị kéo đi hơn 15 độ (chừng 1666 km) về phía Bắc là vì bão thổi từ tây nam đẩy thuyền chạy vùn vụt lên đông bắc. Như vậy thuyền của

Đíchson hãy còn cách đất liền chừng 1.000 dặm nữa. Nhưng với sức mạnh của gió này, chỉ mười ngày nữa là thuyền Hải âu có thể cập bờ biển nam Mỹ châu.

Chương 13

ĐẤT! ĐẤT LIỀN!

Sáng ngày 28 tháng ba, cột thủy ngân đã thấy lên trong ống phong vũ biểu.

bão bắt đầu giảm. Biển vẫn sóng nhiều, nhưng gió càng đi về phía tây càng nhẹ dần.

Tuy nhiên vẫn chưa giương buồm được. Phải đợi hai tư tiếng đồng hồ nữa, may ra mới có thể kéo một cánh buồm tam giác ở mũi thuyền. Ban đêm gió dịu dàng, thuyền cũng đỡ bị nghiêng ngã bởi những con sóng bạc đầu. Bà Uynxton là người đầu tiên bước ra khỏi phòng từ khi bão nổi. Bà đến bắt tay Díchson và nói:

- Díchson, con yêu quý của ta! Thuyền trưởng của ta!

Díchson mỉm cười đáp:

- A! Thưa bà, bà đã không tuân lời của thuyền trưởng rồi! Bà đã ra khỏi phòng bất chấp những lời... đề nghị của thuyền trưởng?

- Con ơi, ta cảm thấy cơn sóng gió này sẽ yên con ạ.

- Thưa bà, bà đoán đúng vì phong vũ biểu đã bắt đầu lên từ hôm qua. Gió đã bớt mạnh, con cũng tin rằng cuộc thử thách gay go này sắp chấm dứt.

- Díchson con ơi! Con đã cực nhọc nhiều quá! Con đã là một...

- Thưa bà, đó là bốn phận, nghĩa vụ thôi ạ.

- Bây giờ con hãy nghỉ ngơi đi.

- Nghỉ ngơi ấy à! Con không cần nghỉ ngơi. Bà đã gọi con là thuyền trưởng, thì con sẽ giữ nhiệm vụ thuyền trưởng cho đến khi nào tất cả mọi người trong thuyền Hải âu này về tới đích an toàn.

- Dích! Con! Ông Uynxton và ta, chúng ta không bao giờ quên được những điều mà con đã làm. Con đã tỏ ra là một người lớn, một người xứng đáng làm chỉ huy.

Díchson cảm động, dầm dấn nước mắt, nói:

- Con! Con ư?...

Bà Uynxton đáp:

- Díchsơn, con ơi, trước kia con là con nuôi, bây giờ là con đẻ của ta, người đã cứu sống mẹ và em Giắc của con. Con ơi, con lại gần đây, mẹ hôn con và cũng là để hôn thay cho cha con đang vắng mặt tại đây.

Sau những lời tâm tình đó, Díchsơn thấy phấn khởi và mạnh mẽ hẳn lên.

Ngày 29, sức gió đã giảm, Díchsơn cho giương buồm để thuyền đi nhanh và đúng hướng hơn. Díchsơn gọi mấy người da đen tới và nói:

- Các bạn hãy giúp ta một tay. Chúng ta kéo buồm cột giữa trước. Buồm này phải thay bằng cái mới nên hơi khó làm đấy.

Antôn nói:

- Chúng tôi làm được.

Thế rồi Díchsơn chỉ dẫn cho họ làm. Mất một tiếng đồng hồ mới kéo xong lá buồm ta này. Còn cánh buồm tiền và cánh buồm mũi giương lên không khó mấy mặc dầu bị gió cản trong lúc làm. Thế là ngày hôm đó, lúc mười giờ sáng, thuyền hải âu đã chạy được bằng ba buồm.

Hôm sau, mây đen vẫn trôi ngang trời rất nhanh, nhưng thỉnh thoảng lại đứt quãng nên tia sáng mặt trời nhiều lúc rọi xuống mặt biển. Vì thế thuyền Hải âu cũng tràn ngập ánh sáng. Cái ánh sáng đầy sức sống này quý biết bao!

Các cửa cầu thang đều được mở tung ra cho hầm thuyền được thoáng khí.

Tuy mất máy đo nhưng Díchsơn không quên nhìn đường nước rẽ sau thuyền nên có thể ước lượng được tốc độ của thuyền. Díchsơn tính với vận tốc này chỉ bảy ngày nữa là nhìn thấy đất liền. Chú đem bản đồ, chỉ vị trí phòng đoán của con thuyền cho bà Uynxton biết. bà nói:

- Còn bảy ngày nữa thôi! Thế thì hay lắm!

Mấy ngày sau, tình hình thời tiết thay đổi bất thường làm cho Đích sơn lo ngại nhưng cũng không có chuyện gì xảy ra. Gió biển lúc thổi từ hướng bắc chuyển sang hướng nam, rồi dừng hẳn. Sức gió vẫn mạnh làm mệt mỗi giàn buồm.

Đến ngày mồng năm tháng tư, vẫn chưa nhìn thấy đất liền. mặc dù luôn có một người da đen túc trực ở trên chòi quan sát. Nhiều lần, Tôm và các bạn da đen đã mừng hụt vì những hình kỳ dị của đám hơi nước hiện ra như một vết đất ở nơi chân trời.

Nhưng đến mồng sáu tháng tư thì không còn nghi ngờ gì nữa. Lúc đó là tám giờ sáng, mặt trời bắt đầu lên cao. Sương mù tan dần, chân trời trở nên trong trẻo. Đích sơn trèo lên chòi quan sát, bỗng thốt ra một tiếng kêu mà bấy lâu mọi người mong đợi: “Đất! Đất liền ở trước chúng ta!” Nghe tiếng đó, mọi người đều chạy lên sàn, chỉ thiếu Nego. Ai cũng nhìn thấy cách xa chừng bốn dặm, về phía Đông, một dãy bờ biển thâm thấp in rõ trên nền trời xanh. Thuyền Hải âu chạy thẳng và nhanh về phía đó, bờ biển mỗi lúc một rộng ra. Hai giờ sau, đã tới gần bờ biển, con thuyền đi thẳng vào đất liền. Một hàng đá ngầm rất dài, lô nhô trong những lớp sóng bạc đang dồn dập xô vào bờ đá. Đích sơn lẳng lặng cầm lái. Gió vẫn thổi đều. Con thuyền chỉ còn cách bờ biển độ một dặm. Đích sơn thấy một vũng nhỏ phía bờ biển có thể cho thuyền vào được, nhưng lờm chờm những đá ngầm. Tìm một lối để lách thuyền vào thật là khó.

Trong lúc đó, con Đinh gô cứ đi đi lại lại trên sàn thuyền rồi nhảy về phía trước nhìn bờ biển sủa lên những tiếng kêu thảm thiết. Người ta chor ằng nó

biết vùng này và bản năng làm cho nó nhớ lại một kỷ niệm đau buồn gì đó.

Nego đang ở trong phòng, nghe thấy tiếng chó sủa tự nhiên chạy vọt ra, đứng tựa bao lơn. Con Đingô mãi sủa nên không biết Nego đứng gần. Hẳn thản nhiên nhìn những lớp sóng đang quạt vào bờ biển. Bà Uynxton thấy nét mặt hấn rạng ra một lát rồi lại ủ dột. Nego biết miền bờ biển mà gió bão đã đưa thuyền Hải âu đến chẳng? Trong khi đó, Díchsơn trao tay lái cho Tôm và đứng nhìn cái vũng dần dần mở rộng ra. Rồi với giọng cương quyết, Díchsơn nói với bà Uynxton:

- Thưa bà, không còn hy vọng tìm chỗ lách an toàn cho thuyền được. Nửa giờ nữa thì thuyền ta sẽ ở trên đá ngầm. Dù sao, chúng ta cũng phải lên bờ. Con đành hy sinh con thuyền này. Giữa số phận con thuyền và số phận của mọi người thì không còn điều gì phải ngần ngại nữa.

Bà Uynxton nói:

- Con cứ làm những gì thuộc quyền con.

Ngay sau đó Díchsơn chuẩn bị mọi việc để cho thuyền mắc cạn. Chú sai đem lên sàn thuyền mười thùng dầu cá voi. Dầu này sẽ dùng để đổ lên mặt sóng khi thuyền vào vũng. Sóng sẽ dịu đi, thuyền có thể lách qua những mỏm đá ngầm dễ dàng và bớt nguy hiểm hơn. Lúc đó, thuyền chỉ còn cách bờ biển khoảng ba trăm thước. Sườn bên trái đã bị sóng chồm lên trắng xóa. Mỗi lúc, Díchsơn lại tưởng như đáy thuyền sắp xệt trên đá. Chợt chú nhìn màu nước và biết chỗ này có một con rạch nhỏ đi vào bờ, hai bên có những chỏm đá ngầm, Không ngần ngại gì nữa, Díchsơn lái luôn thuyền vào rạch để vào được càng gần bờ càng hay. Sóng biển chồm lên dữ dội, nước tràn cả vào sàn thuyền. Những người da đen đứng cả ở trước thuyền bên cạnh những thùng

dầu cá voi đợi lệnh.

Đích sơn nói:

- Để dầu ra! Đổ ra.

Lập tức những thùng dầu được đổ ra như thác. Như có phép lạ, mặt biển im ngay dưới lớp dầu lênh láng để rồi lúc sau lại sôi nổi, dữ dội hơn. Thuyền Hải âu chạy tuồn tuột trên làn nước trơn mượt và đâm thẳng vào bờ. Cột một lớp sóng nâng thuyền lên và xô vào đám đá ngầm. thuyền đụng mạnh và mắc cạn. các cột buồm đều đổ nhào, may không ai việc gì cả.

Vỏ thuyền bị đá đâm thủng, nước chảy vào ào ào. Chỗ này cách bờ biển chừng một trăm thước, lại có mọc đá đen nhô lên, giúp cho mọi người lội vào không khó. Vì thế, chỉ mười phút sau, tất cả mọi người trong thuyền Hải âu đều đổ bộ được đến chân bờ đá cao.

Chương 14

NHỮNG ĐIỀU PHẢI LÀM

Sau bảy tư ngày, thuyền Hải Âu đã cập được vào bờ biển. Dù rất tiếc nhưng mọi người cũng đành phải bỏ thuyền lại. Bây giờ cần nhất là phải biết chỗ đổ bộ là địa điểm nào? Theo Đích sơn thì nơi này có vẻ là bờ biển Peru. Chú căn cứ vào đảo Pác mà cho rằng thuyền Hải âu bị đưa lên đông bắc bởi sức mạnh của gió và cũng bởi ảnh hưởng của hải lưu miền xích đạo. Từ vĩ tuyến 43, thuyền có thể bị trôi dạt tới vĩ tuyến 15.

Nêu là bờ biển xứ Pêru thì hải cảng, thị trấn và làng mạc không hiếm, Đích sơn có thể tìm đến chỗ dân cư không khó khăn gì. Còn ở miền này rất hoang vu. Không một vết tích, không một dấu chân tỏ ra nơi này đã có người qua lại. Đích sơn không khỏi kinh ngạc, chú tự hỏi: “Đây là đâu? Hiện giờ ta ở

chỗ nào? Lầy ai mà hỏi bây giờ?”. Chẳng có ai cả. Nếu có người lạ thì con Đínhô đã đánh hơi thấy và sủa ầm lên rồi. Con chó cứ vòng đi vòng lại trên bãi sỏi, đuôi cúp, mũi dí sát đất và gầm gừ. Điều bộ của nó kỳ quặc quá, hình như nó tìm kiếm cái gì chứ không phải báo hiệu người hay vật lạ đến gần. Bà Uynxton nói:

- Díchson! Trông con chó kia!

- Lạ quá! Có lẽ nó muốn tìm một dấu vết gì – Díchson đáp.

- Còn Nego làm gì thế?

- Hắn cũng như Nego đi đi lại lại muốn tìm tòi thứ gì... Nhưng thôi, bây giờ hắn được tự do. Con không có quyền ra lệnh cho hắn nữa. Nhiệm vụ của hắn chấm dứt sau khi thuyền mắc cạn.

Trong khi đó, Nego quanh quẩn ở bãi sỏi nhìn bờ biển, nhìn vách đá như muốn tìm vài dấu vết cũ. Hắn đã biết miền này chẳng? Nếu hỏi, chắc hắn sẽ không trả lời. Tốt hơn là đừng nói đến và nghĩ đến con người bí hiểm đó.

Chợt Díchson thấy hắn đi về phía sông con rồi mất hút sau một vách đá.

Díchson không nghĩ đến hắn nữa.

Bây giờ việc khẩn thiết nhất là tìm ra chỗ tạm trú để ăn uống và nghỉ ngơi.

Rồi họp mọi người lại để bàn định những việc phải làm cho ngày mai.

Về lương thực, không phải lo lắng lắm. Không kể những vật phẩm mà miền này có thể cung cấp, hạm thuyền đã có sẵn những thứ để nuôi những người sóng sót. Sóng biển đã đưa thức ăn từ hạm thuyền vào cái khe đá ven bờ.

Tôm và những người da đen đã thu thập được vài thùng bánh bích quy, nhiều hộp đồ ăn và mấy kết thịt khô. Những thực phẩm này đã được đem lên bờ và để ở một chỗ chắc chắn, không sợ nước triều lên cuốn đi mất.

Đíchson bảo Ecquyn đến bờ sông con lấy một bình nước ngọt về uống tạm, nhưng Ecquyn lấy về một thùng lớn đầy nước trong và mát. Củi ở đây không hiếm, còn lửa thì già Tôm nghiện thuốc nặng nên có sẵn những bùi nhùi. Giờ đây chỉ còn thiếu một cái hang cho đoàn người ở tạm trong một đêm trước khi khởi hành đến chỗ có dân cư.

Em Giắc đã có công tìm ra hang. Sau khi tung tăng chạy nhảy ở bờ biển, em về khoe:

- Có một cái hang đá to bằng cái nhà.

Quả nhiên, tại một khu vách đá gần bờ biển, em đã tìm thấy một cái hang khá rộng và nhẵn nhụi do nước triều xói thành. Hang này rộng và sâu khoảng bốn thước, có thể chứa được đoàn người sống sót.

Mười phút sau, mọi người đều được nghỉ ngơi thoải mái trên lớp cỏ khô trải trong hang. Tự nhiên Nego trở về. Có lẽ hắn không muốn phiêu lưu một mình trong rừng rậm bên bờ con sông nhỏ ngoằn ngoèo. Một giờ chiều, bữa ăn được bày ra: nào thịt ướp, cá hộp, bánh quy, nước ngọt được pha thêm rượu rum do Pát đem theo. Nego cũng ăn, nhưng hắn không hề bàn vào câu chuyện của mọi người về tình hình khó khăn hiện tại.

Bà Uynxton vừa ẵm Giắc ngủ trong lòng vừa nói:

- Đíchson, con ơi. Thay mặt cho tất cả mọi người ở đây, mẹ cảm ơn con đã hết lòng với mọi người cho đến giờ phút này. Tuy nhiên, nhiệm vụ của con chưa hết. Con đã là thuyền trưởng của chúng ta trên đại dương, thì con hãy là người hướng đạo của chúng ta trên đất liền. Mọi người đặt tin tưởng nơi con. Vậy ý con thế nào? Bây giờ phải làm gì?

Đíchson trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Thừa bà, điều cần thiết là phải biết chúng ta đang ở đâu. Theo con thì miền bờ biển Mỹ Châu này thuộc nước Pêru. Nhưng chúng ta lại lạc vào phía nam xứ đó, là nơi gần những đồng cỏ hoang ít người ở. Cứ xem bãi biển hiu quạnh này thì biết chúng ta hiện ở một nơi rất xa làng mạc.

Bà Uynxton hỏi:

- Ta phải làm thế nào bây giờ?

Đíchson đáp:

- Con nghĩ rằng ta không nên rời nơi trú ẩn này trước khi ổn định tình hình của chúng ta. Sau một đêm nghỉ ngơi để lại sức, sáng mai hai người trong đoàn sẽ đi thăm dò. Họ sẽ cố tìm gặp một vài người bản xứ để hỏi đường rồi trở về hang báo tin. Chả lẽ trong vòng mười đến mười hai dặm cách đây lại không gặp một người nào hay sao?

- Chúng ta phải tách ra à? – bà Uynxton hỏi.

- Vâng, việc đó rất cần – Đíchson trả lời.

Bà Uynxton suy nghĩ một lúc rồi hỏi:

- Thế trong đoàn ta, ai sẽ đi thăm dò?

- Tôm và con... Con sẽ đem theo Đínhô nữa, nó sẽ có ích trong cuộc thám hiểm của con... Vả lại, cuộc chia tay này cũng không lâu đâu. Nhiều nhất là hai ngày, nếu Tôm và con không gặp một người nào hay không tìm thấy lang xóm nào thì chúng con trở về ngay. Nhưng điều này không thể có được, vì con tin rằng vào sâu không tới mười dặm, con có thể xác định được vị trí miền này.

- Phải, con nói cũng có lý – bà Uynxton không giấu được nét lo buồn, rồi quay sang hỏi Bỉnhđắc - Còn bác, ý kiến bác thế nào?

Bindắc nói:

- Tôi không có ý kiến gì. Tôi chỉ muốn đi quan sát các giống côn trùng ở vùng này.
- Xin ông chớ có đi quá xa. Đó là điều cháu muốn nhắc ông – Díchsơn nói.
- Được, cháu cứ yên tâm.

Lát sau, nhà côn trùng học đeo lưng lẳng cái hộp sắt bên sườn, ung dung rời khỏi khu trú ẩn. Đồng thời, Nego cũng lẳng lặng rút lui. Trong khi Bindắc leo lên sườn dốc của bờ biển, Nego thông thả trở ra phía sông con rồi rẽ vào bờ sông mất dạng.

Em Giắc vẫn nằm ngủ trên đùi u già Năng. Bà Uynxton bước ra bãi biển, Díchsơn và các bạn theo sau.

Nhìn lại con thuyền chìm, cảnh tang thương đó làm cho bà Uynxton và các bạn không khỏi xúc động. Họ buồn bã đứng nhìn con thuyền lần cuối trước khi nó bị sóng biển nhấn chìm. Con thuyền mắc cạn chúc mũi xuống nước, cửa sau chưa bị chìm hẳn. Nhờ những đầu dây ở sườn thuyền, Díchsơn và các bạn da đen leo lên một cách dễ dàng.

Trong khi Tôm, Exquyn, Pát và Óttanh xuống hầm lấy những thực phẩm còn lại, Díchsơn vào phòng thủy thủ ở sàn sau, lấy bốn khẩu súng trường và hơn một trăm viên đạn. Những thứ này dùng để võ trang cho đoàn, phòng khi phải chống chọi lại với người da đỏ. Díchsơn còn lấy một cái đèn bỏ túi và tất cả số tiền ở trong thuyền, được chừng năm trăm đô la. Mặt trời dần lặn xuống chân trời, hoàng hôn nhanh chóng nhường chỗ cho bóng đêm. Hiện tượng này làm cho Díchsơn tin chắc rằng địa điểm mà đoàn người đang trú ẩn là miền ở giữa đông chí tuyến và xích đạo. Sau đó, bà Uynxton, Díchsơn

và những người da đen cùng trở về hang để nghỉ ngơi.

Đêm tối như mực. Những người da đen phải cắt nhau luân phiên canh gác lối vào hang. Con Đingô rất giỏi việc này.

Tôm lưu ý mọi người:

- Đêm đã lâu mà không thấy Nego trở về.

Bà Uynxton hỏi:

- Bây giờ hấn ở đâu?

- Thưa bà, khỏi cần hấn – Pát nói.

- Cần chứ! Tôi muốn biết con người đó có còn ở cạnh anh em không?

- Thưa bà, bà nói rất phải. Nhưng nếu hấn đã tự ý đi thì chúng ta cũng không làm cách gì để bắt hấn ở lại được – Díchsơn nói.

Tuy nhiên, những người da đen cũng ra ngoài, lên tiếng gọi hấn nhiều lần, nhưng chẳng có tiếng trả lời. Có thể hấn đã đi xa rồi, hoặc hấn nghe thấy mà hấn không muốn về.

Lát sau. Con Đingô chạy ra bãi và sủa vang lên.

Bà Uynxton gọi:

- Đingô, sủa gì thế?

Díchsơn nói:

- Ta cần phải xem sao. Có lẽ Nego trở về chẳng?

Lập tức Ecquyn, Pát, Óttanh và Díchsơn cùng nhau ra chỗ cửa sông. Khi đến bờ, họ chẳng trông thấy ai và cũng chẳng nghe thấy tiếng động gì. Lúc đó con Đingô cũng im lặng. Toàn người lại trở về hang.

Việc nghỉ đêm được sắp đặt chu đáo. Mấy người da đen thay phiên nhau ở bên ngoài. Bà Uynxton trần trọc mãi mà không ngủ được. Mảnh đất mà bà

mòn mắt trông đợi đã không đem lại cho bà hy vọng: đó là bình an cho mọi người.

Chương 15

NGƯỜI LẠ MẮT

Hôm sau là ngày bảy tháng tư, gần sáng, Óttanh thấy con Đingô vừa chạy ra cửa sông vừa sửa vang lên. Ngay lúc đó, bà Uynxton, Díchsơn và những người da đen đều từ trong hang chạy ra. Mọi người đoán là có chuyện gì lạ.

Díchsơn nói:

- Con Đingô đã đánh hơi thấy người hoặc vật lạ.

Tôm nói:

- Nếu là Nego thì nó sửa phải hung dữ hơn như ta thường thấy.

Bà Uynxton nói:

- Thế thì Nego ở đâu?

Bà vừa nói vừa đưa mắt nhìn Díchsơn và chỉ có chú mới hiểu được cái nhìn đó. Rồi bà nói tiếp:

- Và nếu không phải hắn thì là ai?

Díchsơn đáp:

- Thừa bà, để xem đã.

Rồi Díchsơn bảo Óttanh và Ecquyn:

- Các bạn vũ trang đi rồi ra đây.

Ba người cùng Díchsơn chạy vào lấy súng và dao găm, nạp đạn xong bốn người đi ra phía sông con. Đến nơi họ thấy Đingô đứng chặn và sửa về phía trước. Đúng là nó đã trông hoặc đánh hơi thấy người lạ. Thật vậy, lần này không phải nó sửa Nego – kẻ mà nó căm hờn vô hạn – mà sửa một người đàn

ông theo bờ sông đang từ từ tiến lại, lấy tay vờ vờ để làm dịu con chó. Hắn ta không đại gì lại trêu chọc con chó to lớn và hung dữ như thế.

- Không phải Nego – Ecquyn nói.

- Đây là một người dân địa phương. Gặp người này ta không phải mất công đi thăm dò nữa. Chúng ta sắp biết nơi này là nơi nào rồi – Đíchson giải thích.

Cả hai người đeo súng lên vai, rảo bước đón người lạ mặt. Thoạt trông, Đíchson biết ngay người đó không phải là người dân da đỏ thường phiêu lưu trên những thảo nguyên, mà là một người ngoại quốc mạo hiểm tìm nơi xa lạ. Coi điệu bộ cứng cỏi, và những sợi râu đỏ của y, Đíchson đoán người lạ mặt là người Giecmani. Đíchson đã đoán rất đúng. Chú chào trước bằng tiếng Anh:

- Chào ông, ông đến kịp thời, thật là quý hóa!

Người lạ đến bắt tay Đíchson và trả lời bằng tiếng Anh rất trôi chảy.

- Chào anh bạn trẻ. Rất hân hạnh được gặp anh.

Mấy người da đen cũng nghiêng đầu chào và không nói gì. Người lạ mặt hỏi Đíchson.

- Bạn là người nước Anh à?

Đíchson nói:

- Người Mỹ.

- Nam Mỹ à?

- thưa, Bắc Mỹ.

Lời đáp này làm cho người lạ mặt vui thích. Hắn nắm tay Đíchson mạnh hơn và lắc đi lắc lại.

Hắn hỏi Đíchson:

- Chú có thể cho tôi biết tại sao mọi người lại ở bờ biển này?

Không đợi Díchson trả lời, tự nhiên hắn bỏ mũ quay đầu ra và nghiêng mình chào bà Uynxton vừa đến. Bà liền trả lời.

- Thưa ông, thuyền chúng tôi bị đắm trên đá ngầm ngoài bờ biển. Chúng tôi muốn hỏi ông đây là chỗ nào?

Người lạ mặt tỏ vẻ ngạc nhiên đáp:

- Là bờ biển Nam Mỹ Câu chứ còn nơi nào nữa? Bà còn nghi ngờ sao?

Díchson đáp:

- Thưa ông, vâng. Bão biển làm chúng tôi lạc đường. Tôi muốn hỏi ông chúng tôi hiện ở đâu? Có lẽ là xứ Pêru, tôi nghĩ như thế.

- Không! Không phải! Về phía nam kia. Bạn đang ở bờ biển xứ Bôlivi.

Díchson kêu lên:

- A!

- Bạn đang ở về phía nam xứ Bôlivi giáp ranh giới Chilê.

Díchson trở vào mũi đất phía Bắc hỏi:

- Thế cái mũi đất cao kia là mũi đất nào?

Người lạ mặt đáp:

- Tôi không biết tên vì tôi thường qua lại trong xứ thôi, còn miền này là nơi tôi đến thăm lần đầu tiên.

Díchson nói:

- Thưa ông, theo những lời ông vừa nói, tôi kết luận rằng chúng tôi còn cách thành phố Lima khá xa.

- Ôi, thành phố Lima còn xa... ở phía kia... Về phương bắc.

Thoạt tiên, bà Uynxton có ý nghi ngờ người lạ mặt này do việc Nego lẫn trốn,

nên bà để ý quan sát điệu bộ của hă^hn, nhưng không thấy vẻ gì khả nghi;

ngôn ngữ và cử chỉ của hă^hn tỏ ra thành thực.

- Thưa ông, xin lỗi ông, câu hỏi của tôi có lẽ hơi khiếm nhă... Trông ông không phải là người Pêru?

- Tôi là người Mỹ như bà. Thưa bà, bà là... - nói xong, hă^hn ngừng lại đợi bà xưng danh.

Bà đáp:

- Là bà Uynxton.

Hă^hn nói tiếp:

- Thưa bà Uynxton, tôi tên là Ali, sinh quán ở tiểu bang Nam Carolin. Nhưng đã hai mươi năm nay tôi bỏ quê để chu du trên những thảo nguyên xứ Bôlivi, nay được gặp những bạn đồng hương, tôi rất sung sướng.

Bà Uynxton hỏi:

- Thưa ông Ali, hiện giờ ông ở tỉnh này?

- Thưa bà, không. Tôi ở về phía Nam, nơi biên giới Chile. Nhưng bây giờ tôi định đến thị trấn Atama ở về phía đông bắc.

Đíchson hỏi:

- Có phải hiện giờ chúng tôi đang ở cạnh miền đất hoang mang tên đó không?

Ali đáp:

- Đúng thế, bạn ạ. Đất hoang đó lan tới những ngọn núi cáo sát chân trời kia.

Đíchson hỏi lại:

- Ông nói hoang địa Adacama à?

Ali đáp:

- Phải. Đất hoang đó như một xứ riêng biệt ở châu Nam Mỹ bao la này, một nơi có nhiều cái lạ mà ít người biết đến.

Bà Uynxton hỏi:

- Ông đi du lịch có một mình ư?

Ali đáp:

- Ô! Không phải là lần đầu tiên tôi đến thị trấn đó. Cách đây chừng hai trăm dặm, có một nông trại rất lớn gọi là Sanphêlich là trại của em trai tôi. Tôi đến đó để buôn bán. Nếu bà và các bạn theo tôi thì bà và các bạn sẽ được tiếp đãi tử tế. Ở thành Ađacama, không thiếu gì phương tiện chuyên chở. Em tôi sẽ vui lòng cung cấp cho quý bạn.

Lời mời tự nhiên đó tỏ ra Ali là người rất sốt sắng. Rồi Ali trở vào già Tôm và mấy người da đen rồi hỏi bà Uynxton:

- Những người da đen này là nô lệ của bà?

Bà Uynxton khẳng khái đáp:

- Không phải đâu.

- A! Phải rồi! Tôi quên rằng cuộc chiến tranh 1862 đã giải quyết xong vấn đề nô lệ - Ali nói, rồi quay ra nói với mấy người da đen – Xin lỗi các bạn. Tôi sợ ý.

Đíchson suy nghĩ về đề nghị của Ali rủ đến trại Sanphêlich. Một hành trình dài hơn hai trăm dặm, đi qua bình nguyên và đi xuyên rừng. Cuộc hành trình rất vất vả vì thiếu phương tiện chuyên chở. Đíchson đem lý do này nói với Ali. Ali đáp:

- Đúng thế, hành trình hơi lâu. Nhưng ở bờ sông cách đây vài trăm bước, tôi có một con ngựa, tôi sẽ dành cho bà Uynxton và cháu bé. Còn chúng ta thì

không khó, có lẽ ai cũng đủ sức đi bộ đường trường. Vả lại, tôi nói hai trăm dặm là tính theo đường vòng bờ sông. Nếu ta đi tắt qua rừng thì gần hơn, chỉ độ tám mươi dặm thôi. Mỗi ngày đi mười dặm thì chúng ta sẽ đến trại Sanpêlich không cực nhọc gì.

Bà Uynxton cảm ơn Ali và nói:

- Thưa ông, chúng tôi đồng ý. Nhưng tôi không muốn chiếm con ngựa của ông. Tôi đi bộ đã quen.

Ali nghiêng mình đáp:

- Thưa bà, tôi đi bộ quen hơn.

- Thưa ông Ali, bao giờ ta khởi hành? – Đíchson hỏi.

- Ngay hôm nay, bạn ạ. Mùa mưa bắt đầu từ tháng tư. Chúng ta phải cố gắng đến trại trước vụ mưa. Vả lại, đi xuyên rừng nhanh hơn và an toàn hơn.

Chúng ta sẽ tránh được những cuộc đụng độ với dân du mục da đỏ.

Đíchson quay lại bảo Tôm và các bạn da đen:

- bây giờ các bạn và tôi, chúng ta sẽ sửa soạn để khởi hành.

Mỗi người một việc, dọn dẹp thức ăn đồ dùng; Đíchson chú trọng đến lương thực cần thiết cho đoàn trong cuộc hành trình từ bờ biển đến trại độ chừng mười ngày đường. Bà Uynxton nói với Ali:

- Thưa ông, trước khi rời nơi này, trước khi nhận sự khoản đãi của ông, chúng tôi xin ông vui lòng nhận sự khoản đãi của chúng tôi. Chúng tôi chân thành mời ông.

Ali vui vẻ trả lời:

- Thưa bà, tôi rất vui lòng.

- Thưa ông, bữa ăn sáng đang được sửa soạn, khoảng mười phút nữa thì

xong.

- Thưa bà, trong khi chờ đợi, xin phép bà, tôi đi đem ngựa về đây. Chắc nó cũng ăn sáng rồi.

Đích sơn nói:

- Tôi theo ông có được không?

Ali đáp:

- Bạn đến đó, tôi sẽ chỉ cho bạn xem nơi hạ lưu của con sông.

Hai người đi ngược bờ sông. Chừng ba trăm thước thì thấy một con ngựa buộc vào gốc cây. Con ngựa thấy chủ đến gần thì hí lên những tiếng mừng rỡ.

Ali cởi dây, dắt ngựa ra đi. Đích sơn đi sau đưa mắt nhìn sông, nhìn rừng mọc sát hai bên bờ. Đích sơn không thấy gì đáng ngại cả.

Tuy nhiên, khi theo kịp Ali, Đích sơn hỏi Ali một câu bất ngờ:

- Thưa ông, đêm qua ông có gặp một người Bồ Đào Nha tên là Nego không?

Ali ngỡ ngàng như không hiểu gì về câu hỏi đó nên hỏi lại:

- nego? Nego là ai?

Đích sơn đáp:

- Hắn là đầu bếp của thuyền chúng tôi. Và hắn đã mất tích.

- Chết đuối rồi chăng?

- Không, không! Chiều hôm qua hắn hãy còn ở với chúng tôi, nhưng đến đêm hắn bỏ đi và chắc chắn là hắn đi theo lối bờ sông này. Vì ông cũng ở lối đó đi lại nên chúng tôi mới hỏi ông có gặp hắn không?

- Tôi không gặp người nào cả. nếu người đầu bếp của bạn phiêu lưu một mình trong rừng như thế, hắn dễ bị lạc lắm. Có lẽ khi đi đường, chúng ta sẽ

gặp hắn.

- Phải... có lẽ.

Khi hai người về đến hang thì bữa ăn đã được dọn lên. Ali không làm khách và ăn rất khỏe. Ăn xong, Ali nói:

- Bây giờ chúng ta không sợ chết đói giữa đường nữa. Có chết đói chẳng, chỉ là tên Bò Đào Nha quỷ quái mà anh bạn trẻ của tôi vừa nói đến.

Bà Uynxton hỏi Díchson:

- Con đã cho ông Ali biết là chúng ta không thấy Nego trở lại phải không?

Díchson đáp:

- Vâng, con muốn biết ông Ali đi lối đó có gặp hắn không?

Ali đáp:

- Không. Ta hãy để mặc cho tên đào ngũ ở vị trí của nó. Bây giờ hãy tính đến việc đi đã. Có phải không, thưa bà?

Bà Uynxton đồng ý và giục mọi người lên đường.

Ai nấy đều đeo ba lô của mình lên lưng. Ecquyn giúp bà Uynxton lên mình ngựa. Giắc ngồi trước lòng mẹ. Em khoe là mình biết đi ngựa. Người ta liền trao dây cương cho em. Em dè dặt cầm cương và không biết rằng chính em là người thật sự dẫn đầu đoàn lữ hành.

Chương 16

LÊN ĐƯỜNG

Sau khi đi dọc bờ sông ba trăm bước và vào sâu trong rừng rậm bằng những con đường hẻm khó đi, Díchson không khỏi lo ngại về những bất trắc có thể xảy ra khi đi đường ở nơi đất khách. Nhưng chú vẫn tỏ ra hăng hái như thường. Hôm đó, trước khi mặt trời lặn, đoàn lữ hành đã cách bờ biển tám

dặm. Trong ngày thứ nhất không xảy ra chuyện gì, mọi người đều khỏe. Có lẽ trong những đoạn đường sau mới thấy thấm mệt. Mọi người đều đồng ý nghỉ lại ở nơi này.

Người ta không tìm được chỗ trú nào hơn là dưới một cây muỗm cổ thụ cành lá rậm rạp xoe ra như một mái hiên tự nhiên. Nếu cần, có thể ẩn trên cành cây rất tốt.

Tuy nhiên, khi đến nơi mọi người nghe thấy những tiếng xáo xác điếc tai phát ra từ trên ngọn cây, thì ra cây muỗm đó là nơi cư trú của một đàn chim kéc xám, một giống chim kêu luôn miêng, rất hung dữ, hay đánh lẫn nhau và đuổi đánh các con chim nhỏ khác. Nếu ta tưởng tượng giống chim đó như những con vẹt thường nuôi trong nhà thì ta lầm. Đó là một giống kéc kêu éc éc điếc cả tai đến nỗi Đíchson phải đem súng định bắn đuổi chúng đi. Nhưng Ali giữa Đíchson lại, lấy cớ rằng tại nơi hoang vắng này không nên lộ sự có mặt của mình bằng tiếng nổ.

Ali nói:

- Bạn nên nhớ: bước không tiếng động, đi mới không hiểm nghèo.

Sau bữa ăn chiều, chỗ ngủ sắp đặt từng tiệp cũng đủ. Đíchson hỏi Ali:

- Ta có nên đốt lửa để đêm không?

Ali đáp:

- Không cần. Đêm không lạnh và cây muỗm này đủ che sương gió. Ta không sợ lạnh và hơi ẩm nữa. Tôi nhắc lại những lời tôi vừa nói với các bạn ban nãy: đừng đốt lửa cũng như đừng bắn súng, giữ được thì tốt.

Đêm xuống đã lâu. Mọi người đều ngủ mê mệt, trừ Ecquyn thức đề canh chừng.

Bảy giờ sáng hôm sau, đoàn người lại tiếp tục đi về phía đông. Họ vẫn đi trong rừng. trên khoảng đất chưa khai thác bao giờ, khí nóng và hơi ẩm chan hòa, thực vật ở đây lan rộng và xanh tốt lạ thường. Díchsơn vừa đi vừa nhận xét điều này, theo lời Ali thì họ đang đi trong miền thảo nguyên, thảo nguyên có nghĩa là đồng cỏ hoang. Nếu Díchsơn nhớ không lầm thì thảo nguyên phải có những đặc điểm sau đây: không có nước, không có cây, không có đá, chỉ toàn một thứ cỏ gai xanh tốt về mùa mưa, mọc cao về mùa hạ và rậm rạp như rừng, ngoài ra cũng có ít nhiều cây thấp, cằn cỗi. tất cả bày ra một cảnh tượng hoang phế, khô khan. Thế mà ở đây lại rất khác. Từ lúc bắt đầu đi đến giờ, rừng rú kéo dài triền miên. Không, đây không phải là thảo nguyên như Díchsơn đã biết.

Hôm sau, Díchsơn hỏi Ali và tỏ ý thắc mắc về cảnh tượng lạ lùng của thảo nguyên nơi này. Ali vạch rõ những điều sai lầm của Díchsơn và cho biết thêm nhiều chi tiết chính xác về địa phương và tỏ ra là một con người có một kiến thức sâu rộng về xứ Bôlivi. Ali bảo Díchsơn:

- Bạn ơi, bạn nói có lý đấy. Một thảo nguyên thực chất thì đúng như các sách du lịch đã miêu tả, nghĩa là một đồng bằng khô khan và khó băng qua. Nó giống như những đồng cỏ lớn ở Bắc Mỹ và hơi khác là những đồng này thường lầy lội hơn. Phải, ví dụ như đồng cỏ Colorado, đồng cỏ Ylano và đồng cỏ Vedula. Nhưng đây lại là một miền có cảnh tượng khác hẳn chính tôi cũng ngạc nhiên. Quả thực đây là lần đầu tôi đi đường tắt của cao nguyên này cho chóng đến nơi. Mặc dầu tôi chưa được nhìn thấy quang cảnh này, nhưng tôi vẫn biết nó rất khác biệt với những thảo nguyên thực chất. Những thảo nguyên này, bạn sẽ có thể thấy ở bên kia rặng núi Andê, suốt trên dải đất

thuộc đông bộ lục địa cho đến Đại Tây Dương.

Đíchson hỏi:

- Thế ta có phải vượt qua rừng Ande không?

Ali mỉm cười nói:

- Không, không! Tôi vừa nói “bạn sẽ có thể thấy” chứ tôi không nói “bạn sẽ thấy...” đâu mà ngại. Bạn hãy yên trí. Chúng ta chỉ phải qua cao nguyên này thôi, mà ở đây những ngọn núi cao nhất cũng không quá 500m. A! Nếu phải vượt rừng Ande với phương tiện chúng ta đang dùng thì tôi đã không mời các bạn dự cuộc phiêu lưu đó.

Đíchson hỏi:

- Lần đầu tiên ông đi đường này, ông không sợ lạc đường à?

Ali đáp:

- Không, bạn cứ yên tâm. Tôi sẽ đưa bạn cùng người nhà đến nơi đến chốn.

Mọi thắc mắc của Đíchson đều được Ali giải thích rõ ràng. Đíchson và Ali đi đầu đoàn lữ hành nên cũng không ai xen vào chuyện đó.

Trong những ngày từ tám đến mười hai tháng tư, cuộc hành trình tiếp diễn như thường, không xảy ra sự gì khác lạ. Những giờ nghỉ ngơi vẫn bình thường, mặc dù mọi người đã bắt đầu cảm thấy mệt mỏi. Tuy nhiên sức khỏe của mọi người đều khả quan. Chỉ có cậu bé Giác đã bắt đầu thấy khó chịu về cuộc sống u tịch trong rừng.

Bốn ngày tiếp theo, cuộc lữ hành về đông bắc vẫn diễn ra trong những điều kiện bình thường. Đến ngày 16 tháng 4, đoàn người đi được tất cả vào khoảng 100 dặm rồi. Hôm đó, trong lúc ngủ trưa, một tiếng huýt gió vang lên làm mọi người kinh ngạc.

Bà Uynxton hốt hoảng hỏi:

- Cái gì thế?

Đích sơn cầm súng chạy lại chặn trước bà và nói:

- Con rắn.

Ali gọi giật Đích sơn lại:

- Hãy bình tĩnh, đừng làm cho các con vật đó khiếp sợ.

Đích sơn hỏi:

- những con gì đó?

- Đó là những con sơn dương.

Đến bốn giờ chiều, đoàn người dừng lại nghỉ chân bên cạnh một cánh rừng thưa. Chợt có ba bốn con vật cao lớn ở trong rừng rậm chạy vụt ra rất nhanh cách chỗ đó một trăm bước.

Bất chấp lời dặn của Ali, Đích sơn kề súng vào vai bắn luôn một phát. Nhưng

Ali nhanh tay gạt mũi súng đi thành ra Đích sơn dù thiện xạ đến đâu cũng bắn không trúng đích.

- Dừng bắn! Dừng bắn! – Ali nói.

- Đó là những con hươu cao cổ - Đích sơn nói.

Giác ngồi yên trên ngựa nghênh lên trông và hỏi:

- Hươu cao cổ à? Nó đâu ạ?

Bà Uynxton nói:

- Con gì ấy, chứ ở Mỹ câu làm gì có hươu cao cổ.

Ali cũng xác nhận:

- Phải. Ở xứ này không có hươu cao cổ.

Đích sơn hỏi:

- Thế là con gì ạ?

Ali đáp:

- Có lẽ bạn đã trông lầm. Những con đó phải chăng là những con đà điểu?

Đíchson và bà Uynxton thấy lạ lùng quá, đưa mắt nhìn nhau, cùng lặp lại.

- Những con đà điểu?

- Phải, chỉ là những con đà điểu thôi – Ali khẳng định.

- Nhưng đà điểu là giống chim thì nó chỉ có hai chân thôi chứ - Đíchson cãi lại.

- Tôi đã coi những con vừa chạy ra đây, là những động vật hai chân – Ali đáp.

Đíchson hỏi:

- Động vật hai chân à?

Bà Uynxton nói:

- những con vật vừa chạy qua đây, tôi thấy hình như nó có bốn chân.

Ali cười to và nói:

- Đà điểu bốn chân! Kỳ quá!

Đíchson đáp:

- Bởi thế, chúng tôi mới cho là hươu cao cổ chứ không phải đà điểu.

Ali nói:

- Không phải, anh bạn trẻ của tôi ơi. Bạn trông lầm rồi! Vì nó chạy nhanh quá, bạn hoa mắt nên mới dễ lầm. Những người đi săn nhiều khi cũng trông lầm như thế mà không biết rằng mình lầm.

Đíchson nói:

- Tôi tưởng cả đà điểu lẫn hươu cao cổ đều không có ở Tân thế giới này.

Ali đáp:

- Có chứ! Ở Nam Mỹ có một giống đà điểu đặc biệt gọi là năngdu, tức là những con vừa chạy ngang qua đây đấy.

Ở Nam Mỹ có giống đà điểu gọi là năngdu thật. Bà Uynxton và mọi người đều chịu là mình đã lầm.

Ali lại nói:

- Rất có thể lát nữa ta sẽ được trông thấy một đàn đà điểu khác. Lần này xin các bạn hãy nhìn kỹ và đừng cho loài chim là loài thú. Còn Díchsơn nên cẩn thận, đừng có bắn bất cứ một giống vật nào. Chúng ta không cần săn để kiếm thức ăn. Tôi nhắc lại rằng không nên để tiếng nổ thể hiện sự có mặt của mình trong khu rừng này.

Díchsơn im lặng suy nghĩ, một lần nữa sự ngờ vực lại hiện ra trong đầu.

Hôm sau là ngày 17 tháng tư, cuộc hành trình lại tiếp tục. Ali quả quyết rằng không đầy hai tư tiếng đồng hồ nữa, đoàn lữ hành sẽ tới nông trại

Sauphêlich.

Ali nói thêm với bà Uynxton:

- Thưa bà, đến đó bà sẽ nhận được mọi sự đón tiếp xứng đáng với địa vị của bà. Sau vài ngày nghỉ ngơi, bà và cậu Giắc sẽ khỏe lại. Ở trại, có lẽ bà sẽ không có đủ tiện nghi như ở nhà, nhưng bà sẽ trông thấy công cuộc khai thác của chúng tôi ở địa hạt cũng không đến nỗi thiếu tiện nghi. Chúng tôi không phải là những dân lạc hậu.

Bà Uynxton đáp:

- Thưa ông Ali, chúng tôi không biết làm thế nào hơn nữa, chúng tôi chỉ có những lời chân thành để cảm ơn ông về sự giúp đỡ lớn lao của ông đối với chúng tôi trong bước phiêu lưu này. Về nhà ông, chúng tôi sắp được đến

một nơi an toàn.

- thưa bà, chắc bà cũng mệt lắm?

- Thưa ông, về phần tôi không cần lắm. Nhưng tôi thấy sức khỏe cháu Giắc suy giảm dần. Cháu bắt đầu sốt...

- thưa bà, khí hậu ở vùng cao nguyên này tuy lạnh, nhưng xin thú thực rằng về tháng ba và tháng tư hay có bệnh sốt định kỳ.

Đíchson nói:

- Bệnh sốt đó tất nhiên ở đây có thuốc chữa. Bất cứ bao giờ và bất cứ nơi nào, phương thuốc vẫn được đặt ở bên bệnh tật.

Ali hình như không hiểu, hỏi:

- Thế là thế nào?

Đíchson đáp:

- Hiện chúng ta chẳng đang ở miền có những cây canhkina là gì?

Ali nói:

- Phải! Bạn nói rất có lý! Đây là thổ sản, giống như cho ta vỏ quý có chất giải nhiệt.

- Thế mà tôi chẳng trông thấy một cây nào? – Đíchson nói.

Ali đáp:

- Bạn ơi, giống cây đó không phải dễ phân biệt đâu. Nó không mọc riêng thành đám. Nó hay ở rải rác trong rừng cây. Những người da đỏ làm nghề lấy canhkina chỉ trông lá cây là biết ngay, vì lá nó bao giờ cũng xanh.

Bà Uynxton nói:

- Ông Ali, khi nào ông trông thấy một cây canhkina, thì xin ông trở cho chúng tôi biết.

- Thừa bà, nhất định thế.

Ngày cuối cùng trôi qua không xảy ra sự gì đáng chú ý. Chiều đến, cuộc nghỉ chân được sắp đặt như thường lệ. Từ ngày khởi hành đến nay, trời không mưa, nhưng thời tiết sắp thay đổi vì hơi nóng bốc lên biến thành một lớp sương dày mờ mịt. Sắp đến mùa mưa rồi. Nhưng may thay, đến ngày mai là đoàn lữ hành đến nơi bình yên rồi. Chỉ còn mười giờ phải nằm rừng nữa thôi.

Chương 17

MỘT DANH TỪ GHÊ GÓM

Sắp đến nơi rồi! Bà Uynxton cảm thấy mỏi mệt, không thể tiếp tục lâu hơn nữa cuộc đi đường trường quá vất vả này. Giắc bị bệnh sốt rét cách nhật, mặt em có lúc đỏ bừng, có lúc nhợt nhạt trông rất thương. Bà Uynxton lo lắng, lúc nào cũng ở liền với con, ít khi giao cho u già năng. Đã gần đến nơi rồi! Theo lời Ali thì nội nhật ngày 18 tháng tư, bà và các gia nhân sẽ đến nông trại Sanphêlich. Lương thực đã bắt đầu cạn dù lúc này vẫn còn cung cấp đủ cho mọi người.

Về phần Ali, hình như hắn quen đi rừng nên không biết mệt nhọc là gì. Tuy nhiên, càng đi gần đến nông trại, Đíchson nhận thấy Ali càng tỏ ra kém thành thực hơn trước. Đíchson không tin hắn nữa và tự hỏi hắn đánh lừa mình với mục đích gì? Chú không sao tìm được câu trả lời, nhưng quyết bám sát hắn để đề phòng. Ali có lẽ cũng biết Đíchson nghi mình nên hắn làm lì im lặng.

Trong khi đó, Ali vẫn đi dẫn đầu. Lúc này người ta thấy hắn hay nhìn sâu vào trong rừng hoặc nhìn sang bên phải, bên trái như người không ụt tin nơi

mình, không tin nơi đường đi. Bà Uynxton nhắm mắt lại không muốn nhìn mặt hắn. Qua một cánh đồng hoang, đến một khu rừng rậm, đoàn người lại chui vào dưới những lùm cây to. Lúc hai giờ chiều, thì đến một cánh rừng nhỏ, nơi đây hình như vừa có một đàn dã thú đi qua.

Đíchson để ý quan sát lối đi trên cao có những cành lá gãy gập, ngã xuống, dưới đất cỏ bị dày xéo và rẽ sang hai bên để lộ ra những dấu chân to lớn. Có lẽ cọp hay báo vừa đi qua đây chăng? Nhưng cọp báo làm gì có những vết chân lớn thế? Cọp báo làm gì có cái thân hình vĩ đại tạo thành một lỗ hồng dài cao như thế? Có thể là voi, nhưng voi không phải là động vật ở Mỹ châu. Giả sử người ta có đem voi ở nơi khác về nuôi, nó cũng không đi như thế này. Đíchson nghĩ mãi không ra. Chú cũng không thèm hỏi Ali. Hỏi làm gì con người gian trá bảo con hươu cao cổ là con đà điểu! Nếu có hỏi, nó lại đưa ra một giải đáp quấy quá cho xuôi, chẳng ích gì cho tình hình hiện tại. Trong thâm tâm, Đíchson coi Ali là một tên phản bội, chỉ đợi có dịp là lột mặt nạ của hắn ra. Chú thấy giờ phút đó đã đến gần. Nhưng mục đích bí mật của Ali là định giờ thủ đoạn gì? Tương lai của những người sống sót trên thuyền hải Âu sẽ ra sao? Đíchson tự nghĩ, thuyền tuy chìm nhưng trách nhiệm của mình chưa hết. Chú còn phải lo giữ an toàn cho những người mà sóng gió đại dương đã ném lên một nơi ở bờ biển hoang vu! Đíchson không muốn nhắm mắt trước một thực tại hãi hùng mà mỗi lúc thấy trầm trọng thêm.

Là “Thuyền trưởng mười lăm tuổi” của thuyền Hải âu, bây giờ Đíchson vẫn giữ trách nhiệm đó trong trường hợp này. Nhưng trước khi hành động, chú không muốn nói cho bà Uynxton biết, sợ bà lo lắng.

Đíchson im lặng. Khi gần đến một bãi sông khá rộng, chú trông thấy những con vật to lớn chạy ủa vào những bãi cỏ cao để trốn. Đíchson định kêu lên:

“Hà mã! Hà mã!” cho mọi người biết, nhưng lại thôi. Hà mã ở Mỹ châu!

Đíchson thấy sự dối trá của Ali ngày càng lộ ra.

Đoàn người vẫn đi, nhưng rời rạc và chậm dần, vì người khỏe đến đâu bây giờ cũng phải mệt. Bà Uynxton để hết tâm trí vào con, quên cả mệt nhọc. Tất cả mọi người, ai cũng mệt lử.

Hồi năm giờ chiều, già Tôm nhặt được một vật trong đám cỏ. Ông cầm lên xem thì thấy một con dao hình thù rất lạ: lưỡi rộng và cong, cán vuông làm bằng ngà có những nét chạm thô sơ. Tôm đưa cho Đíchson xem, chú ngắm nghía một lúc rồi giơ chỉ Ali coi và nói:

- Dân bản xứ chắc không còn ở xa nữa.

Ali đáp:

- Phải. Nhưng...

Đíchson nhìn thẳng vào mặt Ali hỏi:

- Nhưng gì?

Ali ngập ngừng nói:

- Có lẽ nông trại ở gần đây nhưng tôi không nhận ra...

Đíchson hỏi to

- Thế ông lạc hay sao?

Ali đáp:

- Lạc, không... bây giờ, trại đó tất nhiên ở cách đây không quá ba dặm.

Nhưng tôi muốn đi lối tắt trong rừng và có lẽ tôi đã lầm.

Đíchson nói:

- Có thể.

Ali nói:

- Hay là để tôi đi trước, như thế sẽ tiện hơn?

Đíchson nói, giọng cương quyết:

- Không! Đừng bỏ nhau, ông bạn ơi!

Ali nói:

- Tùy ý bạn, chứ bây giờ trời sắp tối rồi, đưa các bạn đi rất khó khăn.

Đíchson nói:

- Việc đó không quan hệ, chúng tôi nghỉ lại đây cũng được. bà Uynxton cũng sẽ vui lòng ở một đêm dưới tán cây này. Đến mai khi trời sáng rõ, chúng ta sẽ lên đường. Con hai hay ba dặm nữa, chỉ là công việc trong một giờ.

Ali nói:

- Đồng ý.

Cuộc nghỉ chân cuối cùng này đã được quyết định. Người ta tìm chỗ tốt để nghỉ đêm. Đíchson đang định chọn một lùm cây to gần đó làm nơi trú ẩn, già Tôm đi cạnh chú để giúp đỡ, bỗng dừng lại và kêu:

- Cậu Đíchson ơi, nhìn xem! Nhìn xem!

Đíchson bình tĩnh hỏi:

- Gì thế già Tôm?

Già Tôm đáp:

- Kìa... kìa... ở những cây này... có vết máu.

Đíchson tiến lại chỗ già Tôm vừa chỉ, nhìn kỹ rồi quay lại bảo già Tôm:

- Thôi! Im đi!

Ở gần gốc cây lại có vài cái còng gãy và một dây xích đứt vứt trên mặt đất.

May sao lúc đó bà Uynxton không biết. Còn Ali đứng tránh ra một chỗ như đang mưu tính việc gì. Nếu ai nhìn hấn lúc đó, sẽ thấy sắc mặt hấn thay đổi hấn. Trông hấn có vẻ hung tợn y như một con thú dữ. Con Đingô chạy bên cạnh Díchsơn và sữa vang lên. Díchsơn hết sức đuổi nó mới chịu lui. Sau khi nhìn thấy những cái còng và dây xích nói trên, già Tôm như mất hồn, đứng ì ra, miệng lẩm bẩm:

- Tôi đã... trông thấy... những còng này... hồi tôi còn nhỏ. Tôi đã...

Những kỷ niệm đau thương của thời thơ ấu có lẽ đang xáo trộn trong óc già Tôm. Già Tôm cố nhớ lại... Già Tôm kêu...

Díchsơn nắm tay già Tôm kéo đi và nói nhỏ:

- Thôi, già đừng nói gì nữa! Để cho bà Uynxton và mọi người khỏi nháo nhác.

Một lùm cây khác cách đó không xa được chọn làm nơi nghỉ đêm và các việc được sắp đặt như mọi ngày rất nhanh chóng. Bữa ăn chiều được dọn ra, nhưng mọi người chỉ ăn lấy lệ. Đêm xuống dần dần, bầu trời u ám như sắp để mưa. Bốn bề vắng lặng không một tiếng động.

Díchsơn, Óttanh và Pát cùng thức để canh phòng. Ba người ngồi dưới gốc cây, mắt dõi nhìn, tai lắng nghe trong đêm sâu xem có tiếng động hay ánh lửa khả nghi nào để kịp thời phòng thủ. Nhưng chẳng có gì khuấy động bầu không khí im lìm và đen tối của cánh rừng rậm này. Bà Uynxton ẵm con trong lòng, cúi xuống nhìn, lo cho con, quên cả sương gió quanh mình. Già Tôm ngồi gần Díchsơn, có lẽ cũng không ngủ được, đầu cúi xuống, im lặng suy tư, ủ rũ như người vừa bị đánh một trận đòn bất thần.

Vào khoảng mười một giờ đêm, bỗng một tiếng gầm nổi lên từ xa làm cho già Tôm giật mình đứng dậy. Díchsơn lại gần. Già Tôm đã nghe quen tai từ

nhỏ nên dễ nhận ra.

Đích sơn cau mày nói một mình: “Su tử ở Mỹ châu!?” rồi nghĩ ngay đến tên phản bội Ali, Đích sơn không nén được nữa, liền cầm dao, xăm xăm chạy đến chỗ Ali trú chân ban tối. Nhưng Ali không còn đấy và cả con ngựa cũng mất tích.

Đích sơn bức đến điên người! Ali đã đánh lừa mọi người đến nơi này! Như thế, không phải là thuyền Hải âu đã ghé vào bờ biển Mỹ châu. Không phải là đảo Pác mà Đích sơn đã dùng để xác định vị trí trên biển, đảo ấy chỉ là một hòn đảo nào đó cũng ở về phía tây lục địa này như đảo Pác ở phía tây Mỹ châu. La bàn đã chỉ sai trong suốt một phần đường như ta đã biết. Rồi bão biển lại đưa thuyền đi một đường khác từ Thái bình dương, vòng mũi Hon sang Đại tây dương, những trận gió mạnh đã đánh bay thuyền đi với một tốc độ phi thường mà Đích sơn không biết. Vì thế, những cây cao su, cây canh kina, những thổ sản của Nam Mỹ không có ở miền này, mà Ali quả quyết đó là cao nguyên Atacama và thảo nguyên của xứ Bôlivi.

Phải! Miền này chỉ có những hươu cao cổ - chứ không phải là đà điểu chạy trốn trong rừng thưa, những con voi đi xuyên qua rừng rậm, những con hà mã thấy động chui vào bãi cỏ lau và sau cùng có những tiếng gầm của sư tử trong đêm khuya.

Còn những cái còng này, những xích sắt này, con dao khoằm này đều là dụng cụ săn người của những phường buôn nô lệ da đen. Nego và Ali đích thực là hai kẻ đồng lõa trong vụ này.

Nghĩ tới đây, bất giác Đích sơn thốt ra một danh từ ghê gớm:

- Phi châu! Phi châu của những kẻ buôn người! Phi châu của những người

nô lệ!

PHẦN THỨ HAI

Chương 1

ALI VÀ NEGÔ

Sau hôm Đíchson và cả nhóm tìm chỗ trú cuối cùng trong rừng, cách đó chừng ba dặm có hai người đang bàn bạc, đó là Ali và Nego. Chúng ngồi dưới gốc một cây đa lớn, trên bờ một con suối chảy như thác. Từ đầu câu chuyện chúng đã đề cập ngay đến những việc đã làm trong ngày vừa qua. Nego nói:

- Thế anh không thể đưa bọn người của tên thuyền trưởng ranh con vào sát Ănggôla hơn nữa à?

Ali đáp:

- Không, bạn ạ. Đưa chúng vào bờ biển cách một trăm dặm cũng là một kỳ công rồi.

- Anh Ali ơi, còn phải một trăm dặm nữa mới chắc ăn. Tuy nhiên, ta không nên để chúng thoát thân.

Ali nhún vai nói:

- Thoát thế nào được! Có bay đường trời. Một trăm dặm đủ rồi. Tôi chuẩn đúng lúc vì nhìn mắt tên thuyền trưởng mười lăm tuổi, tôi biết nó sắp cho tôi ăn đạn.

Nego nói:

- Rồi anh trở về đây à?

Ali đáp:

- Phải, đưa chúng vào đến đó không phải dễ. Mấy hôm đầu, tôi đã khéo bịa đặt khiến Đíchson tin tưởng khu vực này là thảo nguyên Atacama ở Nam

Mỹ, nơi tôi đã có dịp đi qua. Dần dần tôi cũng bí. Sau khi tôi bảo hươu cao cổ là đà điều... tôi nguy hiểm kể cũng tài đấy chứ... Rồi tôi không biết bịa gì nữa, vì tôi thấy Díchsơn không thèm nghe tôi nói nữa. Thế rồi chúng tôi đi đúng vào lối của đàn voi vừa chạy qua. Rồi các “ông” hà mã lại xuất hiện, thế có xui không! Cuối cùng, tôi không nói được gì nữa vì lão già da đen nhất được ở gốc cây nào còng, nào xích của những tên nô lệ bẻ ra để trốn. Chưa để Díchsơn hỏi tôi, tôi đã kịp thời lên ngựa chuồn nhanh đến đây.

Nego nói:

- Tôi đã hiểu rồi! Tiếc rằng anh không đưa được bọn chúng đi thêm trăm dặm nữa.

Ali nói:

- Bạn ơi! Người ta chỉ làm những gì người ta có thể làm được thôi, bạn ạ.

Sau một lúc yên lặng, Ali nói:

- Khi tôi tình cờ gặp anh ở cửa sông Lôngga, nơi thuyền Hải âu đắm, anh chỉ dặn tôi tìm cách đưa bọn đắm thuyền vào nội địa, xa chùng nào hay chùng ấy, anh chưa cho tôi biết tình trạng của anh Cátxăng trong hai năm gần đây thế nào? Từ ngày anh rời Cátxăng để đưa đoàn nô lệ ra duyên hải theo lệnh của trùm Angve, người ta không thấy anh trở về nữa. Tôi đoán rằng anh đã gặp tàu tuần thám của nước Anh và anh đã bị xử giáo rồi!

- Còn xa! Anh ơi! – Nego trả lời.

Ali nói:

- Rồi sẽ đến, anh bạn ạ.

- Cảm ơn.

- Anh phải biết: đó là một may rủi trong nghề. Ngày nay người ta phải liều

mạnh để hành nghề buôn nô lệ ở biển Phi châu. Sự thực, anh bị bắt à? – Ali tiếp.

- Phải.
- Bởi người Anh à?
- Không! Bởi người Bồ Đào Nha.
- Bị bắt trước hay sau khi giao hàng?
- Sau khi giao hàng. Những thực dân Bồ Đào Nha bao giờ cũng làm khó dễ. Họ không muốn có chế độ nô lệ nữa. Tôi bị tố giác, bị theo dõi, rồi bị bắt...
- Và bị giam?
- Phải, ở ngục Luanda.

Ali kêu:

- Trời! Bị nhốt trong ngục à? Tôi thà chết treo còn hơn là chết mòn trong ngục.

Nego đáp:

- Anh phải biết, một khi lên gào đài, người ta không thể thoát thân được, chứ một khi vào ngục, người ta có thể...
- thế anh vượt ngục à?
- Đúng thế, anh bạn. vào ngục đúng mười lăm ngày thì tôi trốn ra được và nấp vào trong hầm một tàu Anh đi Úclan ở hải cảng New Zealand. Ba mươi ngày nằm hầm để vượt biển, vất vả lắm anh ơi!
- Thế bình thường anh đến New Zealand rồi anh lại từ đó trở về Phi Châu cũng bằng cách nằm hầm chứ?
- Không, không, tìm cách về thông thả hơn, vì ở đây tôi chỉ muốn trở về Ănggôla để làm nghề cũ thôi mà.

- Phải, nhân tâm ai chả yêu nghề mình... vì thói quen.
- Khi tàu cập bến Úclan, tôi lên bờ không ai biết. Nhưng lúc đó, không một đồng dính túi, tôi phải làm đủ mọi nghề để sống và đợi dịp trở về. Mãi mười tám tháng sau, tôi mới gặp chiếc thuyền đánh cá tên Hải âu ghé bến Úclan.
- Rồi thuyền đó đưa anh về bờ biển Ănggôla à?
- Chính thuyền đó, anh Ali ạ.
- Nhưng theo lời anh bạn trẻ đã gặp tôi thì thuyền đó đâu có muốn cập bờ biển Phi châu. Có lẽ là một sự ngẫu nhiên đã đưa thuyền đó đến đây chẳng?
- Việc đó đâu phải là ngẫu nhiên! Ngẫu nhiên có chăng chính là việc tôi đã gặp anh ở ngay địa điểm mà con thuyền Hải âu vừa đắm. Còn việc cho thuyền về hướng Ănggôla này là do ý muốn của tôi, một ý muốn kín đáo và đã thành công. Vì thế bà Uynxton và đồng bọn mới phải đặt chân lên bờ biên Phi châu và vào sâu đến trăm dặm.
- Bây giờ thì họ có biết là họ đang ở đâu không?
- bây giờ thì cần gì!
- Anh se tính thế nào?
- Tôi định... Nhưng trước khi nói đến họ, anh cho tôi biết tin tức ông trùm Angve của chúng ta?
- Ồ! Ông ta vẫn phây phây và sẽ vui mừng khi thấy anh trở về.
- Ông ta vẫn ở chợ Bi lê đấy chứ?
- Không, đã hơn một năm nay, ông ta dọn về Cadôngđê rồi.
- Công việc làm ăn ra sao?
- Mỗi ngày một khó khăn, anh ạ. Mình bị kẹt: một bên là cách nhà chức trách Bồ Đào Nha, một bên là những tàu tuần thám của nước Anh, họ lùng bắt các

lái buôn người rất gắt. Bây giờ chỉ còn một lối đưa hàng xuống Mosamode ở phía Nam Angola may ra mới thoát. Vì thế, hiện nay tại các trại trú chân đều đầy nô lệ, chỉ đợi tàu đi các thuộc địa Bồ Đào Nha thôi. Còn đưa hàng đi qua địa hạt Bengola hay Luanda như trước thì không thể được nữa, vì các tỉnh trưởng không nghe và các khu trưởng cũng không chịu. Thế nên trùm Angve phải quanh vào các làng xa đổi vải lấy ngà voi hoặc nô lệ. kết quả vẫn khả quan. Tuy nhiên, sau này việc buôn bán nô lệ sẽ không thể hoạt động được nữa. Người Anh mở rộng phạm vi kiểm soát rất nhanh tới trung bộ Phi châu. Mặt khác, các giáo sĩ càng ngày càng chống lại tội ta. Lại còn tên bác sĩ Livinton, người ta nói là sau khi thám hiểm miền hồ lạch, sẽ thẳng đường về Angola.

Trò chuyện đến đây, Ali đã rõ tâm trạng của Nego rồi nhưng chưa biết ý kiến y về những người đắm thuyền ra sao. Ali hỏi:

- Bây giờ anh định thế nào về bọn chúng?

Nego đáp:

- Tôi định chia thành hai nhóm: một nhóm bán làm nô lệ, còn một nhóm...

Nego không nói hết, nhưng qua nét mặt dữ tợn của hắn, người ta có thể biết mưu kế hắn dành cho tốp sau thâm độc lắm.

Ali hỏi:

- Anh định bán những tên nào?

- Những tên da đen theo bà Uynxton chứ còn ai? Trong bọn có lão Tôm già quá, bán không được mấy, còn bốn tên kia béo, khỏe rất có giá ở chợ

Cadôngđê – Nego đáp.

- Đúng lắm, anh sẽ bán được đắt giá. Những nô lệ gốc ở Mỹ mà gửi sang thị

trường Angola thực là của hiếm, sẽ đắt như tôm tươi. Bây giờ chỉ còn việc chiếm đoạt thứ hàng quý giá đó thôi.

Nego hỏi:

- Việc đó có lẽ khó?

- Không bạn ạ. Cách đây 10 dặm, đang có một đoàn nô lệ đang cầm ở làng

Quangđa do một lái Ả Rập tên là Amít cầm đầu. Hắn chỉ đợi tôi trở về là lên

đường đến chợ Cadôngđê. Vùng đó không có lính tuần tra nên ta dễ bắt bọn

Đíchson, miễn là bọn đi định đi về lối Quangđa.

Ali nói tiếp:

- Chắc thế, vì Đíchson là một tên thông minh. Nó sẽ không theo đường cũ để

ra bờ biển vì dễ lạc trong những cánh rừng bao la. Tôi đoán thế nào nó cũng

theo một dòng sông con đóng bè để ra biển. Nó không còn phương tiện nào

hơn nữa. Tôi biết thế nào nó cũng đi bằng lối ấy, và tất nhiên nó không ngờ

đến vòng lưới của chúng ta đang đợi nó.

Nego tư lự một lúc rồi nói:

- Phải... may ra...

- Không thể nói là “may ra” mà phải nói là “cầm chắc” mới đúng. Anh sẽ thấy

Đíchson sẽ đến đúng “chỗ hẹn tưởng tượng” của tôi trên sông Quangđa cho

mà xem.

- Nếu đúng như vậy thì chúng ta khởi hành ngay đi. Tôi biết Đíchson lắm, nó

không chịu chậm trễ một giờ nào, ta phải đến trước mới được.

- Chúng ta đi.

Hai người vừa đứng dậy thì có tiếng sột soạt ở trong bụi cây gần đó. Nego dừng lại và nắm lấy tay Ali. Chợt tiếng sủa vang lên rồi một con chó hiện ra trên bờ suối, nhe nanh, vọt đến. Ali kêu:

- A! Con Đingô!

Nego nói:

- Lần này nó không thoát tay tôi.

Trong khi Đingô nhảy vào Nego, y giật súng của Ali lùi lại, ngắm và bóp cò.

Một tiếng kêu đau đớn đáp lại sau tiếng nổ. Con Đingô biến mất sau đám cây con bao phủ bờ suối. Nego bước xuống bờ suối, thấy lá cây cào vết máu và một vết đỏ kéo dài trên đám sỏi trắng tinh. Y nói:

- Thế là hết đời con quái vật nhé!

Ali chứng kiến hết tấn kịch đó, hỏi Nego:

- Con chó căm thù anh lắm sao?

- Hình như thế. Nhưng bây giờ thì nó hết căm thù!

- Sao nó lại căm thù anh đến như thế?

- Ô! Đó là một chuyện cũ cần phải thanh toán giữa nó và tôi.

- Chuyện cũ à?

Nego im lặng. Ali biết Nego không muốn tiết lộ chuyện riêng nên không hỏi thêm nữa. Một giờ sau, hai tên lần theo bờ suối một đoạn nữa rồi rẽ đường rừng để đến Quangđa.

Chương 2

TÌM LỜI RA

Đíchson biết mình đã bị lạc vào Phi châu và không còn nghi ngờ gì nữa Ali là tên lừa đảo. Do đó, Đíchson kết luận rằng Ali và Nego đã quen biết nhau từ lâu. Chúng ngẫu nhiên gặp nhau ở bờ biển rồi cùng nhau bày mưu tính kế để hại những người còn sống sót của thuyền Hải Âu. Nhưng chúng làm thế nhằm mục đích gì? Nếu nghe được hai tên gian bòn định với nhau ở bờ suối, Đíchson sẽ biết âm mưu của chúng và một mối nguy hiểm lớn đang đe dọa bà Uynxton, các bạn da đen và cả chính Đíchson nữa.

Tình trạng thực nguy ngập, nhưng chàng thủy thủ bé nhỏ không sợ hãi. Là thuyền trưởng trên đại dương, Đíchson cũng là thuyền trưởng trên đất liền. Sau mấy tiếng đồng hồ suy tính về hiện tại và tương lai với những điều may, cái rủi – mà cái rủi nhiều hơn – Đíchson đứng phắt dậy không hề nản chí. Ánh mặt trời đã lờ mờ trên những ngọn cây rừng, Đíchson đến gần già Tôm và nói nhỏ;

- Già cũng thấy những dụng cụ của bọn buôn người rồi. Hẳn già cũng biết đây là Phi châu?
- Đúng thế. Tôi biết lắm.
- vậy già phải giữ kín, đừng nói gì cho bà Uynxton và các bạn biết. Chỉ cần tôi và già biết để lo liệu thôi, già ạ.
- Vâng, cần phải thế.
- Chúng ta phải thận trọng hơn bao giờ hết. ta đang ở trong một xứ lạ. Chỉ cần cho mọi người biết rằng chúng ta đã bị Ali phản để mọi người phải thận trọng hơn, mà đề phòng những toán người da đỏ hiếu chiến.
- Cậu có thể tin vào sự tận tâm và lòng gan đảm của tôi.
- Cũng như tôi tin vào sự thiện chí và kinh nghiệm của già. Già sẽ giúp đỡ tôi.

- Tôi sẽ hết lòng, cậu cứ yên tâm.

Kế hoạch của Díchson là phải rút ngay ra bờ biển càng sớm càng tốt, mặc dù Díchson biết bờ biển đó thuộc Angola. Ý định này được già Tôm tán thành. Nhưng muốn trở ra bờ biển, lại phải theo lối cũ hay sao? Díchson nghĩ nếu trở ra bằng lối cũ tất nhiên sẽ gặp Ali, thế nào hắn cũng đón đường để sinh sự. Theo Díchson thì chỉ có cách tìm một con sông để ra biển, tuy chậm nhưng chắc chắn và không để lại một dấu vết gì. Việc cần nhất là phải biết gần đó có dòng nước nào khả dĩ đi về được không. Díchson nhớ hôm cuối cùng đi với Ali, đoàn người có đi qua một con suối hai bờ nhuộm đỏ vì có oxít sắt. Tìm lại dòng suối đó không lâu và không khó khăn lắm. Díchson sẽ theo con suối đó để tìm ra con sông mà thả xuôi bè. Nghe Díchson bàn tính, già Tôm cũng cho là không còn cách nào hay hơn nữa. Trời bắt đầu sáng, mọi người lần lượt thức dậy, bà Uynxton nhìn chung quanh rồi hỏi Díchson:

- Ông Ali đâu nhỉ? Ta không trông thấy ông ấy?

Díchson đáp:

- Ông ấy không còn ở đây ạ.

- Thế ông ấy đi trước à?

- Thưa bà, hắn trốn mất rồi. Hắn là một thằng làm phản. Hắn đã thông đồng với Nego để đưa đoàn ta đến đây.

- Díchson, con tin chắc Ali phản chúng ta?

- Thưa bà, đúng thế.

Rồi Díchson nhìn già Tôm, nói luôn:

- Đêm qua con và già Tôm đã khám phá ra gian ý của Ali. Nếu nó không tẩu thoát nhanh bằng ngựa, con đã bắn chết nó rồi.

Bà Uynxton hỏi:

- Thế còn nông trại?...

- Chẳng có nông trại nào, xóm làng nào ở chung quanh đây cả. Chúng ta phải rút nhanh ra bờ biển.

- Bằng con đường cũ à?

- Thưa bà, không. Chúng ta sẽ theo một dòng sông để ra biển, như thế sẽ bớt cực nhọc và nguy hiểm. Tuy nhiên phải đi bộ chừng vài dặm.

- Ồ, ta còn khỏe. Ta sẽ đi được và ẵm con ta. Thế thì nên đi cho sớm.

- Vâng. Con cùng các bạn đã sửa soạn rồi.

Đoàn người chưa đi được năm mươi bước thì già Tôm nói một tiếng làm cho mọi người đứng cả lại.

- Con Đínhô?

Ecquyn đáp:

- Ồ nhỉ? Không thấy Đínhô đâu cả.

Nói xong, vốn to mồm, Ecquyn gọi lên mấy tiếng vang cả khu rừng nhưng không thấy tiếng trả lời. Díchsơn im lặng, mắt con chó thật đáng tiếc. Vì nó sẽ báo động giúp mọi người đề phòng những bất trắc xảy ra.

Già Tôm hỏi:

- Hay nó theo Ali?

Díchsơn đáp:

- Nó không theo Ali đâu. Chắc nó đi tìm Nego vì nó biết Nego đã đi qua chỗ này.

Ecquyn nói:

- Nếu vậy, thằng chết tiệt ấy sẽ hại Đínhô mất.

- Biết đâu nó lại không cần cổ Nego trước – Pát nói.

- Có thể lắm. Nhưng ta không thể đợi Đingô được nữa. Nếu còn sống nó sẽ tìm ra ta vì nó thông minh lắm. Chúng ta tiếp tục đi đi – Díchsơn trả lời.

Đoàn Díchsơn đi một quãng thì đến suối nước đỏ. Họ cứ theo bờ suối đi mãi, mong gặp một dòng nước lớn hơn để đóng bè xuôi ra biển. Đến trưa, họ đã đi được ba dặm, không hề gặp trở ngại nào. Ali, Nego đều mất tung tích. Đingô vẫn chưa trở về.

Mọi người nghỉ chân trong một rừng tre để ăn trưa. Trong bữa ăn, mọi người đều ít nói. Bà Uynxton ẵm con trong lòng, chăm chú nhìn và không chịu ăn. Díchsơn nói:

- Bà hãy ăn chút ít để lấy sức đi đường. nếu bà ốm thì nguy to. Bà cố gắng ăn đi. Rồi chúng ta sẽ tiếp tục cuộc hành trình. Gặp sông con, chúng ta sẽ xuôi bè ra biển không sợ mệt nhọc nữa.

Bà Uynxton nhìn nét mặt quả cảm của Díchsơn, bà tin tưởng và đỡ nản lòng. Những người da đen rất tận tụy, bà thấy mọi người đều hăng hái. Bà còn tưởng đang ở trên một vùng đất lạ; dù Ali có phản bội, hậu quả cũng không đáng sợ. Díchsơn đoán được tâm tư của bà, nhưng đành im lặng để cho bà hy vọng.

Giữa lúc đó Giắc tỉnh dậy, em đã hết sốt, đôi mắt long lanh và em giơ hai cánh tay ôm cổ mẹ nói:

- Đã đến nông trại của ông Ali chưa mẹ?

Bà Uynxton đáp:

- Ồ, nông trại... gần đến rồi! Phải, chúng ta sắp đến.

Muốn chấm dứt chuyện buồn về nông trại, Díchsơn hỏi bà Uynxton:

- Thừa bà, đi được rồi chứ?

- Ủ! Chúng ta đi đi!

Mọi người dọn dẹp đồ đạc rồi lại tiếp tục đi. Họ phải đi xuyên qua một cánh rừng rậm để theo sát dòng suối. Trong rừng có vài vết đường mòn, lau ngày không có ai đặt chân tới nên cây cỏ mọc đầy. Những người da đen luôn tay bẻ lau, vạch cỏ. Thế mà ba tiếng đồng hồ mới đi được một dặm. Cũng may việc làm vất vả đó không kéo dài. Đi được một dặm thì họ gặp một lối đi dài hun hút do một đàn voi đã phá thành. Những vết chân voi to lớn, sâu hoắm còn in trên mặt đất chưa khô.

Con đường này đi chéo ra đến bờ suối một quãng rồi lại quặt vào rừng sâu. Vì thế, đoàn Đíchson phải bỏ con đường dễ đó, và một lần nữa, họ lại phải dùng rìu phá cây rừng mở lối để bám sát bờ suối. Từ chỗ này, dòng suối bớt dốc, sâu và rộng hơn, Đíchson hy vọng sắp ra tới sông con. Vì thế những người da đen hăn hái làm việc mặc dầu dây leo, gai góc mọc chằng chịt ngăn cản lối đi.

Hôm đó, vào khoảng ba giờ chiều, đoàn người ra khỏi rừng rậm, gặp ngay một dải đầm lầy, rêu phủ xanh rờn, thỉnh thoảng nhô lên những cây dương xỉ rất đẹp. Họ phải dò từng bước trên khoảng đất nhão tương như vô tận này. Khoảng năm giờ chiều, đi được hơn nửa dặm, mặt đất cứng nên dễ đi hơn. Tuy nhiên, bên dưới vẫn thấy búng nhùng vì đầm nước. Qua địa hình, Đíchson biết rằng dải đồng này thấp hơn các con sông ở quanh đây nên nước sông thấm ra và đọng cả vào chỗ trũng.

Lúc đó, bầu trời bỗng trở nên oi ả. Những luồng chớp xa xa bắt đầu vạch ngoằn ngoèo trên áng mây đen. Những tiếng sấm ran ran vọng lại. Một cơn

giông khùng khiếp sắp đến. Dãi đồng trũng này sắp bị ngập. Chung quanh không có một chỗ đất cao nào để trú chân. Xa xa, về phương bắc có một dãy đồi thấp hình như là giới hạn của đồng lầy. Nơi đó có lẽ là nơi cứu tử độc nhất của đoàn người lạc bước. Đích sơn động viên mọi người:

- Các bạn ơi, chúng ta hãy tiến lên! Tiến nhanh lên! Còn ba dặm nữa, chúng ta sẽ đến một nơi an toàn hơn ở chỗ đất trũng này.

Ecquyn nói:

- Xin tất cả hăng hái lên! Đi nhanh lên!

Đoàn người rảo bước được một dặm thì cơn giông kéo đến. Còn độ hai dặm nữa mới tới rặng đồi. Nhiều lần Đích sơn và các bạn phải vừa đi vừa chạy để tránh sét đánh, vì ở cánh đồng này không có cây cao. Chỉ có đầu người là những điểm cao nhất để hứng điện trời trong lúc giông tố này. Trời mưa như trút, Đích sơn chạy chậm lại và hỏi già Tôm.

- Làm thế nào bây giờ?

Già Tôm đáp:

- Cứ tiếp tục đi! Chúng ta không thể ở lại trong cánh đồng này vì nó sắp biến thành biển nước bây giờ.

Đích sơn nói:

- Tôi vẫn biết thế, nhưng nếu ta tìm được một chỗ tạm trú bây giờ thì hơn, dù chỉ là mộ túp lều hay...

Đích sơn ngừng lời. Một tia chớp sáng vừa lóe và soi khắp cánh đồng.

Đích sơn nói to:

- Tôi vừa nhìn thấy cái gì đằng kia, cách đây độ năm trăm thước!

Già Tôm gật đầu, đáp:

- Phải, tôi cũng trông thấy.
- Một đồn trại phải không?
- Phải. Có lẽ là một đồn trại... nhưng là đồn trại của dân địa phương.

Đích sơn nói:

- Già cùng mọi người hãy tạm dừng ở đây, để tôi đến đó thăm dò xem sao.

Ba phút sau, Đích sơn trở về, vừa chạy vừa mừng rỡ gọi to:

- Lại đây! Lại cả đây!

Già Tôm hỏi:

- Đồn đó bỏ trống hay sao?
- Không phải đồn, không phải trại. Đó là một cái tổ mối, chúng ta vào trú mau.

Mọi người vội vã theo Đích sơn đến chỗ trú.

Lát sau họ đến trước một ụ đất đỏ cao hơn ba thước hình chóp mọc la liệt như bát úp. Mặc dù loài mối là đáng sợ, nhưng trong lúc khẩn cấp này, họ chui vào trong tổ để ở chung với chúng, nếu không đuổi hẳn được chúng ra ngoài. Họ chọn một tổ gần nhất, chân ụ có một lỗ hẹp, Ecquyn phải dùng dao khoét rộng cho người chui vào lọt, và cho cả anh nữa.

Trước cặp mắt ngạc nhiên của nhà côn trùng học Bindác, trong tổ không có một con mối nào. Có lẽ tổ mối này bị bỏ hoang. Khi cửa tổ đã được khoét rộng, Đích sơn và mọi người chui vào.

Chương 3

BÀI HỌC VỀ GIỐNG MỐI

Trong khi đó, cơn giông nổi lên càng dữ dội. Con dông mà những người ở miền ôn đới không thể tưởng tượng được. May sao Đích sơn cùng cả đoàn lại

tìm được một chỗ núp trong lúc này.

Khi đã vào được trong tổ mối rồi, họ liền thắp đèn để kiểm chỗ ngồi. Trong tổ có những tầng bằng đất giống như những ngăn kéo bỏ ngỏ, ngăn, có hàng ngàn lỗ nhỏ. Díchsơn liền cho phá tầng dưới để lấy đất đắp lên nền tổ cho cao vì nước bắt đầu thấm vào. Cửa tổ cũng lấp một nửa để cho không khí lọt vào. Thật may mắn mà tổ mối này bỏ hoang, nếu không thì khó mà ở chung với hàng ngàn con mối khổng lồ. Những đàn mối này mới đi hay chúng bỏ tổ đã lâu. Đó là một câu hỏi không phải là thừa.

Chính nhà thông thái Bindác ngay từ đầu đã thắc mắc về vấn đề này. Ông rất ngạc nhiên tại sao tổ này lại bỏ không và ông kết luận rằng đàn mối mới bỏ đi vì chúng có linh tính thời tiết sắp thay đổi. Díchsơn chăm chú nghe nhà thông thái giải thích và nơm nớp lo sợ rằng những đồng mối này sẽ cho ông biết đây là châu Phi. Nhưng Bindác không để ý đến điều đó, vì một khi gặp vấn đề thích thú, ông nói thao thao bất tuyệt. Ông nói:

- Loài mối gồm có nhiều giống: giống lưng đỏ, giống lưng vàng, giống sợ ánh sáng, giống hay cắn, giống phá hoại...

Díchsơn hỏi:

- Thế giống đã xây tổ này thuộc giống gì?

Ông Bindác đáp:

- Là giống hiếu chiến. Giống này gồm có những con mối thợ và những con mối đặc biệt gọi là “Siraphu”. Những con này mình dài tới ba xăng ti mét, hai hàm răng dài như lưỡi kiếm và chắc khỏe, đầu to hơn thân, trông giống như con cá mập. Đúng, nó là cá mập của loài sâu. Nếu con Siraphu chọi với cá mập, tôi tin chắc là cá mập phải thua!

Đích sơn hỏi:

- Giống mỗi này thường thấy ở đâu?

Bình đáp:

- Thường ở châu Phi, nhất là ở các tỉnh trung bộ và nam bộ. Loại mỗi này cung cấp cho dân bản xứ một món ăn rất ngon lành. Những com mỗi nướng lên, các bạn ơi. Vừa béo vừa bùi, ngon tuyệt trần các bạn ạ.

Ecquyn hỏi:

- Ông đã ăn rồi chứ ạ?

Bình đáp:

- Chưa, nhưng tôi cũng sắp được ăn.

- Ở đâu?

- Ngay tại đây.

Già Tôm nói luôn:

- Tại đây làm gì có, vì đây có phải là châu Phi đâu.

Bình đáp:

- Ờ nhỉ. Thế mà từ trước tới giờ người ta nói giống Siraphu và gốc gác của chúng chỉ có ở châu Phi mà thôi. Ôi, con mắt của những ông khách du lịch còn kém lắm.

Bình còn thuyết minh một hồi nữa, rồi có lẽ nhà thông thái buồn ngủ nên bò lên tầng cao nhất ngủ. Trong tổ im lặng dần. Bên ngoài sấm sét ầm ầm, gió mưa dữ dội. Con giông khủng khiếp không biết đến bao giờ.

Mọi người mỗi một có lẽ đều ngủ cả. Riêng Đích sơn ngồi im lặng ưu tư. Chú nghĩ đến số phận những con người do chú dẫn dắt và quyết tâm cứu họ qua cơn hoạn nạn này.

Đíchson hồi tưởng lại khi chú còn làm thuyền trưởng. Có lần Nego tỏ ra hỗn xược, sao mình chỉ dọa giẫm hấn dưới hầm thuyền mà không bắn cho hấn một phát để kết liễu đời của tên phản bội thì đâu có xảy ra những chuyện cay đắng như thế này.

Và Đíchson tự an ủi:

- Nhưng cũng còn may là bà Uynxton và tất cả mọi người chưa biết sự nguy hiểm này.

Chương 4

MƯA NGẬP TỔ TRÚ

Lúc đó, độ mười một giờ, Đíchson thấy mệt và buồn ngủ. Nhưng chú cẩn thận nằm ngay cạnh cửa tổ mối để có thể biết ngay những bất trắc xảy ra từ bên ngoài mà kịp thời đối phó. Thế rồi Đíchson thiếp đi. Không biết giấc ngủ đó dài được bao lâu. Chợt nghe vai mình thấm lạnh, chú choàng dậy, thấy nước đang tràn vào cửa tổ. Nước ủa vào nhanh quá, chỉ trong vài giây đã lên tới tầng của Tôm và Ecquyn đang nằm. Đíchson đánh thức hai người dậy và cho biết nước đang tràn vào. Già Tôm tắt đèn soi. Mực nước lên cao tới một thước rưỡi rồi đứng. Bà Uynxton nằm ở tầng trên nghe thấy dọn dẹp lục đục liền hỏi Đíchson.

- Gì thế, con?

Đíchson đáp:

- Không có gì cả ạ. Nền tổ bị nước chảy vào một ít. Mưa to nên nước sông gần đây tràn qua bờ vào cánh đồng.

Ecquyn nói:

- Như vậy càng hay, vì ta biết rõ gần đây có sông con!

Díchson nói:

- Phải đấy, sông sẽ đưa chúng ta ra bờ biển.

Díchson bảo mấy người da đen xếp khí giới và thực phẩm lên điểm cao.

Già Tôm hỏi:

- Nước do cửa rò vào đây à?

Díchson đáp:

- Phải. Vì thế không khí trong lò không có lối thay đổi nữa.

- Vậy ta mở một lỗ ở thành trên mực nước cho thoáng hơn?

- Có thể được... nhưng nếu trong lò mực nước là hai thước thì ở ngoài mực nước có thể cao hơn, khoảng hai thước rưỡi, ba thước, không biết chừng.

- Sao gì biết được?

- Tôi đoán rằng khi tràn vào lò, nước đã dồn ép không khí lên phía đỉnh lò một ít, bây giờ không khí đó chần không cho nước lên cao hơn nữa. Nay nếu ta chọc thủng một lỗ, không khí bị nén trong này sẽ phì ra, như vậy nước trong lò sẽ lên cao bằng mực nước bên ngoài, hoặc nước lại dồn ép chỗ không khí còn lại cho đến mức mà không khí bên trong đủ sức cản lại. Chúng ta ở trong lò này chẳng khác gì những người thợ lặn ngồi trong “chuông lặn” của họ.

Bên ngoài mưa gió, sấm sét vẫn còn ầm ầm không dứt. Già Tôm nhìn mực nước trong lò và nói:

- Hình như nước cứ lên dần dần.

- Phải. Mặc dù không khí trong này không thoát ra được, khối nước bên ngoài quá lớn có thể ép thêm không khí mà lần dần lên. Bây giờ điều cần nhất là ta phải biết nước bên ngoài có bao phủ cả cái tổ mối này hay không.

Ta có thể chọc một cái lỗ ở đỉnh lò là biết ngay. Nhưng việc làm đó rất nguy hiểm vì nếu nước đã trùm cả cái tổ mối này thì nó sẽ chảy vào đầy lò, chúng ta sẽ chết đuối hết> Dù sao, ta cũng có thể dò từng đoạn một...

Già Tôm nói:

- Chúng ta hãy làm luôn xem thế nào?

Lúc này tình hình thật nguy ngập: nước cứ từ từ lên, không lẽ chịu bó tay?

Hơn nữa mọi người đã thấy mệt vì trong tổ quá nhiều thán khí. Díchson liền dùng cái que sắt nhọn vặn để lau nòng súng, khoan một lỗ nhỏ ở thành lò.

Không khí xì ra ngoài, đồng thời mực nước bên trong lên tới lỗ khoan thì đứng. Như vậy lỗ khoan thấp quá, thấp hơn mức nước bên ngoài, Díchson liền lấy đất sét vít luôn lỗ khoan lại. Khoảng trống trong lò lại bị giảm đi hơn hai mươi phân. Mọi người khó thở vì dưỡng khí bắt đầu thiếu. Ngọn đèn đỏ và kém sáng hẳn. Díchson lại khoan lỗ thứ hai cao hơn một chút, không khí trong lò lại phì ra như tiếng sáo, tức thì nước tràn lên hơn ba mươi phân nữa. Lỗ khoan thứ hai chưa gặp khoảng bên ngoài. Díchson nói:

- Toàn bộ lò này ở cả dưới nước rồi chẳng?

- Muốn biết rõ hãy khoan lỗ thứ ba ngay chỗ đỉnh lò.

Nhưng cả đoàn sẽ bị ngạt, sẽ chết hết nếu lần thí nghiệm cuối cùng này không đem lại kết quả mong muốn. Bao nhiêu không khí còn lại bên trong sẽ bị phụt hết lên lớp nước trên và lớp nước bên dưới sẽ chiếm đầy lò. Trong khi đó, đèn tắt vì thiếu dưỡng khí, trong lò tối đen như mực. Díchson liền trèo lên vai Ecquyn đang đứng bám vào một tầng lò và chỉ có cái đầu nhô lên khỏi mực nước.

Díchson tìm chỗ đỉnh lò và đẩy mũi khoan vào đất sét. Lớp đất này dày hơn,

rắn hơn thành là nên khó làm hơn. Díchsơn vừa khoan vừa lo vì từ cái cửa sổ cuối cùng này, một là không khí sẽ đem sự sống vào, hai là nước sẽ dâng lên với cái chết. Chợt Díchsơn kêu to.

- Chú ý!

Tức thì một tiếng rít kéo dài phát từ đỉnh lò do không khí ép thoát ra, đồng thời một tia sáng lọt vào. Nước từ từ dâng lên hai mươi phân nữa thì ngừng hẳn, thế là mực nước bên trong và bên ngoài bằng nhau. Chóp là còn cao hơn mặt nước. Díchsơn và cả nhóm thoát chết. Díchsơn liền bảo mấy người da đen lấy dao trở nên nóc cửa để ra. Những mẩu đất rơi xuống lồm bồm. Một lát sau, đã trông thấy nền trời xanh. Díchsơn leo lên nóc lò trước tiên. Vừa thò đầu ra, Díchsơn nghe những tiếng “vút”, “vút” lướt bên tai. Những tiếng này rất quen thuộc đối với những du khách qua châu Phi: đó là tiếng tên bay! Díchsơn cũng thoáng nhìn thấy cách đó độ trăm thước có một trạm gác trên đồi và hcung quanh lò, chỉ cách chừng mười thước, có những thuyền dài đầy người bản xứ. Chính những cánh tay đã xuất phát từ một trong những thuyền này.

Díchsơn báo động ngay cho cả nhóm biết. Ecquyn, Antôn và Pát liền lấy súng theo Díchsơn leo lên nóc lò và bắn một loạt vào chiếc thuyền đã phục kích đầu tiên. Nhiều người trong thuyền ngã gục. Nhưng một nhóm bốn, năm người dù dững cảm đến đâu cũng không sao chống được với hàng trăm người có đủ vũ khí vây quanh mình.

Vì thế, tổ mối bị chiếm ngay. Mọi người trong đoàn đều bị bắt một cách tàn nhẫn, không kịp nói với nhau một lời hoặc bắt tay nhau lần cuối cùng. Chiếc thuyền thứ nhất đưa bà Uynxton, em Giắc và ông Bindác về thẳng trạm gác.

Còn Díchsơn, u già Năng, Ecquyn, Pát, Antôn, và già tôm bị ném xuống chiếc thuyền thứ hai và đưa đến một chỗ khác ở chân đồi. hai mươi người bản xứ điều khiển chiếc thuyền này. Lại có năm chiếc thuyền khác đầy người theo sau để áp giải.

Đến nước này kháng cự cũng vô ích. Tuy nhiên, Díchsơn và mấy bạn da đen không chịu để họ chở đi và đánh trả mấy người bị trọng thương. Nếu không có lệnh cấm sát hại thì đoàn Díchsơn đã bị bọn người bản xứ đánh cho như tử rồi.

Một lát sau, thuyền tới chân đồi, chưa kịp áp mạn thì Hecquyn đã gạt mọi người và nhảy tót lên bờ chạy mất. Hai người bản xứ rượt theo, anh không lờ liền quay báng súng quật lại như trời giáng, hai người vỡ sọ chết lả quay. Lát sau, Ecquyn mất hút sau đám cây rừng, giữa làn mưa đạn bắn theo.

Trong khi đó, Díchsơn và các bạn bị giải lên bờ và bị còng tay xích chân như những người nô lệ vậy.

Chương 5

TRẠI TẠM TRÚ TRÊN SÔNG QUANGĐÀ

Cái trạm gác mà Díchsơn trông thấy khi mới ở tổ mối thò đầu ra đóng trên một quả đồi. Ở đỉnh đồi có một cây phong lớn, sống tới mấy ngàn năm, cành lá xòe ra một vùng rộng lớn và có thể làm chỗ trú ẩn rất tốt cho năm trăm người. Những ai chưa từng trông thấy giống cây khổng lồ của miền Trung Phi này có thể tưởng tượng được, phạm vi bao la của cành lá nó sum suê, rậm rạp như rừng, một người lạc vào không biết lối ra.

Chính ở dưới cây cổ thụ này, một đoàn nô lệ được đưa đến nghỉ, đây là một chỗ trú chắc chắn và kín đáo. Đoàn nô lệ này gồm toàn những dân bản xứ do

bọn tay sai của trùm Angve bắt ở các làng về để bán ở chợ Cadôngđê.

Vì thế, ngay khi giải đến trạm nghỉ, Díchsơn và các bạn đương nhiên bị coi là nô lệ. Đối với già Tôm cùng con trai là Pác, Óttanh, Antôn và u già Năng, tuy không phải là người Phi nhưng vì da đen nên vẫn bị xếp vào nhóm nô lệ bản xứ.

Sau khi bị tước hết khí giới, cứ hai người bị đóng chung một gông vào cổ.

Mỗi cái gông dài độ thước rưỡi, hai đầu uốn khoằm và có then ngang khóa lại. bị móc bằng thứ gông này, nạn nhân chỉ đi hàng một, nghĩa là người sau phải theo kẻ trước và không đi chệch sang bên phải hoặc bên trái được. Để chắc chắn hơn, người ta xích hai người vào nhau bằng một cái xiềng nặng bằng sắt ở ngang lưng. Díchsơn không bị ghép với ai cả, vì là người da trắng nên có lẽ chú còn được nể.

Díchsơn bị tước súng, tay chân được tự do, nhưng bên cạnh vẫn có một người quản thúc. Chú biết rằng không thể trốn thoát được và cũng không thể dò hỏi ai tin tức mọi người. Biết bao giờ lại trông thấy bà Uynxton?

Không biết họ đưa đoàn nô lệ này đi đâu? Đến chợ nào? Tuy không hiểu ngôn ngữ của những tên chỉ huy nói với nhau bằng tiếng Trung Phi, nhưng

Díchsơn nhận thấy có một danh từ được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, đó là danh từ “Cadôngđê”. Chắc hẳn đó là tên một điểm “chợ bán người”. Số phận Díchsơn và những người bị bắt sẽ do vị lãnh chúa của vùng này hoặc những tên trùm buôn nô lệ xử trí.

Díchsơn muốn cho các bạn da đen biết qua tình hình nhưng họ lại ở cả phía bên phải của trạm, cách chỗ Díchsơn chừng năm mươi bước. Riêng già Tôm và con trai may sao lại được xích với nhau. Antôn và Óttanh cũng vậy.

Đíchson tìm cách đến chỗ già Tôm. Còn độ vài bước nữa thì tới. Tên tay sai trông thấy chạy đến lôi Đíchson lại một cách tàn nhẫn. Đíchson hăng máu giật lấy súng, hai bên giằng co gây cả vũ khí. Nghe tiếng kêu cứu, sáu bảy tên lính chạy lại. nếu không có tên chỉ huy can thiệp thì bọn lính đã đập chết Đíchson rồi. Tên chỉ huy này là người Ả Rập, thân hình cao lớn, vẻ mặt hung ác, chính là tên Ip Amít mà Ali đã có lần nhắc đến.

Sau đó, Đíchson bị đưa ra phía sau trạm. Còn bọn già Tôm thì bị chuyển sang mé bên trái trạm. Nhân việc này, Đíchson nhận thấy hai điều: một là đã có một mật lệnh cấm cho Đíchson trao đổi với các bạn da đen; hai là không được động chạm đến Đíchson. Vậy ai là người đã ra lệnh đó, nếu không phải là Ali hoặc Nego?

Lúc đó vào khoảng chín giờ sáng (ngày 19 tháng tư), chợt có tiếng tù và nổi lên, kè đến tiếng trống đánh dồn dập báo hiệu giờ nghỉ đã hết. Mọi người từ chỉ hua, cai, phu vác đồ và những người lô lệ chuẩn bị lên đường. Cả bọn cầm tù và hợp thành một toán, mỗi toán có một tên cai cầm một lá cờ và một chiếc còi dài. Đoàn nô lệ bắt đầu đi.

Chương 6

TỪ NHỮNG TRANG NHẬT KÝ CỦA ĐÍCHSON

Dăm chục lính đi trước mở đường, đoàn tù nhân đi giữa, mỗi bên có một lính đi kèm. Sau cùng là những phu tải lương thực và năm chục lính đi làm hậu vệ. Một tù nhân dù không bị xiềng xích cũng khó lòng trốn thoát được. Mỗi ngày, đoàn khởi hành từ lúc rạng đông, đến trưa được nghỉ một giờ. Tù nhân vì mỗi mệt nên những lúc nghỉ trưa ngấn ngủ, nhất là trong những đêm mưa tầm tã, không sao ăn ngủ được. Vì thế sau khi rời Qaungđa được

tám ngày, có đến hai mươi người chết lả ở dọc đường và bị ác thú cắn xé.

Dưới đây là những trang nhật ký do Đíchson ghi chép cuộc hành trình từ Quangđa đến Cadôngđê.

Đường đi dài hai dặm dặm được chia làm hai dặm đoạn. Mỗi ngày phải đi một dặm kể cả nghỉ trưa lẫn nghỉ đêm.

“Từ 25 đến 27 tháng tư, thấy một hàng cây lau sậy rất cao. Sáng hôm sau mọi người phải đi qua một con sông rộng chừng một trăm năm mươi mét, nước chảy xiết, cầu nổi làm bằng cây rừng buộc lại với những cọc gậy nữa chừng. cá sấu lượn chung quanh gầm cầu, miệng há lớn chờ đợi những kẻ sảy chân.

“Ngày 23 tháng tư – Mưa lớn. Đường ngập. Đi rất cực khổ.

“Ba đêm, tiếng sư tử, tiếng báo gầm gừ. Một tiếng nổ do người bản xứ bắn báo hiệu. Không biết Ecquyn bây giờ ra sao?

“Ngày 29 và 30 tháng tư – Trời bắt đầu lạnh. Sương ẩm cỏ cây. Nước ngập đồng.

“Không có tung tích gì của bà Uynxton và ông Bindác. Hai người có bị đưa đi Căđôngđê trước không? Có bị lặn lội như thế này không? Buồn quá! Em Giắc với khí hậu này thế nào cũng bị sốt lại, không biết em có còn sống không?

“Từ mồng một đến mồng sáu tháng năm: toàn lội nước từ trạm nọ tới trạm kia. Nhiều khi nước đến thắt lưng. Hàng triệu con đỉa bám sát vào da. Vẫn phải bước đều.

“Đồng nước bao la, không tìm được chỗ nghỉ chân. Phải lội hoài trong đêm tối. Trời sáng, nhiều người thấy vắng mặt trong đoàn. Khổ ai biết chừng nào! Khi người ta đã ngã rồi, còn đứng dậy để làm gì?

“Phải, đứng dậy để làm gì? Nhưng còn bà Uynxton và em Giắc, ta không có quyền bỏ rơi bà và con bà! Ta sẽ phấn đấu đến cùng. Đó là nghĩa vụ của ta.

“Có tiếng kêu ghê hồn trong đêm khuya. Đàn cá sấu đến tấn công. Chừng mười hai đến mười tám con cá quỷ, nhân lúc đêm tối nhảy chồm ra ở sườn đoàn, đón người ta đi.

“Ngày 7 và 8 tháng năm – Sáng sớm hôm sau người ta kiểm lại: hai mươi người nô lệ đã mất tích. Lúc sáng rõ, tôi đưa mắt tìm già Tôm và các bạn da đen, phúc làm sao họ hãy còn sống! Hôm nay, đoàn tù thoát khỏi cánh đồng sâu mà họ đã phải dầm mình lội nước trong hai tư tiếng đồng hồ. Nghỉ lại trên một ngọn đồi. Người ta cho ăn. Nhưng chao ôi! Thức ăn! Một ít sắn và vài nắm ngô! Nước uống đục ngầu. Trong số những người nằm dài ra đất, có biết bao nhiêu người không trở dậy nữa!

“Không! Nhất định bà Uynxton và con bà không phải chịu những đau khổ này. Thượng Đế tất run rủi cho bà đến Cadôngđê bằng một con đường khác. Nếu không, bà mẹ khốn khổ đó sẽ không sao đương nổi cảnh khốn cực này.

“Ngày 9 tháng năm – Lại tiếp tục đi từ sáng sớm. tôi thấy u già Năng tiểu tụy quá. Tôi cố rảo bước để lên chỗ u già. Toàn thân u run lên trong manh áo tả tơi. Ôi định đỡ u thì một bàn tay kéo tôi lại. Một ngọn roi quất vào vai u để đi cho thẳng hàng. Tôi muốn nhảy lên đánh tên cai hung ác... Chợt tên chỉ huy Ả rập hiện ra, giữ tôi lại, chờ cho đoàn người đi hết rồi đẩy tôi vào hàng cuối cùng và nói câu gì tôi không hiểu chỉ nghe thấy tiếng “Nego! Nego!”. Thì ra Nego đã dặn tên chỉ huy Ả Rập nhẹ tay với tôi hơn so với các bạn tôi. Hắn sẽ dành cho tôi một số phận như thế nào?

“Ngày 10 tháng năm – Chiều đến. Đêm xuống, cắm trại dưới một đám cây to.

Ba bốn tù nhân bẻ khóa, bé xích trốn đi hôm trước đã bị bắt và bị đánh đập rất tàn nhẫn. Việc canh chừng của lính và cai lại gia tăng. Đêm đến, tiếng sư tử gầm, tiếng chó sói oang oang, chen lẫn tiếng phì phì của những con hà mã. Có lẽ gần đây có sông hoặc hồ lớn chăng?

“Người mỗi mệt quá vẫn không chợp mắt được, tôi nghĩ lan man nhiều điều.

Chợt tôi nghe như có tiếng sột soạt trong bụi cỏ cao. Ác thú chăng? Chúng cả gan dám vào trại à? Tôi lắng nghe mà không thấy gì. Nhưng rõ ràng có tiếng sột soạt lướt trong bụi lau. Tôi không có súng, nhưng tôi quyết chống cự lại.

“Trời không có trăng, tôi nhìn sâu vào trong bóng tối. Có hai con mắt lóe ra sau hàng cây chỉ thảo. mắt chó sói hay mắt heo? Nó biến mất... Rồi lại hiện ra... Chợt có tiếng cỏ rào rào: một con vật nhảy vọt vào chỗ tôi. Tôi chực kêu lên. May sao tôi lại thôi. Tôi không tin mắt tôi nữa. Kìa, con Đĩnhgô! Nó đến được đây à? Nó đi bằng cách nào? Làm sao mà nó có thể tìm được tôi? Có lẽ đó là do bản năng. Bản năng có đủ để chứng minh lòng trung thành phi thường của nó không? Nó liếm tay tôi. Thực là quý hóa. Nó là bạn độc nhất của tôi trong lúc này! Thế là bọn chúng chưa thù tiêu được nó à? Tôi vuốt ve nó, nó hiểu. Nó chực sửa lên... Tôi vội bịt lấy miệng nó, sợ lộ chuyện. Nhưng mà sao nó cứ cọ cổ nó vào tay tôi? Nó muốn bảo tôi “Tìm đi”? Tôi tìm và thấy một vật gì buộc vào cổ nó. Đó là một ống sậy cột chặt vào vòng cổ nó vẫn có hai mẫu tự S-V mà tôi chưa tìm ra lý do. Tôi liền gỡ ống sậy và bẻ ra, trong có một mẩu giấy. nhưng mẩu giấy này, tôi không sao đọc được. Phải đợi đến sáng... Tôi muốn giữ Đĩnhgô, nhưng con vật có nghĩa kia vừa liếm tay tôi vừa muốn tháo lui. Tôi hiểu nhiệm vụ của nó đã hoàn thành. Thoắt một cái, nó biến mất trong đám cỏ rậm. Chắc hẳn nó lại trở về với người đã sai nó đem

giấy cho tôi. Mảnh giấy đó tôi vẫn chưa đọc được. Nóng ruột quá! Ai đã viết giấy cho tôi? Bà Uynxton hay Ecquyn? Làm sao con Đínhô lại gặp được một trong hai người ấy?

“Trời lâu sáng quá! Nhưng rồi cũng phải sáng. Trời sáng rõ ngay vì ngày ở miền xích đạo hình như không có bình minh. Tôi lừa lúc bọn nó không chú ý đến bèn mở giấy ra đọc> Đó là thư của Ecquyn, viết bằng bút chì:

“Bà Uynxton và Giắc đã được đưa đi bằng cáng. Ali và Nego đi cùng Bindác. Họ đi trước đoàn tù nhân ba bốn bộ đường. Tôi không bao cho bà Uynxton được. Tôi đã tìm được Đínhô, nó bị thương nhưng đã khỏi. cậu Díchsơn ơi, vững lòng hy vọng! Tôi luôn luôn nghĩ đến cậu và mọi người. Tôi trốn đi mong giúp ích cho mọi người. ECQUYN”.

“A, bà Uynxton và em Giắc còn sống! Bà và bé Giắc không phải chịu gian khổ ở dọc đường như chúng tôi. Cái cáng ở đây tức là một thứ giường làm bằng cỏ khô treo vào một cái đòn, trên phủ vải, do hai người phu khiêng đi. Bà và Giắc được nằm trong đó không phải lội bùn. Ali và Nego định làm gì bà, Giắc và Bindác? Hay chúng đưa bà đi Cadôngđê? Được rồi! Thế nào ta cũng được gặp bà. Trong những cái khổ, tin này quả là một tin hay.

“Từ 11 đến 15 tháng năm – Đoàn người tiếp tục đi. Tù nhân ngày càng lê bước khó nhọc. Phần đông để lại những vết máu theo bước đi. Tính tra còn mười ngày nữa mới tới Cadôngđê. Từ đây đến đó sẽ còn bao nhiêu người thoát khỏi sự đau khổ? Nhưng tôi, tôi phải đến nơi, tôi sẽ đến.

“Đoàn người đi bỏ lại những xác chết rải rác trên đường.

“Từ 16 đến 24 tháng năm – Tôi đã kiệt lực lắm rồi. Nhưng tôi không có quyền chán nản, yếu mềm. Tuần mưa đã dứt. Người ta tổ chức những “độ

đường cứng rắn”, nghĩa là không nghỉ trưa và phải đi rảo bước, mặc dầu đường lên dốc khá cao, xuyên qua những bụi cỏ “nát si” lá sắc quật rách mặt, hạt nhọn bắn vào người là nhưc thịt da. May sao giày tôi còn tốt nên đỡ rách chân.

Hôm nay hơn hai mươi người ốm yếu không thể đi được nữa. Những tên cai lấy búa đập cho mỗi người một nhát. Tên chỉ huy Ả Rập trông thấy thế cũng không nói gì. Tôi nghiệp cho u già Năng cũng bị chugn số phận với hai mươi người kia. Tôi oán hận không sao đập cho u già một nắm đất! Đó là người thứ nhất trong số những người sống sót của thuyền Hải âu đã chết.

“Đêm nào tôi cũng ngóng Đínhô. Nó không trở lại nữa. Hay nó gặp nạn? Ecquyn bị rủi ro? Không! Không! Tôi không tin điều đó. Sở dĩ nó không trở lại đây có lẽ vì Ecquyn không có tin gì mới để báo cho tôi. Hơn nữa, chắc Ecquyn cũng phải thận trọng và coi chừng.

Chương 7

CHỢ CADÔNGĐÊ

Ngày 25 tháng năm, đoàn nô lệ đến Cadôngđê. Lúc đó mười hai giờ trưa. Tiếng trống, tiếng tù và lẫn tiếng súng vang động một góc trời. Đoàn tù đến nơi còn có hai trăm năm mươi người, phần nhiều trông hom hem, ốm yếu chỉ còn da bọc xương. Họ bị xua như xua một đàn cừu vào trại. Trại là những lều thấp bằng ván trông như những chuồng bò tồi tàn. Ở đây đã có chừng một nghìn rưỡi nô lệ khác bị giam đã lâu và sẽ được đem bán tại Cadôngđê. Những “tù nhân mới” được tháo gông và chỉ bị đeo xích thôi. Pát ôm lấy cha mà khóc. Antôn và Ôttanh cũng như tất cả mọi người đều bắt tay nhau. Họ chỉ nhìn nhau và không dám nói năng gì. Vì phỉn họ có nói được thì lời thô

lộ không ngoài câu than vãn chua xót. Antôn, Ôttanh và Pát, cả ba đều có sức lực, quen làm việc nặng, có thể chống lại với mọi lao khổ ở dọc đường. Già Tôm đã lớn tuổi, lại thêm ăn uống kém nên yếu và gầy. Nếu hành trình kéo dài thêm dăm ngày nữa, già Tôm có thể bỏ xác bên đường, hoặc làm mồi cho ác thú như cái chết của u già Năng. Nhóm già Tôm khi đến nơi bị giam vào một lều riêng, ngoài khóa cẩn thận.

Đíchson được ở ngoài, nhưng vẫn bị một tên chó săn theo dõi. Yên trí là bà Uynxton, em Giắc và ông Bindác đã đến Cadôngđê từ mấy hôm trước rồi, nên việc đầu tiên củ Đíchson là nhìn khắp mọi nơi quanh trại cả đến những đường phố trong thị trấn cùng với những ngõ hẻm khi được đi qua, xem có thấy tung tích bà Uynxton ở đâu không. Tuyệt nhiên không thấy gì cả. Chắc bà Uynxton không có ở đây!

Đíchson chán nản quá. Nếu em không giúp ích cho những người thân yêu, thì thực là vô vị. Đíchson không muốn sống nữa. Những cay đắng và thử thách lớn lao vừa qua đã đào luyện em thành người cứng rắn, phút nản chí đó chỉ thoáng qua mà thôi.

Tiếng kèn rước và tiếng hò reo nổi lên ở đầu phố. Đích sơn đang ngồi bệt trên bãi cỏ đứng phắt dậy xem trong đám đông này có bà Uynxton hay không. “Angve! Angve!”. Dân trong tỉnh và lính kéo ùa đến và bảo nhau thế. Con người – chủ nhân của nhiều số phận đã đến. Rất có thể những hạ thủ của hắn – Nego và Ali – cũng có mặt. Đíchson đứng thẳng người, mắt mở to, vẻ cao ngạo. Hai tên kia sẽ được trông thấy chàng thủy thủ mười lăm tuổi đứng đàng hoàng, cương nghị, nhìn thẳng vào mặt chúng. Đờn nào thuyền trưởng của Hải âu lại run sợ trước tên đầu bếp cũ!

Một cái võng che bằng hai mảnh màn vá và bạc màu đã hiện ra ở đầu phố chính. Một tên da đen già ở trên võng bước xuống. Đó là Angve – tên trùm buôn người – cùng mấy người tùy tùng theo sau, xun xoe hầu hạ.

Ngay lúc đó người bạn của Angve là Koimbra cũng đến nơi. Tên này là một tên vô lại nhất vùng và là tay chân đắc lực của Angve. Díchsơn nhìn mãi không thấy Ali và Nego đâu. Díchsơn chán quá, định quay đi, chợt một tên cai chạy lại đẩy Díchsơn đến trước mặt Angve.

Trong khi đó, tên chỉ huy Ả Rập là Amít đưa bọn già Tôm đến trình diện Angve và Koimbra.

Nhân lúc ba tên mãi nói chuyện với nhau, Díchsơn đưa mắt cho già Tôm và lăm băm như nói một mình:

- Các bạn! Ecquyn cho Đingô đưa thư cho tôi. Ali và Nego đã đưa bà Uynxton. Giắc và ông Bindác đi đi rồi! Họ ở chỗ nào? Ở đây không thấy! Các bạn hãy nhẫn nại, can đảm đợi dịp.

Già Tôm hỏi:

- U Năng đâu?

- Chết rồi!

- Người thứ nhất!...

- Và cũng là người cuối cùng.

Chợt một bàn tay vỗ vào vai Díchsơn và một tiếng nghe quen quen nói ở sau lưng:

- Ê, nếu tôi không lầm, đây là anh bạn trẻ của tôi! Rất hân hạnh gặp lại anh!

Díchsơn quay lại. Đó là Ali.

Díchsơn tiến sát mặt Ali và hỏi:

- Bà Uynxton đâu?

Ali giả bộ thương hại đáp:

- Tội nghiệp bà ta! Gian truân thế, làm sao sống được đến bây giờ!

Đíchson ghen ngào đáp:

- Chết rồi à? Còn con bà?

Vẫn một giọng giả nhân giả nghĩa, Ali đáp:

- Thương cho đứa bé! Chịu sao nổi những cực khổ ở dọc đường!

Căm thù bốc trong người. Không sợ gì hết, Đíchson xông lại, giật con dao đeo ngang lưng Ali đâm luôn một phát trúng trái tim thẳng phản phúc.

Ali chỉ kịp kêu:

- Đồ khốn khiếp!

Rồi ngã gục xuống.

Chương 8

NGÀY HỌP CHỢ

Đíchson hành động chớp nhoáng nên không ai kịp giữ lại. Một người lính bản xứ thấy thế liền nhảy vào tóm lấy Đíchson định đánh chết. Chợt Nego chạy đến. Y gạt mấy người lính ra và bảo đem xác Ali về trụ sở. Angve, Koimbra giận quá đề nghị giết Đíchson ngay lập tức. Nego nói nhỏ với hai người hãy để từ từ rồi hạ thủ cũng không hại gì. Nói xong Nego ra lệnh giam Đíchson lại. Chú bị trói và đưa đến một căn lều kiên cố và kín mít mà Angve vẫn dùng để giam những nô lệ nổi loạn.

Đíchson ngồi trong lều tối nghĩ lại, không hối hận về việc mình đã làm.

Đíchson đã trả thù cho những người thân yêu đã khuất. Nay dù số phận ra sao, chú sẵn sàng hứng chịu. Sở dĩ Nego không cho mấy người lính hạ sát

Đích sơn ngay là vì Nego định dành cho Đích sơn một cái chết ghê gớm mà chỉ có những người bản xứ mới biết.

Hai hôm sau, tức là ngày hai tám tháng năm, là ngày họp chợ, ngày gặp gỡ của những người lái buôn trong hạt và dân ở các tỉnh lân cận. Từ sáng sớm, chợ Cadôngđê đã náo nhiệt. Khó mà tả hết sự nhộn nhịp của phiên chợ. Có tới trên năm mươi ngàn người lũ lượt chen nhau đi xem chợ, chơi chợ. Đối với dân bản xứ, phiên chợ là một ngày hội, nên họ mặc những quần áo mới, đẹp; nếu không ít ra họ cũng đeo vào cổ, tai những đồ trang sức kỳ lạ. Giữa trưa chợ đang náo nhiệt, Angve ra lệnh cho bọn tay sai đưa nô lệ ra chợ bán. Chợ đã đông lại càng đông thêm vì số nô lệ mới đưa ra có tới hai ngàn người. Số này được nghỉ ngơi và ăn uống đầy đủ trong mấy tháng nên đã có sức và dễ coi, đem bán sẽ được giá cao. Còn số mới đến phải nuôi ít ra là một tháng mới lại sức. Tuy nhiên vì nhiều khách hàng đòi hỏi nên Angve không kể tốt xấu, cứ thế đưa ra bán.

Nhóm già Tôm thật là khổ. Người ta trói họ lại và xua tra chợ như đàn nô lệ trước, bao nhiêu sự căm hờn và tủi nhục lộ ra trên gương mặt họ. Pát nhìn xung quanh một lượt rồi nói:

- Đích sơn không có ở đây.

Antôn đáp:

- Không, người ta không bán Đích sơn đâu.

Già Tôm nói:

- Đích sơn sẽ bị giết, mà có lẽ đã bị giết rồi! Còn chúng ta, cầu sao cho cùng một chủ mua về. Chúng ta sẽ được an ủi một phần vì đã không chia lìa nhau.

Pát ôm lấy cha, khóc và nói:

- Nghĩ tới cảnh con phải chia lìa cha và cha phải lao khổ một thân một mình, con không thể sống được.

Già Tôm nói:

- Không. Chắc người ta không chia rẽ chúng ta đâu và biết đâu sau này chúng ta có thể...

Ốttanh nói:

- Giá có Ecquyn ở đây nhỉ!

Nhưng Ecquyn đã biệt tích rồi còn đâu. Sau khi anh báo tin cho Đíchson, người ta không còn biết gì về anh cũng như Đínhô nữa. Như anh thế là may! Dù có chết đường chết chợ, anh vẫn còn sung sướng vì không phải mang xiềng xích nô lệ.

Giữa lúc đó, việc mua bán nô lệ đã bắt đầu. Nhóm già Tôm bị dẫn đến trước mặt hết khách buôn này đến khách buôn khác. Những người lái buôn Ả rập và trung bộ châu Phi cũng đến xem xét. Chúng nhận thấy số người da đen này không có những đặc điểm của giống người châu Phi da đen, vì họ đã thay đổi từ hai đời trên đất Mỹ rồi. Nhưng họ đều là những người da đen vạm vỡ và thông minh, khác hẳn những người da đen quê ở miền sông Dambe. Chúng nắn thịt, nắn xương, xoay đi xoay lại, chúng xem tóc, xem răng. Sau cùng, chúng nếm một cái gậy thật xa, bắt từng người chạy nhả để xem tướng đi thế nào. Tất cả nô lệ đều bị xem xét như thế.

Đừng tưởng những người tù thản nhiên trước việc xem xét vô nhân đạo kèm theo những cái đá, những ngọn roi ấy. Không. Tất cả mọi người, đàn bà cũng như đàn ông, sự tủi hổ hiện rõ trên nét mặt căm hờn của họ. Tuy bị nhục nhã trước hành động dã man của kẻ bán cũng như người mua, nhóm già

Tôm không hề tỏ vẻ phản kháng vì theo họ thà bị đầy đọa làm nô lệ ở các thuộc địa còn hơn. Vì ở đó, họ còn có hy vọng một ngày kia đòi được quyền tự do, chứ ở đất Phi châu này khó mà ngóc đầu lên được. Cũng may họ được bán vào một lô. Mấy người lái ở Ugihi thi nhau trả giá. Angve vỗ tay. Giá càng lên cao. Cuối cùng, người phú thương Ả Rập mua được, nhưng không phải để nuôi mà để đem đi chợ Dăngdiba bán lại lấy lời.

Nhóm già Tôm sẽ phải đi hơn một ngàn rưỡi dặm đường nữa, phải qua miền Trung bộ châu Phi, nơi núi rừng hiểm trở, khí hậu độc và luôn luôn có những cuộc giao tranh giữa bộ lạc này với bộ lạc khác. Họ đến hồ Tănggaca, rồi từ đó về chợ Dăngdiba. Liệu già Tôm có chịu nổi gian khổ như vậy không? Hay lại bỏ mình giữa đường như u già Năng? Bốn người được đi cùng với nhau, không bị chia xẻ, đó là niềm an ủi lớn làm cho họ thêm phần khởi và tưởng chừng những xiềng xích dưới chân họ nhẹ hẳn đi.

Người chủ mới cho người đưa họ ở tạm tại một căn lều riêng và chăm sóc họ hơn vì lô hàng hiếm có này hứa hẹn một số lãi lớn khi đến Dăngdiba.

Già Tôm, Pát, Antôn và Ốttanh cùng nhau rời khỏi chợ, không được mục kích tấn kịch sắp diễn ra, kết thúc ngày hội Cadôngđê

Chương 9

TIỆC RƯỢU MỪNG VUA

Bốn giờ chiều, người ta nghe thấy tiếng trống, tiếng kèn, tiếng thanh la inh ỏi từ đầu phố chính đưa lại. Đức vua Maniu Lunga của miền Cadôngđê ngự giá thăm chợ. Một đoàn tùy tùng khá dài gồm có Hoàng hậu, các cung phi, các quan văn võ, các thầy bùa, binh lính và tôi đòi theo sau. Angve và bọn đàn em chạy đến khúm núm đón chào. Ngà vua ngồi trog cang bước xuống giữa

chợ có hàng chục cánh tay đưa ra đỡ. Nhà vua mới năm mươi tuổi, nhưng trông già như tám mươi. Vua tự cho là người của thần, hưởng mọi lạc thú trên đời không ngần. Ngài thích nhất là rượu, các triều thần của ngài phần đông là những tay bợm rượu, nhưng so với ngài thì chẳng thấm vào đâu. Đó là một ông vua thích rượu đến cực độ. Trong người ngài lúc nào cũng đầy rượu, có thể nói là “bấm” ra rượu được. các thứ rượu ngon đều do Angve cung hiến cả. Hậu cung ngài gồm có trên năm mươi bà vợ, trẻ đẹp, đủ hạng tuổi. Hoàng hậu Mônga trạc bốn mươi tuổi trông có vẻ danh giá hơn cả, ăn mặc xa hoa hơn các cung phi khác.

Nhà vua vừa bước xuống cang, tiếng hò reo nổi lên ầm ĩ. Khi ngài an vị, các chỉ huy, các cai đoàn đến quỳ lạy. Angve tiến vào đám đông dâng vua một mâm thuốc lá thượng hạng. Koimbra, Amít và các nhà buôn lớn khác cũng tiến hành thi lễ. Nhà vua ngồi ngây mặt ra, chẳng để ý đến ai cả. Sau đó, Angve đưa Nego vào yết kiến. Nego tâu:

- Sự hiện diện của thánh hoàng đã ban cho chợ Cadôngđê một vinh dự lớn.

Kính chúc thánh hoàng vạn tuế.

Nhà vua đáp:

- Ta khát quá!

Angve nói;

- Đức vua sẽ có một phần lợi tức lớn sau buổi chợ.

- Cho ta uống!

- Anh bạn Nego của hạ thần rất sung sướng được đến chầu ngài sau một thời gian vắng mặt khá lâu

- Cho ta uống, mau!

- Bẩm, rượu ý dĩ hay rượu mật ong?

- Không. Không. Rượu mạnh của ông bạn Angve kia! Mỗi giọt rượu nặng sẽ trả bằng...

- Một giọt máu của người da trắng.

Nego nói chen vào và ra hiệu cho Angve. Ý hiểu ý ngay. Nghe câu đó, bản tính hyung ác vụt trỗi dậy, nhà vua hỏi:

- Một tên da trắng? Giết một tên da trắng hả?

Nego đáp:

- Bẩm vâng. Vì tên da trắng đó đã hạ sát một người thuộc hạ đặc lực của Angve.

Angve nói tiếp:

- Chính thế! Một người thuộc hạ của thần đã bị hạ sát. Hạ thần mong được trả thù.

- Thế thì đưa tên da trắng đó sang cho vua Mátsônggô!

Nego nói:

- Nhưng chính hung thủ đã giết bạn Ali của chúng tôi ở đây.

Angve nói tiếp:

- Hung thủ phải đền tội ở đây.

Nhà vua nói:

- Ở đâu cũng được, bạn Angve ạ. Rượu nặng trước đã.

- Rượu nặng! Bẩm có. Hôm nay hạ thần xin kính dâng bệ hạ một thứ rượu chính danh. Hạ thần sẽ “hỏa thang” rượu đó lên. Thế mới xứng đáng gọi là tiệc rượu của “kẻ ngu thần Angve” cung hiến “Hoàng đế Mani Lungga!”

Nhà vua khoái quá, lấy tay vỗ vào bàn tay Angve tỏ ý hài lòng. Các cung phi,

các thị thần đề hò reo thích thú. Họ chưa trông thấy rượu cháy thành ngọn lửa bao giờ. Họ tưởng uống cả lửa chắc thú vị lắm! Sáng kiến kỳ cục mà Angve đưa ra là thết vua một châu rượu dưới hình thức mới lạ. Angve nghĩ có lẽ rượu cháy và nóng sẽ kích thích một cách đậm mê vị giác đã chai cứng của nhà vua. Vì thế, chương trình buổi chiều gồm có một tiệc hỏa tửu và một vụ hành hình.

Dịchson bị trói giam trong ngục tối chỉ chờ đợi để ra chịu chết.

Người ta đặt giữa bãi rộng một cái vại bằng đồng lớn có thể đựng được hai trăm lít. Bốn, năm thùng rượu được đem đến. Rượu này là thứ rượu thường nhưng được cô lại nên rất cay nồng. Người ta đổ đầy rượu vào vạc và bỏ thêm nào quế, nào ớt, cùng nhiều gia vị khác cho rượu thêm ngon. Mọi người đứng vây chung quanh vua. Nhà vua lão đảo bước đến cạnh vạc; dường như mùi rượu có ma lực làm cho vua mê mẩn và muốn nhảy vào.

Angve cầm cánh tay giữ nhà vua lại và đưa cho vua một cái que dài đầu có mồi lửa. Angve hớn hờ hô:

- Xin đốt!

- Đốt!

Vua Mani Liungga vừa nói vừa đập mạnh que lửa vào rượu. Tức thì những ngọn lửa xanh bốc lên và bay chập chờn trên mặt vạc. Có lẽ Angve đã pha thêm vào đó vài nắm muối cho rượu cay thêm. Lúc đó, trong ánh lửa xanh chập chờn, những khách dự tiệc, mặt người nào người nấy xanh nhợt như ma quỷ hiện hình.

Angve cầm một cái môi lớn bằng sắt thọc vào vạc lửa, khuấy lên, làm vọt những tia rượu xanh lè bắn cả vào những con khi đang mê cuồng đó. Vua

Mani Lungga tiến lên, giăng lấy cái môi ở tay Angve nhúng vào vạc mức ra một môi đầy. Rượu tràn ra và rớt xuống những giọt lửa xanh. Nhà vua đưa môi vào miệng để uống. Bỗng ngài hét lên một tiếng. Lửa bắt thần bám cả vào người ngài. Thân thể ngài đã bắt lửa như một cái thùng dầu hỏa vậy. Lửa đỏ cháy lem nhem, có vẻ không nóng lắm nhưng thui da thịt rất nhanh.

Một quan thượn thư trông thấy vậy nhảy vào cứu vua. Lửa bắt luôn vào người ông ta và cháy như đuốc. Các triều thần thấy vậy ù chạy tán loạn. Các bà vợ vua xô nhau chạy theo. Angve, Nego cuống quýt không biết làm thế nào. Họ gọi Koimbra thì tên này đã chuồn từ lâu.

Vua và vị thượn thư quần quại một lúc rồi chết.

Chương 10

ĐÁM TANG VUA

Hôm sau, ngày 29 tháng năm, thành phố Cadôngđê mang một bộ mặt thật khác thường. Khán dân sợ hãi đóng cửa ở cả trong nhà. Họ chưa từng trông hoặc nghe thấy cái chết nào kinh khủng và kỳ lạ đến thế.

Nego nảy ra một ý nghĩ, hấn bàn với Angve rồi phao tin rằng sự băng hà của nhà vua là một sự biến hóa phi thường. Ngọn lửa phát ra từ thân thể của nhà vua cũng như vị thượn thư trung thành kia là một ngọn lửa thiêng liêng sẽ diệt mọi ốm đau, hoạn nạn cho dân. Một số người dân ngu dại tin tưởng và nức lòng. Người ta mai táng vị thượn thư và chuẩn bị tang lễ nhà vua thật trọng thể.

Ở đầu thành phố Cadôngđê có một dòng suối lớn và dốc chảy qua, đó là một phụ lưu của sông Cônggô. Người ta đắp một cái đập chắn ngang suối và khơi một lối tạm thời cho nước chảy quặt vào cánh đồng. Đập đắp xong, nước ở

phía ngoài đập rút về suối sâu. Nơi đây người ta đào một huyệt để an táng vua. Sau đó người ta sẽ phá đập để cho nước chảy như thường.

Theo tập tục xứ này, mỗi khi nhà vua băng hà, người ta phải chọn một số người làm vật hy sinh để tỏ lòng sùng kính cổ vương và cũng để cho tang lễ được uy nghi. Nego đã dành cho Đíchson một chân trong số hy sinh đó. Buổi trưa, Nego đến nhà giam, Đíchson bị trói đang nằm trong xó ngục và đã hơn hai tư tiếng đồng hồ chưa được ăn uống gì. Nghe tiếng mở cửa, Đíchson cố quay đầu ra, Nego bước vào nói:

- Người nào lượt ấy! Hôm nay ta là thuyền trưởng, là chủ nhân. Cái đời thủy thủ xuống dốc của mày bây giờ ở trong tay ta.

Đíchson không sợ hãi đáp:

- Ở tay mày thì mày cầm lấy. mày phải biết trời có mắt, ác giả ác báo không xa đâu.

- Nếu trời có mắt thì cứu mày đi! Còn thì giờ đây!

- Ta sẵn sàng hy sinh! Ta không sợ chết đâu!

- Dễ thường mày mong đợi ai đến cứu được chẳng? Mày điên rồi! Một cuộc giải cứu ở Cadôngđê này không đời nào có. Mày phải biết Angve và ta là chủ nhân ở đây!

- Trời xui khiến! Biết đâu đây! Ecquyn còn kia!

- Ecquyn à? Nó đã vào bụng sự tử đời tám hoánh nào rồi! Ta chỉ tiếc một điều là ác thú đã đi trước sự trả thù của ta.

- Nếu Ecquyn chết thì đã có Đinhgô. Đinhgô hãy còn sống! Ta biết rõ mày, mày hèn nhát lắm. Một ngày kia nó sẽ tìm mày và xé xác mày ra!

- Đồ khốn nạn! Mày nói gì? Ta đã bắn chết nó rồi. Nó đã chết cũng như bọn

con mụ Uynxton, cũng như tất cả những kẻ còn sống sót của thuyền Hải âu.

- Nếu thế thì chính mày cũng sẽ chết!

Câu nói này làm cho Nego xám mặt lại. Hắn xông vào, định bóp cổ cho Đíchson chết đi. Nhưng nghĩ thế nào, hắn lại rút tay lại rồi quay ra bảo người cai ngục phải canh lý tội nhân. Thâm ý của Nego là dành cho Đíchson một cái chết đau khổ, cái chết từ từ ở lòng suối Cadôngđê.

Câu chuyện vừa rồi đáng lẽ khiến cho Đíchson nản lòng, nhưng trái lại đã làm cho tinh thần Đíchson thêm phần chấn hơn. Đíchson ngủ một giấc đến hai tiếng đồng hồ. Khi dậy, thấy người khỏe khoắn hơn, Đíchson cố dứt được dây trói ở cánh tay. Dễ chịu làm sao khi cánh tay được co duỗi tự do! Lúc đó đã quá nửa đêm. Người cai ngục uống rượu say, ngủ mê, bàn tay còn nắm cổ chai. Đíchson định chiếm khí giới của y để vượt ngục. Chợt nghe có tiếng cào ở chân cửa, Đíchson khẽ bò ra. Tiếng cào vẫn tiếp tục và nghe rõ hơn. Hình như có ai cào đất ở bên ngoài? Người hay vật?

Đíchson nghĩ: “Nếu là Ecquyn thì hay quá!”

Đíchson quay lại nhìn người cai ngục. Hắn vẫn ngủ như chết. Đíchson ghé miệng vào khe cửa định gọi “Ecquyn”. Một tiếng rít nhỏ đáp lại. Đíchson tự nhủ: “Không phải Ecquyn! Đó là Đínhô!”.

Ngay lúc đó, một cái chân thò vào trong cửa. Đíchson nắm lấy biết là chân Đínhô nhưng không thấy thư từ gì. Có lẽ ở cổ nó chẳng? Đíchson dùng ngay đào thêm cho nó lọt đầu vào. Nhưng vừa móc được ít đất thì tự nhiên con chó sủa vang. Không phải tiếng Đínhô mà là tiếng các con chó khác của bọn Angve. Tức thì mấy phát súng nổ vang báo động. Đínhô trốn biệt. Người cai ngục mơ màng tỉnh dậy. Đíchson không dám tính đến việc vượt ngục nữa vì

bên ngoài lính canh đã thức cả. Địchson bò vào chỗ cũ, nằm đợi sáng, một buổi sáng không có ngày mai cho kẻ sa cơ.

Suốt ngày hôm sau, những người đào huyết làm việc hăng hái. Chiều đến, đám tang khởi hành từ phố chính để ra bờ suối. Đoàn đưa đám khá dài. Đầu tiên là những phu, những lính mang cờ quạt, khí giới, rồi đến các triều thần, một số dân và bọn lái buôn nô lệ Angve, Koimbra, Nego cùng bọn hạ thủ đều có mặt. Sau phường kèn trống là chiếc võng xanh trong đặt thi thể nhà vua liệm trong một tấm khăn bằng vóc đỏ, do nhiều người khiêng. Các cung phi đi hai bên và sau võng, tong đó có vài bà nét mặt buồn rầu vì họ đã bị chỉ định để theo luôn nhà vua xuống suối vàng. Hoàng hậu Mông, mặc đồ tang theo sau một cái kiệu thường gọi là linh xa. Cuối cùng là những thể nữ và quân hầu.

Đám ma đến bờ suối thì trời đã tối. hàng trăm bó đuốc nhựa thông được đốt lên, sáng đỏ một góc trời. Người ta trông rõ lòng suối cạn. Giữa là một huyết sâu, hai bên là những thân hình đen đen của những nô lệ dùng làm vật hy sinh và bị xích chân xuống đất. Mấy bà cung phi trẻ tuổi ủ rũ trong bộ xiêm y đại tang cũng được đưa theo xuống chầu vua.

Tại đầu huyết, về phía đập nước, người ta dựng một hình nộm nhà vua, áo mũ đàn hoàng, mắt đeo kính lóng lánh trông như người thật. Xa xa đối diện hình nộm là một cây cột sơn đỏ trồng sâu xuống đất. Trên cột đó, người ta đã trói Địchson vào. Địchson mình trần, lộ rõ những vết thâm tím do Nego hạ lệnh cho tay sai đánh đập trước khi đưa đi hành hình. Địchson về mặt ngang nhiên tựa thẳng vào cột đợi chết.

Giờ an táng đã đến. Người ta rước thi hài vua xuống suối, hạ huyết và đắp

mồ. Mồ đập xong, hoàng hậu Mồna đứng trên bờ, giơ tay ra hiệu. kèn trống nổi vang. Đập được mở ra. Nước đổ xuống ào ào. Tiếng nước chảy chen lẫn tiếng gào khóc của nạn nhân cùng tiếng reo hò ở trên bờ tạo thành một âm thanh hỗn loạn làm náo động một góc trời, lập lòe ánh đuốc. Ác thay! Người ta không phá đập để nước chảy ủa một lúc cho nạn nhân đỡ chết khô. Người ta chỉ xẻ đập cho nước chảy dần dần. Thoạt tiên, nước béc chung quanh mồ, đến chân các nạn nhân, rồi đến ngực, đến đầu. Rồi những điểm đen biến mất dưới làn nước long lanh ánh lửa.

Còn lại Díchsơn, nước lên tới đầu gối. Díchsơn cố cự mạnh để đứt dây trôi nhưng không nổi. Rồi nước cứ lên, lên nữa, trùm qua đầu kẻ nạn nhân cuối cùng.

Mọi người kéo nhau ra về. Dòng suối lại cuộn cuộn chảy như cũ. Không còn dấu vết gì tỏ ra nơi đây vừa mai táng một ông vua, nơi đây vừa chôn sống bao nhiêu mạng người vô tội để làm vật cúng cho một xác chết.

Chương 11

TRẠI GIAM BIỆT TRANG

Ali và Nego đã nói láo, bà Uynxton hãy còn sống. Bà cùng con và Bindác đang bị giam lỏng tại một căn lều trong biệt thự của trùm Angve.

Sau khi bị bắt ở tổ mối, bà và Giắc bị đưa về trạm Quangđà đến Cadôngđê.

Bindác đi sau cáng và có mười hai người lính kèm theo. Suốt trong cuộc hành trình, Ali và Nego không nói với bà một câu nào. Khi tới nơi, họ đưa bà vào biệt trại của Angve, bà và Giắc ở một căn lều, còn Bindác một căn lều khác trong khu vườn rộng mênh mông.

Sau đó, bà không hề thấy Ali và Nego nữa. Bà cũng không thể ra ngoài được

vì chugn quanh trại có hàng rào vây kín. Sức khỏe của Giắc đã khá nhiều.

Khi nhà thông thái Bindác biết rằng nơi đây không phải châu Mỹ như ông đã tưởng, ông không hề thắc mắc tại sao nơi đây là châu Phi. Ông chỉ bức tức một điều là ông đã có công khám phá và lượm được nhiều mẫu côn trùng lạ, tưởng gốc ở Mỹ Châu mới hiếm, ai ngờ những vật đó lại ở châu Phi.

Những cơn bức tức quay đi, ông tự nhủ: nơi đây có nhiều côn trùng, biết đâu ta lại không khám phá ra những giống quý chưa ai biết.

Ông cứ lặp đi lặp lại câu nói đó một mình và nói cho cả bà Uynxton nghe nữa, nhưng nào bà có để vào tai.

Nhà côn trùng học vẫn đang hoang với cái hộp sắt đeo bên sườn nhưng cặp kính cận không còn ở trên mũi và cái kính lúp không còn lòng thông ở dưới cổ nhà thông thái nữa. Kính cận, kính lúp của Bindác đã bị lột để đeo cho hình nộm của vua Mông Lungga rồi.

Mặc dù mất hai thứ đồ nghề cần thiết đó, Bindác rất kiên nhẫn mỗi khi phải quan sát một con sâu, hoặc một con kiến và vẫn mãi mê theo dõi côn trùng.

Bindac được tự do đi lại trong trại để tìm côn trùng vì người ta biết ông không thể vượt qua được những hàng rào kiên cố. Chu vi trại dài đến ba ki lô mét cũng đủ để nhà bác học làm những cuộc nghiên cứu khoa học. Giắc thường theo Bindác đi chơi nhưng vườn trại rộng quá em đi không hết. Lúc này, trong trại không còn đông đảo như trước vì những bầy nô lệ đã bị đem bán ở chợ Cadôngđê hết rồi. Trong các nhà kho bây giờ chỉ toàn vải và ngà voi. Vải dùng đem đi các tỉnh trung bộ để đổi lấy nô lệ. Còn ngà voi đã có thị trường lớn ở châu Phi tiêu thụ.

Angve ở ngôi nhà chính trong trại, ít khi thấy mặt. Từ khi bà Uynxton bị giữ

ở đây, không thấy hấn trở lại lần nào. Sự im lặng đó khiến bà lo sợ không biết bọn chúng định mưu toan gì. Trong sự ưu phiền đó, bà lại nghĩ và thương chồng, hiện giờ ông đau khổ lắm vì không thấy mẹ con bà. Có lẽ ông đoán rằng mẹ con bà bị nạn đắm tàu và có tìm kiếm chẳng nữa thì cũng chỉ dò hỏi ở các đảo Thái bình dương hay miền bờ biển Mỹ châu, chứ làm sao tưởng tượng được con thuyền Hải âu trội dạt đến bờ bắc châu Phi mà tìm? Mặc dầu đang ở trong sào huyết quân gian và cách bờ biển hai trăm dặm, bà cũng đã nghĩ đến cách trốn đi. Nhưng trước hết, bà muốn biết âm mưu của Nego ra sao?

Ngày 6 tháng sáu, nghĩa là ba ngày sau lễ an táng vua Mông Lungga, Nego vào trại và đến lều bà Uynxton. Lúc đó có một mình bà. Ông anh họ Binda đi kiếm côn trùng, Giắc thì được chị Halima, người da đen, đưa đi chơi trong vườn. Nego đẩy cửa lều vào, nói luôn.

- Tôi cho bà biết: bọn già Tôm tôi bán cho người ta đem đi chợ Ugili rồi.

Bà Uynxton lau nước mắt đáp:

- Cầu trời phù hộ cho họ.

Nego nói tiếp:

- U già Năng đã chết ở dọc đường và Đíchson cũng đã chết rồi.

Bà Uynxton hoảng hốt kêu lên:

- U Năng chết? Và cả Đíchson?

Nego đáp:

- Phải, tên thuyền trưởng mười lăm tuổi của bà đã đền tội vì đã đâm chết Ali bạn tôi... bây giờ chỉ còn mình bà ở Cadongde, dưới quyền tên đầu bếp của của thuyền Hải âu bà ạ.

Bà Uynxton nhìn thẳng Nego nói:

- Thì sao?

- Thưa bà, tôi có thể trả thù bà về những sự bạc đãi mà tôi phải chịu khi tôi còn ở thuyền Hải âu. Nhưng cái chết của Díchsơn đủ trả rồi. Bây giờ tôi trở về nghề cũ là làm lái buôn. Và đây là quyết định của tôi về số phận của bà! –

Nego đáp.

Bà uynxton bình tĩnh nhìn Nego và không nói gì. Nego nói tiếp:

- Bà và con bà, và cả tên ngu ngốc chuyên chạy sau những con ruồi đều có giá trị thương mại rất tốt cần phải khai thác. Vì thế, tôi muốn bán bà...

Bà Uynxton đáp giọng cương quyết.

- Tôi là người tự do!

- Nhưng dưới mắt tôi, bà là một người nô lệ!

- Ai lại mua một người đàn bà da trắng bao giờ?

- Có chứ! Có một người mua và tôi đòi bao nhiêu cũng được.

Bà Uynxton cúi mặt xuống không nói gì vì bà biết ở xứ ghê tởm này, bất cứ cái gì người ta cũng có thể làm được. Nego giục:

- Bà đã nghe rõ chưa?

Bà đáp:

- Ông định bán cho người nào?

- “Bán” hay “bán lại” cho người ấy?

- “Người ấy” là ai?

- Người ấy là chủ hãng Hải thuyền... Uynxton chồng bà!

Câu bất ngờ đó làm bà xúc động, thốt lên:

- Chồng tôi!

Phải! Chính chồng bà là người mà tôi định đem bán bà, con bà và cả Bindác nữa, không phải để giao trả mà để lấy một món tiền.

Mới nghe, bà ngỡ như Nego định giăng bẫy đánh lừa bà. Nhưng thấy hắn nói nghiêm chỉnh, bà nghĩ: “Với thằng khốn nạn này, tiền là trên hết” nên bà tin ngay.

- Thế bao giờ ông định làm việc đó?

- Càng sớm càng hay.

- Ở đâu?

- Ngay ở đây! Chắc ông Uynxton sẽ không ngại đến tận Cadôngđê để kiếm vợ con.

- Không. Chồng tôi sẽ không ngần ngại đâu. Nhưng ai là người báo tin cho chồng tôi biết?

- Chính tôi. Tôi sẽ đi tìm chồng bà. Tôi cần bán gấp và bán rất đắt. Một trăm ngàn đô la! Chắc ông Uynxton không tiếc tiền?

- Chồng tôi không tiếc đâu vì coi như của đem cho. Chắc ông sẽ báo tin cho chồng tôi biết là tôi bị bắt cóc ở Cadôngđê, giữa miền Trung Phi?

- Đúng thế!

- Nghe ông nói, biết đúng hay sai? Chồng tôi chẳng dại gì mà đem thân đến đây.

- Chồng bà sẽ đến nếu tôi đem theo một bức thư do chính bà viết, nêu lại tình hình của bà và nói rằng tôi là một người giúp việc trung thành, giúp mẹ con bà thoát khỏi tay bọn mọi dã man.

Bà Uynxton nói ngay:

- Không bao giờ tôi đặt bút viết thư đó.

Nego hỏi:

- Bà không chịu à?

- Phải, tôi không chịu.

Nghĩ đến nỗi gian truân, nguy hiểm mà chồng bà sẽ chịu trên đường đi

Cadongđê và nhất là sự lật lọng của Nego – hẳn có lẽ bắt giữ chồng bà sau

khi lấy tiền chuộc, nên phản ứng đầu tiên của bà là từ chối – bà chỉ nghĩ đến

sự hy sinh của chính bản thân bà mà quên hẳn số phận của đứa con thân

yêu.

Nego lại hỏi:

- Bà sẽ viết chứ?

Bà lại từ chối:

- Không!

Nego nói to:

- A! Coi chừng! Không phải một mình bà ở đây. Con bà cũng như bà đều ở

trong tay tôi, tôi có thể...

Bà muốn trả lời rằng bà không thể viết được, nhưng tim bà dòn dập như

muôn vỡ ra... Nego nói tiếp:

- Bà nên suy nghĩ kỹ đi. Đừng từ chối ý tốt của tôi. Trong tám ngày nữa, bà sẽ

trao cho tôi lá thư gửi cho ông Uynxton, nếu không bà sẽ hối hận.

Nói xong, Nego bước ra, không tỏ vẻ tức giận gì.

Chương 12

TIN TỨC VỀ BÁC SĨ LIVINHXTON

Bà Uynxton ngồi một mình, nghĩ ngợi, lo âu.

“Tám ngày nữa, Nego sẽ đến lấy bức thư. Viết hay không nên viết? Còn tám

ngày nữa, mình còn thì giờ để suy nghĩ và quyết định xem có thực Nego định

bắt Giắc không?...”

Ngay lúc đó Giắc chạy vào trong lều. Bà hốt hoảng ôm chặt lấy Giắc tưởng chừng như Nego đang rình cướp con bà.

Giắc hỏi mẹ:

- Mẹ buồn lắm à?

Bà xoa đầu con đáp:

- Không con ạ. Mẹ đang nghĩ đến cha con. Con có thích được gặp cha con không?

- Ồ, mẹ ơi, có chứ! Cha con sắp đến đây à?

- Không... không. Cha con chả nên đến đây.

- Thế mẹ và con tìm cha vậy.

- Ừ!

- Cả Díchsơn, Ecquyn và cả già Tôm cũng đi nữa chứ mẹ?

Bà Uynxton cúi đầu xuống để giấu những giọt nước mắt muốn trào ra. Bà nói nhỏ:

- Phải đấy, con ạ.

- Thế cha có viết thư cho mẹ không?

- Không, con ạ.

- Thế bây giờ mẹ viết cho cha đi!

- Có... có lẽ...

Vô tình Giắc nói trúng vào tâm trạng bà nên bà trả lời lúng túng và ôm lấy cậu bé hôn để nói đúng hỏi nữa.

Ngoài những lý do nói tên khiến bà cự tuyệt đề nghị của Nego, còn một lý do

nữ không kém phần quan trọng. Biết đâu một vận may bất ngờ sẽ đến giải phóng cho mẹ con bà mà không cần tới sự can thiệp của chồng và bất chấp tất cả những sự đe dọa của Nego. Đó chỉ là một tia hy vọng tuy còn mơ hồ, nhưng dù sao cũng là một tia hy vọng. Thực vậy, trước đó mấy hôm, thỉnh thoảng bà nghe được câu chuyện người ta nói với nhau:

- Bác sĩ Livingxton sắp đến Cadôngđê.

Bác sĩ với một đoàn tùy tùng khá đông, hoàn thành cuộc thám hiểm miền Trung bộ châu Phi. Theo hành trình thì Cadôngđê là địa điểm cuối cùng trong cuộc thám hiểm đó. Nếu đoàn Livingxton đến khảo sát vùng này thì việc bắt cóc bà Uynxton không thể che giấu được và thế nào bà cũng được giải thoát. Bà hy vọng. bà mong mỗi từng ngày, từng giờ. Bỗng ngày 13 tháng sáu, trước hạn Nego đến lấy thư của bà một ngày thì một tin buồn la đến. Tin này làm cho bà thất vọng bao nhiêu thì lại làm cho bọn Angve vui sướng bấy nhiêu. Ngày mùng một tháng năm năm 1873, vào lúc rạng đông, bác sĩ Linvinxton đã từ trần.

Chín tháng sau, thi hài nhà thám hiểm bác học mới được các đồ đệ đưa về thị trấn Dăngdiba với bao vất vả khó khăn. Rồi đến ngày 12 tháng tư năm 1874, thi hài bác sĩ được an táng tại Westminster giữa đám mộ phần của các vị danh nhân Anh quốc, ngang hàng với các bậc đế vương.

Chương 13

RƯỢT THEO MỘT CON SÂU

Mười bốn tháng sáu là ngày hẹn cuối cùng, Nego đến lều bà Uynxton, hỏi:

- bà đã quyết định rồi chứ?

- Quyết định hay không là do ông. Ông muốn được việc mà ông đặt những điều kiện không thực hiện được.

- Nghĩa là?...

- Nghĩa là bất cứ giá nào tôi cũng không chịu để cho chồng tôi đến một nơi mà người ta có thể làm “không từ một điều gì” đối với người da trắng.

- Bà không muốn chồng bà nộp số tiền đó à?

- Không phải thế. Tôi muốn chồng tôi không phải đến tận nơi này để trao số tiền đó cho ông.

Nego suy nghĩ một lúc rồi đành chịu theo ý bà. Hắn đề nghị như sau:

Địa điểm gặp gỡ sẽ không phải là Codôngđê mà là bến Motsa, một bến nhỏ thuộc bờ biển cực nam xứ Angola. Nơi đây hẻo lánh, xa con mắt các nhà cầm quyền, thường là nơi giao dịch của bọn buôn người mà Nego là một tay rất quen thuộc ở đó. nego sẽ đưa ông Uynxton đến bến Motsa. Đúng kỳ hẹn, mấy tên thủ hạ sẽ dẫn bà Uynxton, Giắc và Bandác đến đó trao cho ông Uynxton để lãnh số tiền đã ấn định. Trong khi đó Nego vẫn đóng vai một người lương thiện. Khi tàu cập bến, hắn sẽ cáo biệt ngay và không can dự gì vào chuyện tiền bạc cả.

Bà Uynxton ưng thuận đề nghị đó, viết thư cho chồng rồi trao thư cho Nego.

Y cầm thư, chào bà Uynxton rồi đi ra.

Sáng sớm hôm sau, Nego cùng đi với hai mươi người da đen. Hắn đi ngược lên phía Bắc, đến cửa sông Congo rồi xuống tàu đi chứ không đi về phía nam để tránh những đồn kiểm soát và cũng để tránh những nhà giam mà trước đây hắn đã từng là khách trọ.

Sau khi Nego đi rồi, bà Uynxton chuẩn bị để đợi ngày hồi hương. Thời gian

chờ đợi ít nhất cũng phải vài ba tháng nếu mọi việc được trôi chảy. Bây giờ bà không phải thấp thỏm lo âu như trước, nhưng những ngày sống ở trong trại thực là buồn tẻ. Ngồi trong lều chán, bà lại dắt con đi quanh vườn. cây cối mùa này nảy nở xanh tươi, nhưng nào bà có để ý, óc bà lúc nào cũng hướng về chồng, về mái nhà thân yêu. Còn ông Bindác lúc nào cũng tươi tắn vui vẻ. miễn là có đủ sâu bọ để ông nghiên cứu. Ở trong trại, mặc dù không có kính đeo mắt, không kính lúp, ông đã khám phá ra một loài ong nhỏ xây tổ trong những lỗ mọt ở các thân cây. Rồi lại có những con sâu “sét” chuyên tìm những ổ đắp sẵn của những con sâu khác để đẻ, giống như những con tu hú chuyên đẻ vào các tổ giống chim khác để các giống chim này ấp giùm và nuôi giùm luôn.

Sau cùng là ngày 17 tháng sáu, một dịp may hiếm có đã đến với Bindác nhưng ông nắm hụt, thành ra có những kết quả rất bất ngờ. Lúc đó vào khoảng 11 giờ sáng, trời nóng kinh khủng, mọi người buộc phải ở trong nhà. Bin đác cũng nằm nhà, rất tiếc là không được ra ngoài săn sâu bọ. Ông nằm mãi rồi thuy thiu ngủ lúc nào không biết. Chợt có tiếng vù vù bên tai. Ông ngồi nhồm dậy và kêu:

- Đúng là một con “tiết chi”.

Ông ngồi im như tượng gỗ, lắng tai nghe, một con sâu ở xa bay đến lượn quanh Bindac nhiều vòng rồi bỗng dừng đậu vào đỉnh đầu ông. Trong đời, Bindác chưa từng có những giây phút hồi hộp như thế bao giờ. Một giống “tiết chi” mới lạ của châu Phi đang ở trên đầu ông! Nhưng ông không sao quan sát nó được, ước gì nó đứng cạnh mắt ông độ một đốt tay để ông ngắm thì thú biết chừng nào. Điều ước muốn đó được thực hiện ngay. Con sâu bò

trên đầu đèn hai mươi vòng rồi tụt xuống trán, đèn giữa hai hàng lông mi, trên đỉnh mũi của ông và ngập ngừng không tiến nữa. Lúc đó trái tim ông đập dồn dập. Không biết con sâu quý này sẽ tiếp tục bò xuống cho ông nhìn thấy hay lại bò trở lên. May sao nó lại bò xuống! Ông cảm thấy những bàn chân lông lá của nó từ từ di chuyển xuống đầu mũi ông, trên đường sống mũi hơi gồ của cửa nhà thông thái, nơi trời sinh ra cốt để đeo kính. Sau cùng, nó tiến thẳng ra đầu mũi ông. Con sâu đã khéo chọn một điểm đặc địa nhất cho nó hay nói đúng là cho nhà côn trùng học. Bindác sung sướng quá kêu thâm:

- A! Con “sâu mặng”!...

Không may lúc đó, do nín thở mãi nên ông muốn hắt hơi. Con sâu thấy chỗ đâu “lung lay” liền đập chân mở cánh và bay vù. Bindác vừa phát ra một tiếng hắt hơi lớn vừa đưa tay lên mũi vỗ. Nhưng ông không tóm được con sâu mà chỉ tóm được đúng mũi mình. Bindác kêu lên:

- Con quái này hóm thật!

Tuy nhiên, ông vẫn bình tĩnh, vì ông biết giống sâu này nếu không ai đuổi bắt nó thì nói bò hoặc bay la cà từng quãng ngắn một. Ông liền quỳ xuống đất và cúi đầu tìm. Quả nhiên, ông nhìn thấy một điểm đen cách mắt ông chừng hai gang tay đang di chuyển trong một vệt nắng từ khe cửa rọi vào. “Cứ để thế này àm quan sát thì hay hơn, miễn là đừng để nó biến mất. Ta có dư thì giờ, lúc nào ta bắt nó mà chẳng được”.

Bindác tự nhủ một mình và cứ bò theo con sâu. Một lát sau, ông đã bò ra khỏi lều, dưới ánh nắng chang chang, nửa giờ sau ông đã tới chân hàng rào bao quanh trại. Con dâu bò đến một lỗ hổng liền chui tọt qua. Đó là một hang

thông ra ngoài hàng rào. Bindác thất vọng, nhưng thấy cái hang khá rộng liền lách mình chu theo, không biết rằng mình đang bò dưới hàng rào để ra ngoài.

Rủi cho nhà thông thái, hàng rào đó lại tiếp giáp với một khu rừng rậm phía bắc địa thị trấn Cadôngđê, trên một diện tích rộng mấy dặm vuông. Con sâu bắt đầu bò nhanh và nhảy từng quãng ngắn. Bindác cũng bò theo và nhảy theo, nhưng cứ vồ hụt hoài. Đá, đất lởm chởm, hai đầu gối và hai bàn tay ông đều sây sát va rướm máu. Con sâu cứ như “trêu” nhà thông thái. Nó nhảy thẳng, nó nhảy ngang rồi nó lại nhảy ngược trở lại. Bindác hoa cả mắt vô lung tung, chẳng ăn thua gì. Cuối cùng đến gần một đám cây xanh, nó vỗ cánh bay qua tai Bindác, phát ra những tiếng vo vo như để chào tạm biệt nhà thông thái rồi đáp vào đám cây gần đó.

- À à, mày định trốn hả? Có đi đằng trời! Tao đuổi đến cùng! Mày không thoát khỏi tay tao đâu.

Bindác tưởng thế lại quên hẳn rằng mắt ông cận thị không có kính thì làm sao nhìn được một con sâu nhỏ xíu nhảy trong đám lá xanh rậm rạp! Tức quá, ông mất bình tĩnh và phát điên lên. Ông không biết rằng đứng ở chỗ này ông đã vượt khỏi trại Angve, ông đã thoát khỏi vòng nô lệ. tất cả tâm trí ông chỉ để vào con sâu, một con sâu sẽ làm vinh dự cho cái hộp sắt của ông. Thế rồi ông rượt theo con sâu, lúc vồ, lúc đập, hai cánh tay giơ lên hạ xuống như mây, trông xa chẳng khác gì người đang vội vã bỏ củi hoặc cuốc nương. Trong khi ông hăng say rượt sâu đến đám cây um tùm, chợt có một bóng đen to lớn nhảy xổ ra vồ lấy ông và mang vào rừng sâu mất tích...

MỘT THẦY PHÁP CAO TAY

Hôm đó là 17 tháng sáu. Khi bà Uynxton không thấy Bindác về ăn cơm chiều như thường lệ, bà hoảng hốt chờ đợi. Rồi bà đi quanh vườn nhưng chẳng thấy tăm hơi. Bà đoán có lẽ Angve đã bắt Bindác rồi. Nhưng bà thấy Angve rất tức giận khi được tin Bindác mất tích nên bà biết ngay là bà đã nghĩ sai. Thế thì ông đã tự thoát thân. Nhưng sao ông lại không nói riêng cho bà biết. Angve lập tức sai gia nhân tìm Bindác, chúng khám phá ra chỗ thông với khu rừng. Angve biết anh chàng bắt sâu bọ đã vượt quá lối đó. Y buồn quá, vì mất Bindác thì số tiền chuộc sẽ giảm đi. Ngay hôm đó, Angve ra lệnh cho gia nhân canh phòng cẩn mật cả trong lẫn ngoài trại. Thế là bà Uynxton cùng con không còn tự do dạo vườn như trước.

Sau đó, một tai biến bất thường xảy ra trong hạt. Từ ngày 19, những trận mưa như thác bắt đầu trút xuống và làm ngập lụt cả miền Cadôngđê. Trong trại, bà Uynxton chỉ thấy khó chịu chứ ở bên ngoài dân rất cực khổ. Những cánh đồng lúa chín, những mảnh rau xanh tốt đều bị nước mưa bao phủ hoặc cuốn hết. Nhân dân mất mùa, sự đói kém bày ra trước mắt. Nữ hoàng Môna và các triều thần ngơ ngác không biết làm cách gì để chống thủy tai. Người ta liệu cầu cứu thầy bùa. Không phải là các thầy bùa tầm thường chuyên lên đồng chữa bệnh hay chuyên nghề bói toán kiếm ăn, mà là những thầy phù thủy cao tay có phép hôn phong hoán vũ.

Vì thế, các danh sư xa gần đều được mời đến. Có thầy đọc kinh đọc kệ, trồng phách inh ỏi; có thầy luyện bùa và các thứ võ cây “bí truyền” cho vào một cái sừng trâu có ba lỗ nhỏ ở đầu, rồi dùng má trộn mắt thổi vọt ra những viên đạn nhão để bắn tà ma; có thầy lại niệm thần chú khắc nhỏ vào mặt các

quan to nhất trong triều, cho rằng sự hiện diện của các vị này đã là “xui” cho xứ sở. Nhưng tất cả công sức, tất cả phù phép đó đều vô hiệu. Mưa vẫn hoàn mưa.

May sao có người mách nữ hoàng: ở miền núi phía Bắc Angola có một pháp sư danh tiếng có phép thần thông biến hóa và đã từng dùng âm binh đầy lui các giống hùm, bao, sư tử tác hại. Nữ hoàng cả mừng, liền sai người thỉnh cầu pháp sư.

Sáng ngày 25 tháng sáu, dân chúng xô xao được tin pháp sư đã đến Cadôngđê. Pháp sư tiến thẳng vào kinh thành, dân chúng lũ lượt đổ ra xem. Lúc đó, trời bỗng ngớt mưa, gió như sắp đổi chiều. Sự thay đổi bất thần đó phù hợp với việc giáng lâm của pháp sư như báo một điềm lành làm cho muôn người xúc động.

Mỗi khi thầy phù thủy về các làng trừ tà chữa bệnh thì thường đi từng bọn từ ba đến năm người, nhưng lần này pháp sư có một mình. Pháp sư người da đen, thân hình cao lớn vạm vỡ, mình trần, trên ngực vạch những vạch trắng bằng đất cao lanh, ngang lưng mặt một tấm xiêm kết bằng cỏ, cổ đeo một chuỗi sọ chim khô. Đầu ông đội một thứ mũ dẹt nạm hạt trai, chung quanh cắm những chiếc lông dài màu xanh biếc đốm trắng. Lưng ông thắt một dải băng đồng sáng loáng, chung quanh đeo hàng trăm cái chuông nhỏ kêu leng keng, vang hơn tiếng nhạc của những con lừa Tây Ban Nha. Đó là kiểu ăn mặc trang trọng nhất của các thầy pháp Trung Phi.

Pháp sư chỉ ra hiệu và không nói năng gì. Người ta khám phá ra là pháp sư câm. Nhưng quý tướng đó càng làm tăng phần trọng vọng của đám người mê tín. Trước hết, pháp sư đi vòng quanh khu đất rộng, khoa tay giậm chân

hình như ra hiệu với trời. Dân chúng nổi đuôi theo sau, bắt chước hệt cử chỉ của pháp sư khiến người ta có cảm tưởng là một đoàn khi con đang theo sau một con khi lớn diễn trò. Thành linh, pháp sư rẽ vào phố chính, đến thẳng sinh nữ hoàng.

Được báo trước, nữ hoàng Mônga cùng các quan tùy tùng đã ra trước dinh đón tiếp. Pháp sư uốn lưng cúi rạp xuống tận đất và ngẩng đầu lên một cách nghiêm trang cung kính. Thi lễ xong, pháp sư giơ tay trở những đám mây đen kéo ngang trời, đưa tay từ đông sang tây, xong từ tây sang đông và quay tít mấy vòng. Đoạn ôn gúp hai bàn tay như ấn xuống đất và ra chiều thất vọng. Lớp kịch câm đó ngụ ý rằng những đám mây đen kia sẽ từ đông sang tây ùn ùn kéo đến vô tận, khó trấn áp nổi. Nữ hoàng thấy thế mắt cả hồn vía, bất giác giơ tay lặp đi lặp lại những cử chỉ của pháp sư. Đình thần thấy vậy cũng bắt chước khoảng tay lên trời múa may bắt quyết. Dân chúng hồi hộp chờ đợi phép mầu. Bỗng mưa lại đổ xuống dữ dội hơn trước. Dân chúng la ó ầm ĩ, cho rằng thầy bùa này cũng chẳng hay ho gì hơn các thầy bùa trước. Họ chạy ra vây chặt lấy thầy phù thủy câm, miệng rửa, tay giơ nắm đám tua tủa. Pháp sư bình tĩnh nhìn quanh bãi rộng một lượt. Thốt nhiên, pháp sư giơ tay từ từ trở về một góc làm cho mọi người im bật. Họ quay cả nhìn về phía đó: có hai mẹ con người da trắng đứng xem. Đó là bà Uynxton và Giắc, nghe có pháp sư làm lễ liền theo người gác trại đến xem. Pháp sư trở vào chỗ người da trắng rồi trở lên trời. Thôi đúng rồi! Chính vì họ mà sinh ra nạn mưa lụt này!

Nữ hoàng tức giận trợn mắt giơ tay dọa dân bản xứ vừa nguyên rửa, vừa xông vào chỗ bà Uynxton. Bà hết hồn, ôm chặt lấy con, luông cuống không

biết chạy đi đâu. Pháp sư cũng sẵn lại chỗ đó. Mọi người giạt ra hai bên đường, nhường lối cho pháp sư có cách trừng trị. Angve cũng có mặt ở đó, hẳn xám mặt lo sợ cho số phận nhưng “con tin” rất quý giá đối với hắn, nhưng không biết là thế nào. Pháp sư hùng hổ giật lấy đứa bé trong cánh tay người mẹ ra rồi cầm giơ cao lên trời như sắp quật xuống đất để làm hả lòng hả dạ những hung thần ác quỷ. Bà Uynxton rú lên một tiếng và lăn ra đất, bất tỉnh nhân sự. Trong khi đó, pháp sư quay lại ra hiệu cho nữ hoàng yên trí để mình ra tay giải độc, rồi một tay siết chặt đứa bé, một tay xốc người mẹ lên vai, chạy quanh bãi rộng khác nào như con cọp đang công hai con nai tha đi. Pháp sư chạy đều đều, lúc ngửa mặt lên trời, lúc đá chân về phía trước, có vẻ giận dữ muốn quật hai nạn nhân xuống đất. Công chúng râm rập chạy theo sau, tiến ghè hét chấn động cả kinh thành.

Pháp sư chạy mỗi lúc một nhanh. Công chúng theo sau đã thấy mệt, chợt pháp sư ra thẳng đường cái, vào một cánh rừng rậm, đường dài hơn ba dặm mà không tỏ ra mỏi mệt. Dân chúng chạy sau cứ ít dần đi và không theo kịp. Cuối cùng, ngoảnh lại chẳng còn ai cả. Pháp sư vác hai nạn nhân đến bờ một con sông, dòng nước chảy cuộn cuộn về phía bắc. Ở đây, sau một bụi cây um tùm, một chiếc thuyền gỗ phủ đầy cỏ tranh đã neo tại đó. Pháp sư vác vật nặng bước xuống thuyền, lấy chân đẩy thuyền theo dòng nước trôi đi vùn vụt.

Sau đó, pháp sư cất lên tiếng:

- Thừa thuyền trưởng, xin trình thuyền trưởng, tôi đã đưa bà Uynxton và em Giắc về đây! Chúng ta khởi hành! Bây giờ tha hồ cho mưa dội xuống đầu bọn khờ dại thành Cadôngđê.

TRÔI THEO DÒNG NƯỚC

Vị pháp sư cầm đó chính là Ecquyn và người mà anh gọi là thuyền trưởng chính là Đíchson.

Bà Uynxton hồi tỉnh. Bà mở mắt kinh ngạc, không biết thực hay mơ?

- Ô kìa, Đíchson, con?!

- Dạ, chính con đây!

Đíchson vừa nói vừa chạy lại. Bà ôm lấy chú, mừng mừng tủi tủi, nước mắt trào ra.

Em Giắc cũng reo lên:

- A! Anh Đích! Anh Đích!

Rồi em quay nhìn người đội mũ pháp sư lông ngựa vằn và nói:

- Ai! Em không biết!

Ecquyn liền bỏ mũ lông chim ra, xoa hết phấn trắng ở ngực và cười.

Bà Uynxton kêu lên:

- Ủa, Ecquyn!

Rồi bà nắm tay Ecquyn và nói:

- Anh làm tôi hết hồn!... Bây giờ đã thoát trại giam rồi!... cảm ơn anh!

Em Giắc ôm chầm lấy Ecquyn kêu lên:

- Ecquyn! Ecquyn!

Đíchson nói với Giắc;

- Chính Ecquyn đã cứu mẹ và em, cũng như đã cải tử hoàn sinh cho Đíchson đấy!

Bỉndắc đang hỏi chuyện bà Uynxton cũng quay ra nói:

- Cứu cả tôi nữa chứ!

Ecquyn đáp lời Bindác:

- Không phải! Chính ông đã cứu bà Uynxton và em Giắc!

Bindác nói:

- Sao lạ vậy?

Ecquyn đáp:

- Vì nếu không có ông cho biết bà Uynxton và em Giắc ở đâu thì tôi cũng đến chịu.

Thực vậy, năm hôm trước, Ecquyn đã ở trong bụi nhảy ra bắt Bindác khi đang mải đuổi sâu trong rừng. ông cho biết nơi đó cách trại Angve chừng hai dặm.

Trong khi thuyền xuôi dòng. Ecquyn kể lại cho mọi người nghe những chuyện xảy ra sau khi Ecquyn trốn thoát khỏi đồn Quanda, chuyện Ecquyn lén lút theo dõi đồn phu cáng bà Uynxton và em Giắc, chuyện Ecquyn tìm thấy con Đingô bị thương rồi cả hai đều đến ẩn nấp ở ngoại thành

Cadôngđê; chuyện con Đingô đem thư báo cho Đíchson biết bà Uynxton và em Giắc đang bị giam lỏng ở trại Angve. Cuối cùng là tấn bi kịch hạ màn vào chính hôm nay... Nguyên là được tìn một pháp sư danh tiếng xuống cứu nạn lụt, Ecquyn đón đường bắt pháp sư đó lấy dây bìm trói chặt vào một gốc cây, lột hết y phục, mũ mào và đồ nghề. Anh mặc các thứ đó lại theo kiểu mẫu và vẽ thêm những đường vân trên ngực bằng đất sét trắng giả làm pháp sư. Rồi Ecquyn về thẳng kinh thành Cadôngđê giả câm và lập mưu cướp bà Uynxton và em Giắc.

Trong các chuyện thuật lại, không thấy ai nói đến Đíchson, bà Uynxton liền

hỏi.

- Thế còn Đích sơn, làm sao mà thoát nạn?

Đích sơn đáp:

- Lúc đầu con cũng không biết làm sao mà thoát nạn được. Trước giờ bị hành hình, con phần uất, vùng vẫy muốn đứt tung dây trói. Nước ầm ầm chảy đến, rồi dâng lên, con lịm dần... Khi còn hơi tỉnh, con thấy mình nằm trên ổ cỏ, dưới lùm cây ven bờ sông này. Ecquyn đang quỳ bên cạnh chăm sóc con...

Bà Uynxton hỏi Ecquyn:

- Anh cứu Đích thế nào? Kể lại cho tôi nghe.

Ecquyn cười đáp:

- Thưa bà, đâu cần phải tôi cứu! Chính dòng nước mạnh đã nhổ cây cột trói thuyền trưởng của ta rồi cuốn qua đây. Tôi tình cờ vớt được Đích sơn còn thoi thóp.

Uynxton thấy chuyện đơn giản quá, hỏi:

- Làm gì có chuyện lạ thế?

Ecquyn đáp:

- Thưa bà, đêm hôm đó trời tối đen như mực, tôi liền xuống dòng sông, ngồi lẫn với đám nạn nhân dùng làm vật hy sinh đang gào khóc lẫn lộn đợi chết.

Chờ lúc họ phá đập cho nước dâng lên, tôi lội ra. Chỉ cần khóa cánh tay một cái là nhổ phăng được cây cột lẫn Đích sơn. Tôi ôm lấy và theo dòng nước bơi về đây. Thưa bà, việc đó không có gì là khó cả.

Bà Uynxton nói:

- Không, anh đã làm một việc phi thường.

Xong bà kể lại từ chuyện hôm bị giam trong trại Angve đến hôm Nego bắt bà viết thư nhắn chồng phải đem tiền đến chuộc. Bà đã đưa thư cho Nego, hẳn đang khởi hành đi tìm chồng bà rồi.

Nghe đến đây, Ecquyn bỗng kêu lên:

- Thôi chết rồi! Tôi đã làm hỏng việc của bà!

Bà Uynxton nói:

- Không phải thế. Tôi sợ chúng đánh lừa nên đắn đo mãi, sau cùng phải đánh liều viết và chỉ thuận cho chồng tôi đến bến Môsamêdét ở phía nam bờ biển Angola mà thôi.

Đíchson nói:

- Bọn chúng xảo trá lắm. Biết đâu khi ông đến bến Môsa, chúng lại không tìm có lừa ông về Cadôngđê, sào huyệt của bọn chúng.

Bà Uynxton nói:

- Xem giọng lưỡi thằng Nego, rất có thể nó sẽ gài bẫy. Vả lại nếu sự việc đó trôi chảy chẳng nữa thì biết bao giờ mới lại được gặp mặt những người thân yêu này?

Đíchson nói:

- Bây giờ chúng ta phải đến bờ biển trước khi Nego trở về bến Môsa. Ở đó, những nhà chức trách Bồ Đào Nha sẽ giúp đỡ và che chở cho chúng ta. Khi nào Angve thò ra lấy một trăm ngàn đồng, tức thì chúng ta...

- Chúng ta quất một trăm ngàn gậy vào sọ tên cáo già!

Ecquyn nghe chuyện nổi giận xen vào.

Từ trước, Đíchson vẫn có ý định tìm ra bờ biển bằng cách theo sông. Giờ đã ở sông này. Còn phương tiện đi thì một hôm Ecquyn tình cờ kiếm được một

chiếc thuyền gỗ cũ bị giạt vào một bãi cỏ rậm đã lâu ngày, anh liền kéo về sửa chữa. Để nguy trang, Ecquyn lấy cỏ phủ lên mũi thuyền giống hệt như những lùm cỏ xanh thường trôi trên các sông châu Phi mà người ta thường gọi là “những cù lao nổi”. Con thuyền của Ecquyn bây giờ cũng là một cù lao cỏ trôi trên sông. Nó không những đánh lừa được những con mắt tò mò của thổ dân mà còn quyến rũ được các giống chim thường đến đậu trên nóc rìa lông rìa cánh và ca hát véo von.

Dưới mái cỏ xanh ngắt, mọi người được nghỉ ngơi thoải mái, và tránh được cái nắng gay gắt của mặt trời. tuy nhiên, hành trình còn dài và chưa hết khó khăn, nguy hiểm. Theo con sông này thì đoàn Díchson sẽ ra phía bắc bờ biển Angola mà bến Môsa, nơi Nego hẹn gặp lại ở về phía Nam. Nhưng hãy ra thới bờ biển đã. Con sông này sẽ đưa tới đất có người Bôn Đào Nha đóng, nên sẽ yên ổn.

Thuyền êm ả xuôi dòng, hai bên cây rừng rậm rạp. Díchson ước lượng con thuyền có thể đi hơn hai dặm một giờ. Mấy ngày đầu đã có lương thực do Ecquyn dự trữ. Những hôm sau, Ecquyn và Bindác phải đánh cá để ăn. Thịnh thoảng Díchson lại lên bờ săn bắn với cây súng độc nhất do Ecquyn đem theo. Thuyền đi suốt ngày, ban đêm chỉ dừng lại một vài giờ để mọi người nghỉ ngơi lấy sức. Bước đầu của chuyến đi trên sông lạ này trôi chảy, không gặp khó khăn gì. Hai bên bờ vắng tanh không một túp lều, không một bóng người. Dân xứ Cadôngdê ít khi đặt chân tới nơi hoang địa này. Một hôm đêm đã khuya, thuyền đang đi bỗng nhiên dừng lại, Ecquyn ở đằng lái hỏi:

- Sao thế?

- Một bờ đập tự nhiên.

Ecquyn nói:

- Thế thì phá đi!

Đích sơn đáp;

-Anh đem búa lại đây.

Ecquyn xách búa nhảy sang bờ đáp:

- Để tôi phá cho.

Vật ngang đường này là một đám cỏ nước, rễ, lá giao nhau, kết thành một bè cỏ dày từ bờ bên này sang bờ bên kia, rất chắc và dai, lá cao và xanh bóng. Dân bản xứ gọi dải cỏ này là “cầu cỏ” hay “tikatika”. Người ta có thể đứng cầu đó qua sông được nếu không sợ thụt chân xuống gần đầu gối.

Khỏe và nhanh như Ecquyn, cũng phải gần một tiếng đồng hồ, dòng nước mới thông. Thuyền lại bắt đầu đi.

Chợt vắng nghe xa xa về bờ bên phải có tiếng ồn ào, tiếp theo những tiếng xì xụp đều đều như tiếng bể thợ rèn. Khi thuyền đến gần thì ra một đàn voi hàng mấy trăm con đang đứng xếp hàng trên bờ uống nước. Ban ngày chúng kiếm ăn trong rừng, ban đêm vắng vẻ, chúng kéo nhau ra sông giải khát.

Hàng trăm cái vòi đưa xuống đưa lên một loạt như máy. Nếu khúc sông này là một cái hồ thì không mấy lúc sẽ cạn hết nước.

Chương 16

NHỮNG CHUYỆN BẤT NGỜ

Suốt tám ngày thuyền đi trót lọt, không xảy ra chuyện gì quan trọng. Trong ngày mùng chín tháng 7, Đích sơn đã tỏ ra gan dạ phi thường. Lúc đó một mình Đích sơn ở trên bộ, đang rình một con nai. Đích sơn vừa bấm cò thì một con vật to lớn ở đâu nhảy vọt ra, chỉ cách độ ba mươi bước. Đó là một con

mãnh sư, thú sư tử to lớn dữ tợn, mà thổ dân gọi là “Karamôt”, một giống vật ghê gớm nhất trong các loài ác thú. Con mãnh sư đã nhảy đúng vào con nai vừa bị đạn ngã quy, đang giãy giụa và kêu la. Đích sơn không kịp lên đạn lần thứ hai. Con sư tử, khi nhảy đến đã trông thấy ngay Đích sơn nhưng nó chỉ đứng nhìn thôi. Đích sơn đứng im, không động đậy, cậu nhớ rằng trong trường hợp này chỉ có đứng im may ra thoát chết. Vì vậy mà Đích sơn không nạp đạn cũng không chạy trốn. Sư tử vẫn trừng trừng nhìn chú bằng đôi mắt đỏ ngầu và sáng lóe. Nó ngấp ngừng giữa hai con mồi, một con cử động, một con bất động. Nếu con nai không nằm trong móng vuốt của con sư tử rồi thì thế nào Đích sơn cũng mất mạng.

Hai phát trôi qua như thế, sư tử giương mắt nhìn, Đích sơn cũng nhìn lại sư tử không chớp mắt. Thế rồi, sư tử dõng vào thân con nai còn giãy dụa, tha đi như một con chó săn tha con thỏ rồi nhảy vọt vào rừng, cái đuôi xù quất rập cả những cành cây sau lưng nó đi. Đích sơn đứng yên lặng một lúc chờ cho ác thú đi xa rồi mới trở về thuyền, chú bình thản như thường, không kể lại con nguy hiểm vừa trải qua với ai cả. Rõ ràng, nếu đoàn Đích sơn không chọn con đường thủy mà băng qua rừng, thì có lẽ bây giờ không còn ai sống sót với loài ác thú đầy rẫy ở miền này.

Suốt dải đất mà con thuyền đã qua, không thấy chỗ nào có người ở. Nhưng ngày xưa chắc đã có người cư trú vì trên một vài nơi đất thấp có vết tích các làng mạc cũ. Một nhà thám hiểm trước đây qua vùng này đã có nhận xét như thế. Nhìn những hàng rào cao làm bằng các cây giáo nhọn còn sót lại và một vài cây vả cổ thụ, “cây vả thần” đứng trơ trọi giữa vùng đất, người ta biết ngay là xưa kia đã có một làng nhỏ ở đây. Theo cổ tục, sau cái chết của người

đầu mục, dân làng phải rời bỏ nơi bất an nản, kéo nhau đến một nơi khác lập nghiệp.

Ngoài dân du mục này, đây có lẽ còn có những bộ lạc sống ở hang dưới đất như người ta tìm thấy ở nhiều chỗ tại Châu Phi. Những người này chỉ lên mặt đất ban đêm để kiếm mồi và ăn cả thịt sống.

Chiều ngày 10 tháng bảy, đoàn Đíchson một phen hết hồn. Xa xa, đằng trước mặt về bờ bên phải, có một làng ở trên mặt nước. Khúc sông này phình ra thành một vũng nhỏ, bờ bên trái đá mọc lởm chởm, bờ bên phải là những nhà sàn trên mặt nước, ước chừng ba mươi nóc. Thuyền phải theo dòng nước chui qua dưới lớp nhà sàn. Làng này có người ở. Ánh lửa thấp thoáng dưới những mái tranh.

Đíchson ngồi ở mũi thuyền, vừa lựa thế đi vừa nói nhỏ báo cho Ecquyn lái để khỏi chạm vào chân những cây cột mọt của các nhà sàn. Đêm sáng, trong thuyền nhìn ra khá rõ bên ngoài nhưng bên ngoài cũng nhìn khá rõ trong thuyền. Đây là giây phút nguy kịch nhất. Có hai người ngồi trên một thân cây gần sát nước, đang nói chuyện với nhau. thuyền phải trôi qua dưới chân họ. Chỉ còn vài chục thước nữa thì tới chỗ họ rồi. Đíchson trông thấy người nọ trở cho người kia biết “đồng cỏ” sắp trôi đến làm đứt tấm lưới bằng dây leo mà họ đang chăng bắt cá. Rồi hai người vội vàng kéo lưới lên và hò người ra giúp đỡ.

Năm, sáu người da đen chạy và đi trên những cây sà ngang nối giữa hai dãy nhà sàn. Họ cầu nhau nguyên rủa âm ỉ. Trong thuyền, im lặng, không một tiếng động.

Mỗi người một tay, họ hì hục kéo tấm lưới dài và nặng lên. Nếu họ kéo kịp,

thuyền sẽ trôi qua không sao. Trái lại, nếu thuyền vướng vào lưới thì chết. Vì thế, nước càng chảy mạnh bao nhiêu, Díchsơn và Ecquyn càng cố giữ cho thuyền trôi chậm bấy nhiêu.

Trong nửa phút, thuyền len qua giữa hai hàng cột. rất may tấm lưới được kéo lên kịp. Thuyền trôi tốt nhưng bị tróc mất một mảng cỏ ở sườn bên phải.

Một người kêu lên. Anh ta đã thoáng nhìn thấy những gì ẩn dưới mảng cỏ chẳng? Con thuyền đã trôi quá tầm rồi. ỉ trong giây lát, do sức nước chảy như thác, nhìn lại, khu nhà sàn đã mất dạng. Díchsơn bảo:

- Đi sang bờ bên trái. Lòng sông chỗ này đã hết đá rồi.

Ecquyn vừa lái vừa nói:

- Bên trái.

Trăng đã lên cao, dưới ánh trăng vắng vặc, Díchsơn nhìn xa trên mặt sông không thấy gì khả nghi nữa, nhưng thuyền vẫn cẩn thận đi về bên trái.

Bốn ngày tiếp theo, từ 11 đến 14 tháng bảy, quang cảnh vùng đất con thuyền đi qua thay đổi hẳn.

Không phải là một “hoang địa” mà là một vùng cồn khô, có thể so sánh với sa mạc “Katahati” ở nam bộ châu Phi mà bác sĩ Livinhxton đã khám phá ra trong chuyến thám hiểm đầu tiên. Con sông con kéo dài vô tận, có lẽ nó cứ thế bò ra đến Đại Tây Dương. Vấn đề thực phẩm ở miền đất khô cồn này trở nên nan giải. săn bắn không được, trong thuyền có ít lương thực dự trữ phải đem ra dùng.

Bình nguyên ở hai bên sông trơ trụi không có cây cối gì, chỉ có những ngọn đồi trọc xa tít tắp ở phía đông cũng như phía tây. Lương thực cạn rồi, Díchsơn không biết xoay sở ra sao. Chợt Ecquyn nhớ rằng những dân miền

rừng núi thường dùng búp cây dương xỉ và ruột cây chỉ thảo để ăn. May quá, ven hai bờ sông, hai thứ cây này không hiếm. Búp dương xỉ được luồn lên ăn, và ruột cây chỉ thảo lấy ra ăn ngay rất ngọt. Giắc rất thích các thứ này. Tuy nhiên, hai thứ đó chỉ dùng tạm thời cho qua cơn đói. Hôm sau nhờ có Bindác mà mọi người được một bữa mát lòng.

Hôm đó, Đíchson đem súng sục sạo các đám cỏ tranh trên bờ sông chợt một con chim nhỏ bay vụt lên, Đíchson giơ súng toan bắn thì có tiếng kêu:

- Đừng bắn! Con chim nhỏ nấu đủ ăn cho năm người à?

Đó là tiếng kêu của Bindác, Đíchson đáp:

- Thế thì dành cho Giắc vậy.

Nói xong, Đíchson lại chĩa súng vào con chim còn đậu yên đó. Bindác lại kêu:

- Đó là một tên chỉ điểm có ích. Nó sẽ đưa chúng ta đến kho mật ong.

Đíchson hạ súng, ngẫm nghĩ. Hai người liền theo sau con chim. Nó bay, nó đậu, nó nhảy đến chỗ mấy khúc cây mọc nằm dài trong một bụi mận gai, chung quanh có hàng ngàn con ong đang bay lượn vo ve.

Hai người liền nhặt cỏ khô hun tở. Đàn ong káo đi hết, họ lấy được rất nhiều mật và để phần lại cho con chim những nắm sáp ong.

Hai người đem mật về thuyền, mọi người mừng rỡ. Nhưng khi mật đã hết, họ chỉ còn nước lã cầm hơi. Mọi người sẽ không khỏi chết đói, nếu trong ngày 12 tháng bảy, con thuyền không qua một vùng cứu sinh. Nơi đây, bờ cỏ xanh tốt, có hàng triệu con cào cào thấy động bay rào rào như mưa. Đíchson và Ecquyn tha hồ bắt và bỏ đầy thuyền. cào cào rang lên ẩm thơm và bùi, có thể dùng làm lương thực trong nhiều ngày.

Thuyền cứ đi mãi không biết bao giờ đến đích. Nỗi lo buồn hiện ra trên nét

mặt mọi người. Ngày 14 tháng bảy, Giắc đang ngồi ở mũi thuyền chơi, nhìn phía chân trời trước mặt, có một vũng nước bạc loang loáng, em liền kêu lên:

- A! Biển kia rồi!

Đíchson giật mình, chạy ra xem rồi nói:

- Đó là một con sông cái chảy về phía tây. Con sông nhỏ ta đang đi chỉ là một phụ lưu của con sông cái đó.

Bà Uynxton nói:

- Cầu trời cho ta chóng đến nơi!

Đíchson nói:

- Có lẽ đúng. Nếu là sông Giai hay sông Congo thực thì chỉ còn ít ngày nữa là đến miền hạ lưu. Nơi đây không vắng vẻ nữa mà có các thị trấn của người Bồ Đào Nha.

Trong những ngày 15, 16, 17 và 18 tháng bảy, thoát ra khỏi con sông nhỏ và miền đất cằn khô, con thuyền đã ra được dòng nước bạc thênh thang. Không còn mấy ngày nữa là những người sót sót của thuyền Hải âu sẽ chấm dứt cuộc đời phiêu lưu của họ. Nhưng trong đêm 17 tháng tám, một biến cố xảy ra suýt làm thiệt mạng cả đoàn.

Lúc đó, vào khoảng ba giờ sáng, có tiếng âm ã ở phía tây đưa lại. Không hiểu là tiếng gì, Đíchson gọi Ecquyn đến nghe kỹ xem tiếng động ở đâu phát ra.

Đêm yên lặng, tĩnh gió.

Ecquyan lắng tai một lúc rồi mừng rỡ:

- Đó là tiếng biển động.

Đíchson lắc đầu, đáp:

- Không phải!

Ecquyn nói:

- Đúng là tiếng biển!

- Chúng ta đợi đến sáng xem mới biết được.

Ecquyn trở lại chỗ lái thuyền, Díchsơn vẫn ngồi ở đầu thuyền nghe ngóng.

Mỗi lúc tiếng động càng to làm cho chú thêm nóng ruột.

Trời sáng nhanh, gần như không có bình minh. Đằng trước thuyền, cách chừng nửa dặm trên mặt sông nổi lên một đám xanh xanh như mây. Nhưng không phải là mây, có lẽ là hơi nước chẳng? Đúng vậy, vì khi mặt trời bắt đầu hiện ra, những tia sáng xuyên qua đám hạt nước nhỏ đó phản chiếu thành một vòng rất đẹp, mọc từ bờ bên này sang bờ bên kia.

Díchsơn kêu:

- Ecquyn, lái thuyền vào bờ mau, có thác lớn! Những đám xanh xanh kia là do nước trên cao đổ xuống mạnh quá tan thành vụn bụi nước bay vọt lên không. Vào bờ mau.

Díchsơn không nhầm. Cách đó độ nửa dặm, dòng sông đang chảy trên cao bỗng đổ xuống chỗ thấp chừng bốn mươi thước thành một thác nước hùng vĩ. Thế là chỉ còn một quãng nửa dặm nữa là con thuyền sẽ bị cuốn xuống vực sâu!

Chương 17

SV

Ecquyn gạt mạnh tay lái cho thuyền vào bờ bên trái. Díchsơn không khỏi lo sợ khi thấy bờ bên này toàn là rừng rậm, thuộc miền hạ lưu sông Cônggô. Bây giờ đoàn Díchsơn bắt buộc phải đi xuyên qua khu rừng nguy

hiềm đó vì đường thủy không thể đi được nữa. Một lát sau thuyền tiến vào bờ. Thuyền càng vào gần bờ con Đínhô càng rối rít và kêu lên những tiếng nghe rất thê thảm. Giắc ôm lấy con chó và nói:

-Lạ quá! Hình như nó khóc!

Khi thuyền còn cách bờ sáu thước, nó tuột khỏi tay Giắc nhảy ùm xuống nước, bơi vào bờ rồi chạy biến vào trong cỏ rậm. Mọi người đều ngạc nhiên không hiểu ra sao. Thuyền vào bến Ecquyn buộc thuyền vào bờ cẩn thận rồi cùng mọi người lên bộ.

Ven rừng không có một con đường nào. Tuy nhiên những vết mới gần trên đám rêu xanh chứng tỏ có người hoặc có vật vừa đi qua. Díchsơn nạp súng sẵn, Ecquyn cầm búa. Hai người đi chưa được mười bước thì gặp Đínhô dí rạp mũi xuống đất bắt hơi theo dấu vết gì. Díchsơn liền bảo bà Uynxton, Ông Bintác và Giắc

- Hãy đi sát với chúng tôi, đừng cách quãng, Ecquyn, coi chừng nhé!

Trong khi đó Đínhô đã ngẩng đầu lên, nhảy từng quãng ngắn, thỉnh thoảng lại ngoái cổ lại như để mọi người đi theo, một lúc lâu, nó dừng lại bên một cây vả cổ thụ mọc giữa khu rừng rậm rạp. Rồi nó chạy đến trước một căn lều gỗ đã nát dựng bên gốc cây vả và sủa vang.

- Ai ở trong đó?

Díchsơn vừa hỏi vừa tiến vào lều. Bà winter và những người khác theo sau. họ thấy rải rác trên nền một đám xương trắng. bà Uynxton nói:

- Có người đã chết ở đây

Díchsơn tiếp lời:

- Chắc con Đínhô biết người ấy, có lẽ là chủ nó. kìa, ta hãy nhìn xem.

Đíchson trở vào thân cây vả đã tróc da ở lưng lều,

Hai chữ đỏ đã phai màu hiện ra ở thân cây, nhưng vẫn còn đọc được.

Con Đínhô giơ chân phải lên quệt quệt vào hai chữ đỏ chỉ cho mọi người biết. Đíchson kêu:

- A! S.V. Hai chữ này con Đínhô thuộc nên hãy thấy hai chữ đó ở đâu là nó nhận ra. Hai chữ đó cũng là hai chữ đã ghi ở vòng cổ nó!

Đíchson chưa nói hết, chợt cúi nhặt lên một hộp nhỏ bằng đồng đã gỉ để ở một xó lều. Cây nắp, một mẫu giấy bắn ra, Đíchson cầm giấy đọc:

“ Bị tên dẫn đường Nego giết và lấy hết tiền ... ngày 2 tháng chạp 1871... chỗ này cách bờ biển 120 dặm... Đínhô ơi! Lại đây với ta...!”

“ Samuen Vecnông”

Mẫu giấy đã nói lên tất cả. Ông Samuen Vecnông đi với con Đínhô thám hiểm miền trung Châu Phi do tên Nego dẫn đường. Số tiền lớn ông mang theo đã gợi lòng tham của tên bất nhân. Nó rắp tâm chiếm đoạt số tiền đó. Nhà thám hiểm Pháp đi đến địa điểm trên bờ sông Cônggô này và dựng lều để quan sát.

Chính nơi đây ông bị giết, bị đoạt hết tiền của. Hạ thủ xong, Nego bỏ trốn. Khi đi qua thuộc địa Bồ Đào Nha, y lại bị bắt vì các nhà chức trách biết Nego là tay sai đắc lực của trùm buôn nô lệ Ăngva. Y bị xử tù chung thân và bị giam ở nhà lao Luanda. Được ít ngày y vượt ngục và trốn sang New Zealand. Sau đó y được đưa vào làm đầu bếp cho thuyền Hải âu và đã gieo tai họa cho những người ở trong thuyền này.

Còn ông Vecnông bị giết nhưng chưa chết hẳn. Trong khi hấp hối ông Vecnông cố thu hết hơi tàn để ghi lại ngày, tháng, động cơ ám sát và tên kẻ

sát nhân vào một mảnh giấy. Mảnh giấy đó, Ông bỏ vào cái hộp, có lẽ là cái hộp ông đã đựng tiền. Cuối cùng ông lại lấy ngón tay và máu vạch vào thân cây hai chữ viết tắt của tên ông như để ghi lại lý lịch của người bạc phận. Con Đingô có lẽ nhiều ngày đã nằm trước hai chữ đỏ ấy, nên hình ảnh chữ này đã in sâu vào óc nó mà nó không quên được. Rồi nó lang thang ra bờ biển, được thuyền trưởng tàu Andát đưa về nuôi. Sau đó nó lại lạc lõng sang thuyền Hải âu và chạm trán với kẻ giết chủ nó. Trong thời gian này, xương của nhà thám hiểm bất hạnh trắng dần ra trong túp lều cô quạnh ở giữa rừng sâu. Thân thể người quá cố chỉ còn sống lại trong ký ức của con chó trung thành.

Đứng trước di hài nhà thám hiểm, Díchson và Ecquyn định mai táng cho ông Vecnông. Chợt con Đingô quay ra sủa lên rất dữ. Lần này nó chạy thẳng ra ngoài lều một quãng không xa. Tiếng ăng ăng và gầm gừ nổi lên rất gấp, chắc con vật đang đánh nhau với một người hay vật nào. Ecquyn nhảy sỏ ra, Díchson, bà Uynxton, Giắc, Bindác cũng chạy theo. họ nhìn thấy Đingô xông vào một người đàn ông ngã lăn ra đất, con chó đang ngoạm chặt lấy cổ người đó. Đó chính là Nego!

thì ra trước khi ra cửa sông để đi châu Mỹ, Nego để những người da đen hộ vệ ở ngoài. một mình hắn vào nơi đã giết ông Vecnông. Cứ trông một nắm tiền vàng lấp lánh mới đào lên ở một góc cây kín, người ta sẽ hiểu mục đích của Nego đến đây để làm gì. Như vậy sau khi hạ sát ông Vecnông và trước khi bị sa vào tay các nhà chức trách Bồ Đào Nha, Nego đã khôn ngoan chôn số tiền cướp được vào một chỗ để sau này sẽ trở lại lấy. Và khi hắn đang đào bới số tiền vàng, bất ngờ con Đingô chụp được nhảy vào cắn họng hắn. Tên

sát nhân vội rút dao găm đâm con chó giữa lúc Ecquyn nhảy vào và hét:

- Đồ phản bội, tao phải giết mày.

Nhưng Ecquyn không cần phải giết, vì Nego đã thở hơi cuối cùng. Kẻ

sát nhân đã đèn tội đúng ngay nơi hắn đã giết người. Chỉ thương con nghia khuyển, bị một nhát dao quá nặng, nó cố lê vào trong lều và nằm vật ra ngay, bên cạnh năm xương tàn của chủ nó.

Trước cảnh đó, mọi người đều ứa nước mắt, Díchsơn và Ecquyn đào sâu một huyệt ngay dưới gốc cây. Và chôn cất thi hài ông Vecnông cùng con chó có nghĩa ở bên cạnh. Năm mồ đắp xong, đã có sẵn hai chữ “SV” ở thân cây làm mộ chí. Nego không còn nữa, nhưng hai hộ vệ đi theo hắn chắc cũng không xa. Khi không thấy chủ, tất chúng phải theo bờ sông để tìm. Đó là một điều rất nguy hiểm cho đoàn Díchsơn. Díchsơn và bà Uynxton bàn tính nên đi thế nào cho xa bọn chúng. Một điều được biết chắc chắn là con sông này đúng là sông Cônggô. Theo giấy của ông Vecnông thì chỗ này chỉ còn cách bờ biển chừng 120 dặm thôi. Tuy nhiên khúc sông này lại có thác lớn. Có lẽ là thác “Ta mô” mà người ta vẫn nói đến. Thác này đổ thẳng xuống như một bức tường. Như vậy tất phải đi bộ theo bờ trái hoặc bờ phải một quãng chừng một hay hai dặm cho qua thác rồi đóng bè xuôi ra biển. Díchsơn kết luận

- Bây giờ có hai điều để chọn: Một là cứ theo bờ bên trái, hai là sang bờ bên phải. Theo bờ bên nào cũng nguy hiểm cả. Tuy nhiên nếu đi bờ bên trái dễ bị hộ vệ của Nego đuổi kịp.

Bà Uynxton nói:

- Thế thì nên đi bờ bên phải.

Đíchson đáp:

- Không biết bên đó có dễ đi không? Bờ bên này chắc đi được vì chính

Nego đã cón con đường này. Vậy tôi thử sang trước để thăm dò xem sao.

Nói xong Đíchson làm ngay. Khúc sông này không rộng lắm, độ hơn trăm thước thôi. Sang không khó khăn mấy, nhất là đối với Đíchson. Thuyền được tháo dây, Đíchson bơi sang bờ bên phải của sông.

Bà Uynxton, Ecquyn ngồi dưới lùm cây chỉ thảo đợi và nhìn ra sông theo dõi thuyền Đíchson. Lát sau thuyền ra giữa sông, nước chảy khá mạnh do nước trôi vấp thác, cách độ hơn trăm thước. Tiếng âm âm át cả không gian. Những bụi nước ở đầu thác theo chiều gió bay tới, phủ cả con thuyền.

Đíchson nghĩ “ Giá hôm trước không để ý ghé mau vào bờ thì hôm nay cả người và thuyền đều chôn xác dưới vực”.

Thuyền như bị kéo theo dòng, Đíchson bơi chéo sang bờ bên kia.

Mười lăm phút sau, thuyền cập bờ. Đíchson sửa soạn nhảy lên. Ngay lúc đó, những tiếng hò hét nổi lên đồng thời một chục người da đen nhảy ụa lên thuyền. Đó là đám người ăn thịt sống ở xóm nhà sàn làm trên sông mà đoàn Đíchson đã tránh thoát. Đêm đó nhìn thoáng thấy có người ngồi dưới lùm cỏ, họ rượt theo bờ bên phải, rông rã tám ngày thì vừa vấp đến đây. Đíchson thấy chết đến nơi rồi và nghĩ “liệu một mình mình hi sinh thì có thể cứu thoát những người còn lại không?” Tin ở mình, không bối rối Đíchson đứng vững trên mũi thuyền, chĩa mũi súng khiến chúng không dám đến gần.

Tuy nhiên mấy đứa rút hết cỏ trên mũi thuyền để tìm những người còn nấp trong đó. Khi cỏ đã rứt hết, chẳng nhìn thấy ai chúng thất vọng chửi bới lẫn nhau. Chợt một đứa tinh mắt trở qua bờ bên kia.

Lúc đó bà Uynxton và các bạn ở bờ bên này đang đứng nhìn. Họ lo sợ cho Díchsơn nhưng không biết làm thế nào. Bọn ăn thịt sống thấy bóng người ló nhỏ bên kia sông liền reo ầm lên. Một tên lấy chân đạp vào bờ cho thuyền ra sông. Díchsơn không nghĩ đến mình chỉ mong cho những người thân yêu thoát nạn.

Trước mũi súng, bọn chúng không dám đến gần Díchsơn. Tuy nhiên một đứa vớ lấy mái chèo và chèo sang sông. Tên này lái rất giỏi và đưa chéo mũi thuyền vào bờ. Một lúc con thuyền ra giữa sông rồi chỉ còn ba mươi thước nữa là đến bờ. Díchsơn ra hiệu cho bà Uynxton và kêu lên:

- Trốn đi! Tất cả trốn đi!

Nhưng trốn làm sao kịp và trốn đi đâu bây giờ? Bà Uynxton ôm em Giắc và núp vào bụi cây. Bingiắc chạy theo. Còn Ecquyn tiến lên trước hình như muốn che chở cho mọi người. Nhưng chống làm sao với bọn người hung ác có giáo mác này?

Một ý nghĩ lóe lên trong đầu Díchsơn: Phải hi sinh để cứu những người thân yêu. Díchsơn không ngần ngại, quyết thực hiện ý nghĩ đó.

Chú quay súng bắn tan mái chèo bằng gỗ của chúng. Bọn ăn thịt người nhón nháo, la hét ầm ỹ. Con thuyền quay trở ra và bị dòng nước cuốn đi phăng phăng. Trong giây phút, con thuyền chỉ cách đầu thác vài chục thước. Thấy thế, bà Uynxton, Ecquyn hiểu rằng vì họ mà Díchsơn quyết keeos luôn bọn đó qua thác để cùng chết. Bà Uynxton và em Giắc quỳ xuống giơ tay với Díchsơn, chào vĩnh biệt! Ecquyn thất vọng run run giơ tay lên trời, mắt nhìn theo Díchsơn! Trong lúc đó mười tên ăn thịt người nhảy ùm xuống sông để bơi vào bờ, làm cho thuyền mất thăng bằng lật úp.

Không bối rối, Díchson nhanh trí dùng ngay cái vỏ thuyền úp đó làm cái đỡ để qua thác. Díchson bám chặt vào cái gióng ngang nối hai mạn thuyền, đầu nhô trên mặt nước. Vỏ thuyền trôi phẳng phẳng và sắp đến chỗ quyết liệt... Tiếng nước đổ ầm ầm. Vỏ thuyền nhào xuống, đâm sâu vào lòng vực rồi mới vọt lên khỏi mặt nước, cách xa chân thác khoảng hơn chục thước. Díchson thoát chết. Vốn bơi lội giỏi, độ mười lăm phút sau, Díchson đã vào được bờ. Thấy thế, bà Uynxton cùng mọi người mừng rỡ, reo lên và chạy tới đón Díchson.

Trong lúc đó bọn hung ác bơi không kịp vì gần đầu ngọn thác, nước chảy siết. Chúng bị nước kéo đến chân thác đầy đá nhọn, lại không được vỏ thuyền che chở như Díchson nên bị tan xác và chìm xuống đáy vực

Chương 18

KẾT THÚC

Hai hôm sau – tức là 20 tháng bảy, đoàn Díchson gặp một thương đội đi thị trấn Embôm ở cửa biển Congo. Họ không phải là bọn buôn nô lệ mà là những thương gia lương thiện người Bồ Đào Nha, đi buôn ngà voi. Đoàn Díchson được tiếp đãi tử tế, nên phần chót của cuộc lữ hành được êm đẹp. Gặp thương đội này thực là một dịp may hiếm có, nếu không thì đoàn Díchson không sao đi bằng đường thủy được. Từ chỗ này đến biển, dòng sông là một chuỗi thác liên tiếp nhau, mà đi đường bộ, thế nào cũng bị những người ăn thịt sống bắt. Chứng cứ là bốn năm sau, một nhà thám hiểm đến vùng này đã đếm được sáu hai cái thác lớn nhỏ và ông cùng đoàn hộ vệ phải giao chiến với ba hai bọn người ở ven sông.

Ngày 11 tháng tám, bà Uynxton, Díchson, Giắc, Ecquyn và Bindác về đến thị

trần Embôm. Nhân có chuyến tàu đi Panama, bà Uynxton và gia nhân xuống tàu và chẳng bao lâu thì tới địa phận Mỹ châu.

Một điện tín được gửi đi báo tin cho ông Uynxton biết.

Ngày 25 tháng tám, một chuyến xe lửa tốc hành đã đưa những người sống sót về. Ông Uynxton đã đứng sẵn ở sân ga. Tả làm sao được những nỗi vui mừng của gia đình Uynxton gặp nhau sau bao ngày nhớ thương lo lắng. Giá mà lúc này già Tôm cùng mấy người bạn của già cũng có ở đây thì vui biết mấy!

Ông Uynxton đã rõ những điều mà ông phải chịu ơn người da đen dũng cảm.

Trở về, Đíchson đi học ngay. Em Giắc đã được tám tuổi.

Đíchson hăng hái học tập, đến năm mười tám tuổi thì đỗ tốt nghiệp hạng ưu ở trường hàng hải. Đíchson được tập sự để sau này điều khiển hải thuyền Uynxton.

Mặc dù còn ít tuổi, Đíchson được mọi người yêu mến và có thể nói là kính trọng.

Chỉ có một điều làm Đíchson nghĩ đến luôn là già Tôm và các bạn da đen. Đó cũng là mối lo buồn của bà Uynxton.

Vì thế, bà Uynxton, Đíchson, và Ecquyn dùng đủ mọi cách để tìm cho ra tung tích của họ. Sau cùng, nhờ những bạn hàng của hãng hải thuyền Uynxton, họ được biết nhóm già Tôm đã bị bán sang tân đảo. Đíchson định bỏ ra số tiền dành dụm của mình để chuộc họ, nhưng bà Uynxton đã nhờ một người bạn hàng ở đó điều đình giúp và ngày 15 tháng mười một 1877, bốn người da đen gõ cửa nhà bà.

Đó là già Tôm, Pát, Antôn và Ôttanh. Bốn người bị ghệt thở trong vòng tay

thân yêu của những người bạn bấy lâu thương nhớ.

Chỉ còn thiếu có u già Năng và con Đìnhgô, nhưng biết làm sao được!

Ngày hôm đó, nhà ông Uynxton mở tiệc linh đình. Ly rượu thứ nhất bà

Uynxton thay mặt cho đoàn thủy thủ và hành khách chúc mừng Đíchson

“thuyền trưởng mười lăm tuổi” của thuyền Hải âu, trong những tiếng vỗ tay

và tiếng hoan hô nồng nhiệt của mọi người.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>